

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐỢT 1 VÀO ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2019

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
1	23006642	BÙI VĂN AN	03/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.5
2	12004595	DƯƠNG QUỐC AN	15/03/2001	Nam	Khoa học Máy tính	D07	20.5
3	01067645	ĐỖ BÌNH AN	11/12/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	17.6
4	25006320	HOÀNG ĐÌNH AN	25/10/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	18.45
5	28018233	LÊ QUANG AN	31/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.35
6	01019029	LÊ THANH AN	16/01/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	17.75
7	25003724	LƯƠNG HOÀNG AN	16/09/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A01	19.4
8	01045098	NGUYỄN ĐĂNG AN	11/06/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.9
9	01040006	NGUYỄN ĐỨC AN	20/10/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.55
10	15001354	NGUYỄN HOÀI AN	16/10/2001	Nam	Máy xây dựng	A00	17.25
11	01004067	NGUYỄN KHÁNH AN	15/10/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.6
12	01020992	NGUYỄN PHẠM QUANG AN	25/08/2001	Nam	Kiến trúc nội thất	V02	19.5
13	01042000	NGUYỄN THỊ TRƯỜNG AN	10/04/2001	Nữ	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.05
14	12000196	NGUYỄN THÁI AN	09/08/2001	Nam	Tin học xây dựng	D07	17.65
15	26011966	NGUYỄN TRƯỜNG AN	23/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.2
16	15006324	NGUYỄN VĂN AN	09/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.15
17	01025333	NGUYỄN XUÂN AN	09/09/2001	Nam	Kiến trúc	V00	19.98
18	03010743	PHẠM ĐỖ ĐỨC AN	17/06/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.8
19	01002469	PHẠM HỒNG AN	04/10/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.25
20	26017148	PHẠM THÀNH AN	03/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.3
21	25004876	TẠ THỊ AN	05/05/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	21.7
22	26014109	TRẦN BÌNH AN	01/08/2001	Nam	Kiến trúc	V00	20.68
23	22003995	TRẦN THỊ AN	29/06/2001	Nữ	Công nghệ thông tin	A00	21.85
24	12012356	TRƯƠNG VĂN AN	03/05/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21
25	01006665	VŨ HÀ AN	10/12/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	19
26	03017243	VŨ MINH AN	24/10/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	20.8
27	21000592	VŨ QUANG AN	11/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.35
28	19013099	BÙI ĐÌNH QUỐC ANH	15/08/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	22.6
29	01002478	BÙI HẢI ANH	01/01/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A01	20.65
30	27004449	BÙI HOÀNG ANH	13/05/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	20.5
31	03001517	BÙI HOÀNG ANH	06/02/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	21.7
32	17007668	BÙI THẾ ANH	29/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.05
33	01019046	BÙI THÚY ANH	16/05/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	19.5
34	25014683	BÙI TUẤN ANH	12/08/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.65
35	01016746	BÙI TUẤN ANH	19/09/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	17.2
36	08002499	CHU KIM ANH	05/06/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18.7
37	01042015	CHU QUANG ANH	08/02/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A01	17.2
38	25013501	DOÃN ĐÌNH ANH	18/12/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.35
39	01072413	DƯ QUANG ANH	26/07/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.1
40	19009909	DƯƠNG THỊ THẢO ANH	29/08/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	17.2
41	01021011	DƯƠNG TUẤN ANH	13/01/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A01	19.1
42	24004368	DƯƠNG VIỆT ANH	03/04/1998	Nam	Khoa học Máy tính	A01	20.3
43	01019050	DƯƠNG VIỆT ANH	11/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.95
44	01004121	ĐỖ DUY ANH	10/10/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	21.3
45	01004122	ĐỖ DUY ANH	27/06/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.83
46	03001525	ĐỖ ĐỨC ANH	15/07/2001	Nam	Kiến trúc	V02	21.33
47	26016224	ĐỖ ĐỨC ANH	19/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.7
48	03005808	ĐỖ HOÀNG ANH	02/08/2001	Nam	Kiến trúc	V02	21.75
49	01019068	ĐỖ HUY ANH	21/10/2001	Nam	Quy hoạch - Kiến trúc	V01	19.05
50	25015379	ĐỖ THẾ ANH	13/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.3
51	21014024	ĐỖ THỊ PHƯƠNG ANH	02/04/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	21.96
52	23001141	ĐỖ TUẤN ANH	26/05/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	D07	22.35
53	01006730	ĐỖ VIỆT ANH	28/10/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A01	18.35
54	22008672	ĐÌNH QUYẾT ANH	15/11/2001	Nam	Kiến trúc công nghệ	V02	18.2
55	24002733	ĐÌNH THẾ ANH	13/09/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	22.55
56	27000948	ĐÌNH TUẤN ANH	11/06/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.45
57	24006332	ĐÌNH VIỆT ANH	30/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.75
58	19006792	ĐẶNG ĐÌNH VIỆT ANH	12/08/2000	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.9
59	27005700	ĐẶNG ĐÔNG ANH	03/11/2001	Nam	Kiến trúc nội thất	V00	19.14
60	03005802	ĐẶNG HÀ QUỲNH ANH	04/12/2001	Nữ	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	22.7
61	01002494	ĐẶNG HỮU TUẤN ANH	08/07/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A01	18.45

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
62	01002495	ĐẶNG QUANG ANH	12/01/2001	Nam	Quy hoạch vùng và đô thị	V00	17.74
63	01004113	ĐẶNG QUỐC ANH	30/10/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A01	19.65
64	01006732	ĐỒNG THỊ MINH ANH	05/05/2001	Nữ	Khoa học Máy tính	A00	20
65	16001493	ĐẶNG TUẤN ANH	24/08/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.65
66	25005916	ĐẶNG VĂN ANH	14/03/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.25
67	29009062	ĐOÀN ĐỨC ANH	11/02/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	17.15
68	01065180	GIANG HẢI ANH	29/03/2001	Nữ	Kiến trúc	V02	23.13
69	19009914	HÀ QUỲNH ANH	14/05/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	19.1
70	01033739	HOÀNG ANH	16/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.7
71	26010942	HOÀNG BÁ ANH	29/01/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.2
72	01037001	HOÀNG ĐỨC ANH	08/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.05
73	28027495	HOÀNG ĐỨC ANH	17/04/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.15
74	29004519	HOÀNG ĐỨC ANH	05/01/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A00	22.1
75	13003293	HOÀNG KỲ ANH	29/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.95
76	27005703	HOÀNG MAI ANH	09/01/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	19.75
77	01012005	HOÀNG QUỐC ANH	16/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	20.5
78	22010376	HOÀNG THỊ VÂN ANH	26/02/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.75
79	01025357	HOÀNG TUẤN ANH	20/09/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.78
80	26008618	HOÀNG TUẤN ANH	22/03/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	18.8
81	01019083	HUỲNH HIẾU ANH	30/11/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A01	18.7
82	19007588	HÙNG MINH HOÀNG ANH	27/07/2001	Nam	Kiến trúc	V00	22.1
83	01045133	KIỀU THỊ LAN ANH	24/11/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	D07	21.05
84	03000017	LÊ ĐỨC ANH	27/04/2001	Nam	Kiến trúc công nghệ	V02	21.4
85	01002532	LÊ ĐỨC ANH	31/07/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	17.25
86	28004275	LÊ ĐỨC ANH	01/11/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.4
87	01010529	LÊ ĐỨC ANH	09/08/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	20.25
88	29000640	LÊ ĐẠI ANH	29/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.3
89	16001065	LÊ HẢI ANH	02/08/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	24.65
90	01019088	LÊ HOÀ ANH	11/08/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19
91	28021014	LÊ HỮU HÙNG ANH	13/07/1997	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.35
92	28012738	LÊ MINH ĐỨC ANH	18/03/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.95
93	28028703	LÊ MINH NAM ANH	21/08/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.3
94	01070085	LÊ NGỌC ANH	18/12/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	19.4
95	13004120	LÊ NHẬT ANH	15/08/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20
96	28017714	LÊ NHƯ TÚ ANH	06/01/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	17.2
97	01002544	LÊ QUANG ANH	25/05/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	20.4
98	22010937	LÊ THỊ KIM ANH	05/05/2001	Nữ	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	A00	16.95
99	01040050	LÊ THỊ MAI ANH	26/08/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	20
100	22009903	LÊ THỊ MINH ANH	22/08/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	20.9
101	18010743	LÊ TRUNG ANH	24/02/2001	Nam	Cấp thoát nước - Môi trường nước	A00	15.15
102	08003043	LÊ TUẤN ANH	03/07/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	21.75
103	01019096	LÊ TUẤN ANH	18/09/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.25
104	22000014	LÊ TUẤN ANH	06/10/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	16.5
105	28019736	LÊ VIỆT ANH	09/01/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.65
106	28012749	LÊ VIỆT ANH	30/09/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.4
107	25006333	LÊ VŨ ĐỨC ANH	07/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.45
108	26009649	LẠI TUẤN ANH	01/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.7
109	21002627	LƯƠNG THỊ NGỌC ANH	01/12/2001	Nữ	Kiến trúc nội thất	V00	20.41
110	01052065	LƯƠNG VIỆT ANH	27/07/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.7
111	24001618	LƯƠNG VIỆT ANH	25/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.55
112	25014691	LƯU CÔNG VIỆT ANH	23/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.95
113	12007392	LƯU QUÝ ANH	29/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.85
114	26010485	LƯU THẾ ANH	26/05/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.01
115	28025362	MAI HẢI ANH	29/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.8
116	25006953	MAI LAN ANH	15/07/2001	Nữ	Quy hoạch - Kiến trúc	V01	19.14
117	01025373	MAI VIỆT ANH	19/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	21.55
118	01065333	ỨNG NGỌC ANH	15/04/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	23.16
119	15002291	NGHIÊM TUẤN ANH	30/08/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	17.9
120	01019102	NGÔ ĐỨC ANH	21/04/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	17.55
121	26014129	NGÔ HOÀNG ANH	29/05/2001	Nam	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	A00	17.35
122	01063216	NGÔ TUẤN ANH	11/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.7
123	01004173	NGÔ TUẤN ANH	07/11/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A01	21.35
124	29028539	NGUYỄN BÁ ANH	01/08/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	21.6

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
125	01045147	NGUYỄN CHÍ ANH	27/12/2001	Nam	Tin học xây dựng	A01	19.2
126	26004683	NGUYỄN CÔNG TÀI ANH	02/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.55
127	26004684	NGUYỄN CÔNG THỂ ANH	02/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	22.3
128	29025318	NGUYỄN DUY ANH	10/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	24.15
129	26010945	NGUYỄN DUY ANH	01/08/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	20.6
130	25004361	NGUYỄN DƯƠNG NGỌC ANH	01/10/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	21.35
131	15000424	NGUYỄN ĐỨC ANH	30/04/2001	Nam	Kiến trúc	V00	20.95
132	25006954	NGUYỄN ĐỨC ANH	15/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.45
133	17007683	NGUYỄN ĐỨC ANH	12/06/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.25
134	28000039	NGUYỄN ĐỨC ANH	18/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.55
135	28033268	NGUYỄN ĐỨC ANH	25/08/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	20.85
136	24006335	NGUYỄN ĐỨC ANH	30/08/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A00	19.25
137	03007932	NGUYỄN ĐỨC ANH	26/09/2001	Nam	Kiến trúc	V02	21.08
138	25000020	NGUYỄN ĐỨC ANH	19/01/2001	Nam	Kiến trúc	V02	25.15
139	21010196	NGUYỄN HOÀNG ANH	01/08/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A01	20.95
140	21009263	NGUYỄN HOÀNG ANH	03/06/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	17.85
141	01067709	NGUYỄN HOÀNG ANH	15/08/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18
142	22001170	NGUYỄN HOÀNG ANH	13/06/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A01	18.1
143	01026953	NGUYỄN HOÀNG ANH	05/01/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	22.3
144	01006840	NGUYỄN HOÀNG MINH ANH	27/07/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A01	21.95
145	28013593	NGUYỄN HỮU VIỆT ANH	26/02/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	18.3
146	26006624	NGUYỄN HỮU VIỆT ANH	31/01/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.1
147	19012517	NGUYỄN MINH ANH	08/02/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	24.15
148	01004207	NGUYỄN NAM ANH	17/09/2001	Nam	Khoa học Máy tính	D07	20.6
149	16008399	NGUYỄN NGỌC ANH	29/09/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.8
150	28001511	NGUYỄN NGỌC ANH	24/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	21
151	18017682	NGUYỄN NGỌC ANH	20/08/2001	Nữ	Kiến trúc công nghệ	V00	17.24
152	26013201	NGUYỄN NGỌC ANH	06/10/2001	Nam	Máy xây dựng	A00	20.55
153	28029896	NGUYỄN NGỌC TUẤN ANH	20/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.5
154	28000877	NGUYỄN NGỌC TUẤN ANH	31/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	21.65
155	26012683	NGUYỄN PHAN MAI ANH	08/02/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	19.4
156	16005118	NGUYỄN PHÚ ĐÀO VIỆT ANH	10/08/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	23.3
157	12007406	NGUYỄN QUANG ANH	21/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.55
158	26000751	NGUYỄN QUANG ANH	30/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	20.5
159	18003702	NGUYỄN THỂ ANH	30/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	22.6
160	01016873	NGUYỄN THỂ ANH	30/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	19.75
161	27005713	NGUYỄN THỂ ANH	22/02/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	18.2
162	28032576	NGUYỄN THỂ ANH	13/03/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A01	18.4
163	01061161	NGUYỄN THỊ LAN ANH	19/10/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18.95
164	28008014	NGUYỄN THỊ LAN ANH	19/07/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	20.3
165	22010944	NGUYỄN THỊ LAN ANH	24/02/2001	Nữ	Khoa học Máy tính	A00	20.95
166	03011934	NGUYỄN THỊ MAI ANH	12/05/2001	Nữ	Kiến trúc	V02	22.08
167	12007411	NGUYỄN THỊ MINH ANH	14/09/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	20.2
168	28018258	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	30/05/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	21.8
169	25012460	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	01/09/2001	Nữ	Kiến trúc	V02	21.5
170	19009941	NGUYỄN THỊ TRUNG ANH	01/05/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý đô thị	A01	19.2
171	26000033	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	07/01/2000	Nữ	Kiến trúc nội thất	V00	19.34
172	28021490	NGUYỄN TRÂM ANH	03/06/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý bất động sản	A01	18
173	10005451	NGUYỄN TRỌNG ANH	22/12/2000	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A01	18.75
174	01025422	NGUYỄN TÚ ANH	19/04/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	23.05
175	26018259	NGUYỄN TÚ ANH	21/08/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.75
176	29007659	NGUYỄN TUẤN ANH	17/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.05
177	01016894	NGUYỄN TUẤN ANH	06/07/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18.55
178	29031152	NGUYỄN TUẤN ANH	08/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.95
179	01033782	NGUYỄN TUẤN ANH	10/05/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	24.1
180	28024230	NGUYỄN VĂN ANH	02/05/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A00	16.4
181	03017282	NGUYỄN VĂN ANH	12/09/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	17.4
182	28028727	NGUYỄN VĂN ANH	09/01/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	23.55
183	03008658	NGUYỄN VIỆT ANH	06/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.8
184	03007191	NGUYỄN VIỆT ANH	30/07/2001	Nam	Kiến trúc nội thất	V00	19.2
185	14002813	NGUYỄN VIỆT ANH	14/06/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.75
186	01065296	NGUYỄN VIỆT ANH	06/02/2000	Nam	Kiến trúc	V00	22.49
187	01006926	NGUYỄN VIỆT ANH	15/07/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A01	21.1

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
188	01025427	NGUYỄN VIỆT ANH	26/08/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	17.2
189	10003880	NÔNG TRUNG ANH	05/09/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.45
190	05004781	NÔNG TUẤN ANH	01/02/2001	Nam	Quy hoạch - Kiến trúc	V00	18.24
191	01021187	ÔN QUỐC ANH	28/07/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	D07	21.85
192	29017439	PHAN NGUYỄN HOÀNG ANH	26/03/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.85
193	12006504	PHAN TUẤN ANH	10/02/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	20.45
194	03009693	PHAN VĂN VIỆT ANH	03/12/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20
195	26002237	PHẠM ĐỨC ANH	16/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.5
196	25008123	PHẠM KIM ANH	06/10/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	17.6
197	25000032	PHẠM NGỌC ANH	08/01/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	19.35
198	01019207	PHẠM NGUYỄN MINH ANH	02/03/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	19.65
199	01002650	PHẠM PHƯƠNG ANH	27/07/2001	Nữ	Tin học xây dựng	A01	17.7
200	27001812	PHẠM THỊ NGỌC ANH	27/08/2001	Nữ	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A01	18.95
201	12007419	PHẠM THỊ PHƯƠNG ANH	31/10/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	19.6
202	01019212	PHẠM THỊ VÂN ANH	01/07/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	19.05
203	22005098	PHẠM TUẤN ANH	21/04/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	19.75
204	01072567	PHẠM TUẤN ANH	15/12/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	18.6
205	26000773	PHẠM TUẤN ANH	29/10/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	16.95
206	01004298	PHÙNG TIẾN ANH	31/10/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.8
207	25006966	TẠ THỊ MINH ANH	19/05/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	19.55
208	18011164	TẠ VIỆT ANH	09/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	24.3
209	18013812	THÂN THỊ LAN ANH	11/09/2001	Nữ	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	18.4
210	03004985	TÔ VŨ ANH	21/02/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A01	17.25
211	25000607	TRẦN CÔNG TUẤN ANH	04/06/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	19.4
212	01006979	TRẦN ĐỨC ANH	05/03/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.65
213	01072578	TRẦN ĐỨC ANH	18/07/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.9
214	28028240	TRẦN ĐỨC ANH	02/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.7
215	28026339	TRẦN HOÀNG ANH	04/08/2000	Nam	Khoa học Máy tính	A00	19.75
216	29025363	TRẦN KHẮC HÙNG ANH	22/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.15
217	22005631	TRẦN LAN ANH	06/11/2001	Nữ	Kiến trúc nội thất	V00	19.63
218	28017199	TRẦN LÊ QUANG ANH	01/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.35
219	22000854	TRẦN QUANG ANH	03/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.05
220	25010802	TRẦN QUỐC ANH	29/08/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	18.8
221	25015409	TRẦN THỊ LAN ANH	21/04/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	22.2
222	21011198	TRẦN TIẾN ANH	15/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.85
223	25014706	TRẦN TIẾN ANH	18/02/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	17.85
224	24007610	TRẦN TUẤN ANH	18/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.75
225	25017306	TRẦN TUẤN ANH	28/07/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.8
226	28017738	TRẦN VIỆT ANH	10/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.55
227	25003408	TRẦN VIỆT ANH	07/03/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A00	16.45
228	29010177	TRẦN VŨ HOÀNG ANH	10/03/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.65
229	28000893	TRỊNH CÔNG ANH	11/11/2000	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.4
230	22003222	TRỊNH THỊ QUỲNH ANH	30/01/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	19.93
231	30008086	TRƯƠNG CÔNG ANH	05/09/2000	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	15.45
232	16010233	TRƯƠNG HÀ ANH	10/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	25.7
233	28027516	TRƯƠNG NGỌC ANH	25/06/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	18.95
234	25001290	TRƯƠNG NHẬT ANH	24/12/2000	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.65
235	12005270	TRƯƠNG QUANG ANH	20/11/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	23.3
236	29017964	VĂN VŨ ĐỨC ANH	23/09/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.9
237	01025447	VŨ BÙI TUẤN ANH	12/08/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A01	17.15
238	01037701	VŨ DUY ANH	28/04/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.05
239	01007734	VŨ ĐỨC ANH	12/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	22.45
240	25006970	VŨ ĐỨC ANH	05/10/2001	Nam	Kiến trúc nội thất	V00	20.45
241	28026924	VŨ HOÀNG ANH	15/11/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.6
242	26010509	VŨ NGỌC ANH	14/10/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.1
243	18007033	VŨ THỊ MAI ANH	21/07/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	19.3
244	22005639	VŨ THỊ VÂN ANH	05/04/2001	Nữ	Cơ giới hóa xây dựng	A00	19.2
245	19008901	VŨ TIẾN ANH	30/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.65
246	08003957	VŨ TUẤN ANH	10/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	24.8
247	17006931	VŨ TUẤN ANH	28/07/2001	Nam	Cơ giới hóa xây dựng	A00	15.9
248	08000800	VŨ VIỆT ANH	19/08/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	20.4
249	01019258	ĐỖ NGỌC ÁNH	15/04/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý bất động sản	D07	20.85
250	19009951	ĐỖ THỊ HỒNG ÁNH	26/01/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	19.3

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
251	25008136	ĐINH THỊ ÁNH	30/07/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20
252	22011523	LÊ THỊ NGỌC ÁNH	24/12/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	21.15
253	17001658	NGUYỄN HOÀNG ÁNH	06/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.35
254	09000232	NGUYỄN MINH ÁNH	10/09/2001	Nữ	Cấp thoát nước - Môi trường nước	D07	20.35
255	06003449	NGUYỄN MẠNH ÁNH	04/07/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	18.25
256	01067789	NGUYỄN NGỌC ÁNH	17/08/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	20.58
257	01023388	NGUYỄN NGỌC ÁNH	23/03/2001	Nữ	Kiến trúc nội thất	V02	19.8
258	24007204	NGUYỄN THỊ MINH ÁNH	20/12/1999	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	19.2
259	25002298	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	19/10/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	17.5
260	19012543	NGUYỄN THỊ NHẬT ÁNH	19/11/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	19.2
261	26014980	PHAN THỊ NGỌC ÁNH	06/10/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	21.35
262	03017323	TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	21/04/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	17.35
263	21007259	VŨ HOÀNG ÁNH	16/01/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	22.65
264	21015349	VŨ THỊ NGỌC ÁNH	22/05/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	21.88
265	17005401	LÊ HOÀNG BÁCH	29/12/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	19.9
266	01007340	NGUYỄN TÙNG BÁCH	12/12/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	19.55
267	01067805	NGUYỄN XUÂN BÁCH	06/10/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	19
268	25016710	NGUYỄN VĂN BÁI	27/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.5
269	30011937	CAO HOÀNG BẢO	24/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.15
270	26001541	NGUYỄN ĐÌNH BẢO	26/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	24.15
271	18016095	NGUY GIA BẢO	11/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	20.75
272	30007495	PHAN ĐÌNH BẢO	20/11/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.35
273	30013147	PHAN TẤT BẢO	28/08/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	19
274	01025469	PHẠM ĐỨC BẢO	05/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.55
275	21004152	PHẠM THẾ BẢO	16/10/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	21.3
276	30015667	TRẦN QUỐC BẢO	18/12/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.7
277	09006734	VƯƠNG VĂN BẢO	15/09/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.95
278	19008911	ĐỖ VĂN BẮC	25/09/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.91
279	01019283	ĐẶNG PHƯƠNG BẮC	18/06/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	17.7
280	01045229	ĐẶNG VĂN BẮC	17/01/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A01	18.75
281	24006354	LÊ XUÂN BẮC	15/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.1
282	06000698	LƯƠNG CHÍ BẮC	10/08/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.55
283	26013240	NGUYỄN VĂN BẮC	24/03/2001	Nam	Kiến trúc	V00	20.6
284	24005381	TRẦN XUÂN BẮC	23/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.85
285	25016713	MAI VĂN BẰNG	17/11/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	22.55
286	16007596	NGUYỄN THẾ BẰNG	09/06/2001	Nam	Quy hoạch vùng và đô thị	V00	18.58
287	29017984	NGUYỄN THÁI BẰNG	21/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.25
288	30005082	NGUYỄN VIỆT BẰNG	13/07/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	24.1
289	25003766	NGUYỄN XUÂN BẰNG	27/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.85
290	30006455	PHẠM VĂN BẰNG	01/01/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	19.05
291	25013080	NGÔ HẢI BIÊN	12/04/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.45
292	26005458	PHẠM ANH BIÊN	19/06/2001	Nam	Tin học xây dựng	A01	19.05
293	25017332	VŨ VĂN BIÊN	10/05/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.75
294	01059440	LÊ DUY BIÊN	23/10/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	16.4
295	22007987	NGUYỄN THẾ BIÊN	21/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20
296	01057396	NGUYỄN VIỆT BIÊN	24/08/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	17.85
297	23005550	BẠCH HỮU BÌNH	11/09/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	16.65
298	01045240	BÙI CÔNG BÌNH	22/12/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	20.95
299	14010271	CẨM KHÁNH BÌNH	30/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.55
300	27004478	ĐINH VĂN BÌNH	08/01/2001	Nam	Kiến trúc nội thất	V00	19.63
301	27006526	ĐINH VĂN BÌNH	16/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.45
302	29000706	ĐẶNG THÁI BÌNH	08/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.95
303	01019293	HOÀNG BẢO BÌNH	22/01/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	21.9
304	12002838	HOÀNG NGUYỄN AN BÌNH	03/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	20.65
305	15006349	HOÀNG THANH BÌNH	26/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.15
306	12008317	NGÔ QUỐC BÌNH	17/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	22.85
307	25006375	NGÔ TIẾN BÌNH	27/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.8
308	29012150	NGUYỄN ANH BÌNH	03/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.05
309	01037733	NGUYỄN CÔNG BÌNH	08/03/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.4
310	29030204	NGUYỄN HỮU BÌNH	29/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.5
311	26017832	NGUYỄN LƯU BÌNH	24/01/2000	Nam	Khoa học Máy tính	A00	21.05
312	21006107	NGUYỄN NGỌC BÌNH	09/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.05
313	24003606	NGUYỄN THỊ BÌNH	03/02/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	17.3

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
314	01007374	NGUYỄN THÁI BÌNH	03/10/2000	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	17.95
315	18011927	NGUYỄN VĂN BÌNH	26/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.5
316	01025476	PHẠM NGỌC TUẤN BÌNH	17/09/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.45
317	25003769	TRIỆU NGỌC BÌNH	16/07/2001	Nam	Kiến trúc nội thất	V02	21.88
318	17003707	TRẦN QUỐC BÌNH	18/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.1
319	25009624	TRẦN THỊ THANH BÌNH	10/09/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.55
320	19013963	TRẦN VIỆT BÌNH	10/05/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.4
321	01004637	VŨ GIA BÌNH	06/07/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.85
322	21007262	VŨ THANH BÌNH	10/10/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	17.45
323	01067826	VŨ TRỌNG BÌNH	28/12/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	17.8
324	25013546	ĐÌNH NGỌC CA	31/07/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	23.15
325	19007634	NGUYỄN VĂN CẢNH	14/06/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	16.85
326	27001825	TRẦN ĐẮC CẢNH	02/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.95
327	28021052	DOÃN TẮT CAO	01/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.45
328	01004640	TRẦN DIỆP CẨM	05/11/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	D07	21.1
329	01002717	LƯƠNG TUẤN CẦN	16/08/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	D07	20.35
330	29010853	NGUYỄN TRỌNG CẦU	23/11/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.15
331	01059452	NGUYỄN KHẮC CHÁNG	12/08/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.7
332	16010243	PHÙNG MINH CHÂU	08/12/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.4
333	03003247	THÁI ĐẶNG MINH CHÂU	03/09/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.6
334	25014731	TRẦN HẢI CHÂU	04/09/2001	Nam	Máy xây dựng	D07	16.85
335	14010272	CAO THỊ CHI	20/11/2001	Nữ	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	24.05
336	28028759	HOÀNG THỊ CHI	02/10/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	22.75
337	21010766	NGUYỄN LAN CHI	03/12/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18.1
338	28000915	NGUYỄN LINH CHI	08/05/2000	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	19.85
339	26003738	VŨ THỊ CHI	12/09/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	22.5
340	19002892	NGUYỄN CÁT CHIÊM	29/09/2001	Nam	Kiến trúc	V00	22.51
341	28001539	ĐƯƠNG KHẮC CHIẾN	10/05/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	17.5
342	19006849	ĐƯƠNG MINH CHIẾN	30/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.95
343	22010976	ĐỖ MINH CHIẾN	14/05/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.55
344	23001153	ĐÌNH MINH CHIẾN	26/04/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	22.3
345	24003211	NGUYỄN BẢO CHIẾN	23/08/2001	Nam	Quy hoạch vùng và đô thị	V01	19.85
346	21006774	NGUYỄN MINH CHIẾN	05/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.6
347	26003739	NGUYỄN QUANG CHIẾN	10/05/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.4
348	25001308	NGUYỄN THANH CHIẾN	06/11/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	18.35
349	19006852	NGUYỄN VĂN CHIẾN	12/04/2000	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.2
350	28025860	NGUYỄN VĂN CHIẾN	31/07/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	18.8
351	21004852	NGUYỄN VĂN CHIẾN	19/07/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	20.05
352	15001405	NGUYỄN VIỆT CHIẾN	17/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.7
353	27007229	NINH QUANG CHIẾN	15/02/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	22.95
354	25005946	TRẦN MINH CHIẾN	22/06/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A00	20.45
355	01063387	TRẦN XUÂN CHIẾN	02/10/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.45
356	22007552	VŨ DUY CHIẾN	25/12/2000	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.85
357	14006916	VŨ ĐỨC CHIẾN	30/06/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.5
358	22006184	VŨ VĂN CHIẾN	23/03/2001	Nam	Máy xây dựng	A00	16.2
359	26013253	NGUYỄN THỊ VIỆT CHINH	29/06/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.2
360	19000939	NGUYỄN VĂN CHINH	21/04/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A01	19.55
361	25010833	TRẦN DUY CHINH	13/01/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.95
362	26017222	KHÚC NGỌC CHÍNH	06/12/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	18.8
363	03007985	LÊ ĐÌNH CHÍNH	28/01/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	19.5
364	28028771	LÊ ĐÌNH CHÍNH	21/03/2000	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.3
365	27007234	MAI VĂN CHÍNH	17/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.4
366	01045292	NGUYỄN VĂN CHÍNH	24/05/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.1
367	30010606	TRẦN ĐỨC CHÍNH	22/11/2001	Nam	Cấp thoát nước - Môi trường nước	A00	15.1
368	19013163	NGUYỄN VĂN CHUÂN	21/02/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	17.7
369	01040238	NGUYỄN TIỀN CHUẨN	14/05/2001	Nam	Kiến trúc	V00	20.05
370	01025512	PHẠM DANH CHUẨN	31/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.15
371	24003214	PHẠM HỮU CHUẨN	04/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.35
372	28014206	LÊ ĐỨC CHUNG	25/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.8
373	08002562	LÊ QUANG CHUNG	19/06/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	19.6
374	19009984	NGUYỄN ĐỨC CHUNG	01/06/2001	Nam	Cơ giới hóa xây dựng	A00	20.15
375	26000818	NGUYỄN QUANG CHUNG	22/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.25
376	27000044	NGUYỄN THÀNH CHUNG	01/02/2000	Nam	Kiến trúc	V00	21.21

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
377	18017123	NGUYỄN THÀNH CHUNG	19/04/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20
378	01004672	NGUYỄN VĂN CHUNG	07/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.6
379	14000050	NGUYỄN VIỆT CHUNG	08/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	19.5
380	01004675	VŨ VĂN CHUNG	06/08/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A01	20.05
381	26003743	NGUYỄN BÁ CHÚC	13/09/2001	Nam	Kỹ thuật Môi trường	B00	19.25
382	28022521	LƯU XUÂN CHUÔNG	13/08/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.6
383	26013256	PHAN VĂN CHUÔNG	02/10/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A00	20.2
384	25011904	VŨ BÌNH CHUÔNG	25/07/2001	Nam	Tin học xây dựng	A01	17.9
385	25012509	ĐẶNG VĂN CHUÔNG	16/12/2000	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.35
386	26017228	VŨ THANH HẢI	02/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.25
387	15010233	CHỬ ĐỨC CÔNG	05/01/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.65
388	22009290	ĐỖ THÀNH CÔNG	24/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.5
389	25016733	HỒ PHI CÔNG	04/01/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.3
390	24004009	LÊ THÀNH CÔNG	15/08/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	21.7
391	01050215	LÊ VĂN CÔNG	07/08/2001	Nam	Quy hoạch vùng và đô thị	V01	18.89
392	25014129	LÊ VŨ THÀNH CÔNG	12/01/2001	Nam	Tin học xây dựng	A01	20.75
393	25011383	NGUYỄN THẾ CÔNG	02/01/2000	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.75
394	19000943	NGUYỄN THÀNH CÔNG	11/12/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.3
395	12008332	NGUYỄN THÀNH CÔNG	20/12/2000	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	19.65
396	18017125	NGUYỄN THÀNH CÔNG	19/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.55
397	26007993	NGUYỄN TIẾN CÔNG	30/09/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	20.15
398	29005123	NGUYỄN VĂN CÔNG	16/12/2000	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	19.15
399	21000671	NGUYỄN VĂN CÔNG	27/12/2000	Nam	Cấp thoát nước - Môi trường nước	A00	18
400	27000047	PHẠM NGỌC CÔNG	10/10/1999	Nam	Công nghệ thông tin	A00	24
401	01021613	QUÁCH ĐỨC CÔNG	25/08/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	17.7
402	26014222	VŨ THÀNH CÔNG	12/01/2001	Nam	Quy hoạch vùng và đô thị	V01	19.25
403	25013570	VŨ THÀNH CÔNG	15/01/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.55
404	18018467	NGUYỄN ĐÌNH CỬA	31/10/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A01	18.15
405	28026378	HOÀNG THỊ CÚC	14/10/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	22.5
406	25013093	ĐINH VĂN CƯỜNG	16/04/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	D07	19.1
407	01012447	ĐẶNG ANH CƯỜNG	19/07/1999	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A01	17.75
408	25015458	NGUYỄN LONG CƯỜNG	09/10/2000	Nam	Kiến trúc	V00	20.11
409	24003620	NGUYỄN PHƯƠNG CƯỜNG	15/04/2000	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.65
410	16009044	NGUYỄN TÙNG CƯỜNG	07/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.05
411	19009992	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	02/05/2001	Nam	Kiến trúc nội thất	V02	19.1
412	24000375	PHẠM VĂN CƯỜNG	29/08/2000	Nam	Máy xây dựng	A00	19.15
413	27003445	TẠ NHẬT CƯỜNG	17/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.4
414	25011386	TRẦN MINH CƯỜNG	12/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.65
415	01067882	TRỊNH KIM CƯỜNG	12/12/2001	Nam	Máy xây dựng	A01	19.45
416	08002568	ĐỖ TIẾN CƯỜNG	27/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.55
417	03009736	ĐÀO VIỆT CƯỜNG	31/01/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	19.05
418	25001311	ĐẶNG MẠNH CƯỜNG	16/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.05
419	13000298	ĐẶNG QUỐC CƯỜNG	13/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.3
420	25005954	ĐẶNG VĂN CƯỜNG	18/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.35
421	28023117	HỒ VIỆT CƯỜNG	18/01/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A00	16.2
422	28006182	HÀ KHẮC MẠNH CƯỜNG	09/12/2000	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	16.6
423	21017357	HOÀNG MẠNH CƯỜNG	01/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.95
424	18010776	HOÀNG VIỆT CƯỜNG	24/10/2000	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	22.1
425	27007619	MÃ HOÀNG CƯỜNG	27/12/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	19.7
426	01040611	NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG	19/04/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	18.35
427	25016741	NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG	24/02/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	23.4
428	28021524	NGUYỄN LƯU CƯỜNG	18/04/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.75
429	21006131	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	31/05/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A01	18.9
430	05004561	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	04/09/2000	Nam	Quy hoạch vùng và đô thị	V00	17.75
431	25007663	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	25/05/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.88
432	30005914	NGUYỄN PHI CƯỜNG	20/10/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A00	16.35
433	28000936	NGUYỄN THÁI CƯỜNG	30/06/2001	Nam	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	A00	21.15
434	29010217	NGUYỄN TIẾN CƯỜNG	15/12/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18.8
435	21000677	NGUYỄN TRẦN CƯỜNG	28/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.25
436	17010926	NGUYỄN TRẦN XUÂN CƯỜNG	05/01/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	19.3
437	18016116	NGUYỄN TUẤN CƯỜNG	08/12/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A01	21.45
438	30010623	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	13/10/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A01	16.95
439	21015392	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	01/07/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.58

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
440	16000447	NGUYỄN XUÂN CƯỜNG	15/09/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A01	20.05
441	29028097	PHẠM ANH CƯỜNG	03/06/2001	Nam	Cấp thoát nước - Môi trường nước	A00	19.65
442	27003451	PHẠM MẠNH CƯỜNG	17/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.95
443	30015705	PHẠM QUỐC CƯỜNG	19/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.45
444	25003794	PHẠM VĂN CƯỜNG	15/01/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	18.1
445	14004147	TRẦN VIỆT CƯỜNG	03/10/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	17.4
446	14008757	TRẦN VIỆT CƯỜNG	22/04/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.15
447	03001575	TRẦN XUÂN CƯỜNG	15/10/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.1
448	29026604	VI QUỐC CƯỜNG	03/06/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	16.85
449	19007662	VÕ TIẾN CƯỜNG	09/10/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.8
450	25009646	VŨ QUỐC CƯỜNG	12/04/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	23.05
451	12008762	VŨ VĂN CƯỜNG	14/11/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.05
452	25007014	NGÔ NGỌC CỬU	06/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.1
453	26002289	DƯƠNG CÔNG DÂN	31/07/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.3
454	26012736	ĐẶNG QUANG DÂN	31/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.9
455	25009167	VŨ THẾ DÂN	06/12/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	17.2
456	25010251	MAI THỊ DIỄM	21/05/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	D07	24.05
457	26007280	NGUYỄN THẾ DIỄN	06/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.4
458	21006134	PHẠM MINH ĐIỆN	25/12/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.7
459	16010269	MAI NGỌC DIỆP	22/09/2001	Nữ	Quy hoạch - Kiến trúc	V00	19.79
460	17004081	NGUYỄN NGỌC DIỆP	16/03/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	17.25
461	28003517	LÊ VĂN DINH	23/04/2001	Nam	Cơ giới hóa xây dựng	A00	15.35
462	01021621	TRẦN THỊ DOAN	25/10/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý đô thị	D07	17.85
463	19002558	NGUYỄN DUY DOANH	15/12/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	21.2
464	26016344	PHẠM VĂN DOANH	02/09/2000	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.8
465	06002763	NGUYỄN VĂN DÔN	05/05/2000	Nam	Công nghệ thông tin	A00	25.1
466	30015264	NGUYỄN VĂN DU	14/05/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	17.45
467	25001314	MAI TRỌNG DỤ	17/02/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.3
468	26006256	LÊ ĐÌNH DUÂN	09/12/2001	Nam	Máy xây dựng	A00	17
469	19007675	NGUYỄN ĐÌNH DUÂN	27/10/2000	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	18.3
470	24008395	TRẦN TIẾN DUẬT	17/09/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	16.3
471	25013600	ĐOÀN THỊ DUNG	17/09/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	20.3
472	26001589	HOÀNG HỒNG DUNG	29/12/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	23.1
473	25010859	LÂM THÙY DUNG	14/10/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.25
474	01042344	LŨ THỊ THÙY DUNG	08/01/2001	Nữ	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.9
475	29031281	NGUYỄN THỊ DUNG	10/02/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	18.05
476	28025416	NGUYỄN THỊ THUỶ DUNG	10/01/2001	Nữ	Kiến trúc	V02	23.68
477	01037777	NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	09/10/2001	Nữ	Khoa học Máy tính	A00	19.2
478	01059527	PHAN VĂN DUNG	16/12/2001	Nam	Cấp thoát nước - Môi trường nước	A00	16.9
479	27004500	PHẠM THỊ DUNG	01/10/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.6
480	26017260	PHẠM THÙY DUNG	12/05/2000	Nữ	Kiến trúc	V00	20.34
481	25013601	PHẠM THÙY DUNG	26/04/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	21.1
482	25009177	PHẠM THÙY DUNG	01/01/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	23.85
483	28025887	TRẦN THỊ DUNG	10/01/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	19.8
484	26001593	BÙI TIẾN DŨNG	05/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.8
485	16004164	BÙI VĂN DŨNG	22/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.8
486	03011284	BÙI VĂN DŨNG	21/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.25
487	26008028	ĐỖ ANH DŨNG	21/04/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	20.2
488	26016354	ĐỖ ĐỨC DŨNG	22/01/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	17.9
489	03005974	ĐÀM TIẾN DŨNG	09/12/2001	Nam	Cấp thoát nước - Môi trường nước	A00	19.1
490	01061371	ĐINH TIẾN DŨNG	07/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.35
491	16007615	ĐINH TIẾN DŨNG	03/10/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.09
492	03003283	ĐINH TẤN DŨNG	04/11/2001	Nam	Kiến trúc	V02	21.68
493	27000980	ĐINH VĂN TIẾN DŨNG	21/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.15
494	21012997	ĐỒNG VĂN DŨNG	03/07/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	21.95
495	29018068	HỒ ANH DŨNG	05/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	22.5
496	29006740	HOÀNG ANH DŨNG	22/03/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	19.35
497	01017075	HOÀNG ANH DŨNG	12/01/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	19.95
498	21017369	HOÀNG ĐỨC DŨNG	23/10/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	18.6
499	01004709	HOÀNG THÁI DŨNG	01/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.35
500	17005443	HOÀNG TRUNG DŨNG	30/11/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18.55
501	03000083	HOÀNG VĂN DŨNG	07/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.35
502	28030985	LÊ ANH DŨNG	11/12/2001	Nam	Quy hoạch vùng và đô thị	V01	19.33

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
503	15009297	LÊ ANH DŨNG	11/01/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.95
504	24008398	LÊ ANH DŨNG	30/11/2001	Nam	Kiến trúc	V00	20.38
505	01059537	LÊ QUANG DŨNG	07/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.8
506	30014621	LÊ VĂN DŨNG	13/05/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	21.7
507	18015533	LƯU XUÂN DŨNG	15/12/2001	Nam	Khoa học Máy tính	D07	18.7
508	01013050	NGÔ TRUNG DŨNG	30/05/2001	Nam	Tin học xây dựng	A01	19
509	16002683	NGUYỄN ANH DŨNG	28/08/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	21
510	10000072	NGUYỄN ANH DŨNG	12/11/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	21.45
511	01019377	NGUYỄN ANH DŨNG	28/06/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	17.3
512	19002935	NGUYỄN ĐỨC DŨNG	11/08/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.7
513	21015416	NGUYỄN ĐÌNH DŨNG	19/05/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.4
514	28016185	NGUYỄN HỮU DŨNG	03/08/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	22.05
515	24000975	NGUYỄN MINH DŨNG	29/10/2001	Nam	Kiến trúc	V00	23.84
516	03005052	NGUYỄN MẠNH DŨNG	26/12/2001	Nam	Kiến trúc	V00	22.43
517	29006743	NGUYỄN NGỌC DŨNG	21/07/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	18
518	16008472	NGUYỄN QUỐC DŨNG	28/08/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.39
519	28000944	NGUYỄN SỸ DŨNG	01/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.1
520	18007084	NGUYỄN THẾ DŨNG	31/08/2000	Nam	Kiến trúc	V00	19.5
521	01055526	NGUYỄN TIẾN DŨNG	22/08/2001	Nam	Kiến trúc công nghệ	V00	21.93
522	26009752	NGUYỄN TIẾN DŨNG	08/02/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.2
523	26012080	NGUYỄN TẤN DŨNG	13/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.5
524	22010462	NGUYỄN VĂN DŨNG	27/10/2000	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.9
525	03002103	NGUYỄN VĂN DŨNG	17/12/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.33
526	25014780	NGUYỄN VĂN DŨNG	20/03/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	17.7
527	30004418	NGUYỄN VIỆT DŨNG	25/09/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.45
528	01055530	NGUYỄN VIỆT DŨNG	10/04/2001	Nam	Kiến trúc	V00	20.31
529	12000286	NGUYỄN XUÂN DŨNG	09/10/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A01	17.05
530	26013263	PHAN ANH DŨNG	20/08/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.75
531	29028670	PHẠM ĐÌNH DŨNG	02/11/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.75
532	01034284	PHẠM HUY DŨNG	26/07/2001	Nam	Quy hoạch - Kiến trúc	V01	18.74
533	26017872	PHẠM TIẾN DŨNG	12/02/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.25
534	21012334	PHẠM TIẾN DŨNG	09/01/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	18.1
535	03007267	PHẠM TIẾN DŨNG	31/05/2001	Nam	Kiến trúc công nghệ	V02	20.85
536	21015419	PHẠM VĂN TIẾN DŨNG	02/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	21.6
537	01050280	PHÙNG TIẾN DŨNG	27/11/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A01	16.8
538	01065835	TẠ NGỌC DŨNG	31/05/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	20.55
539	12007509	THÁI MINH DŨNG	10/12/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A00	17.75
540	01007797	TRẦN ANH DŨNG	02/08/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A01	20.35
541	17006238	TRẦN MẠNH DŨNG	18/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	23
542	25000671	TRẦN TIẾN DŨNG	03/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	22.4
543	22003275	TRẦN TRUNG DŨNG	22/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.5
544	22008026	TRẦN VIỆT DŨNG	16/11/2001	Nam	Kiến trúc	V00	22.7
545	18018481	TRẦN VIỆT DŨNG	01/06/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18.9
546	24006376	TRINH VĂN DŨNG	29/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.75
547	15007271	VI TIẾN DŨNG	28/11/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	22.75
548	28020763	VŨ ĐỨC DŨNG	01/08/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.15
549	01027473	VŨ MẠNH DŨNG	21/01/2001	Nam	Cấp thoát nước - Môi trường nước	A01	18.4
550	25011936	VŨ TRUNG DŨNG	28/02/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.55
551	25014782	BÙI ĐỨC DUY	22/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.3
552	25014783	CAO XUÂN DUY	03/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.25
553	28025421	ĐƯƠNG QUANG DUY	28/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	22
554	15004561	ĐỖ ĐỨC DUY	18/08/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	18.7
555	22006572	ĐỖ VĂN DUY	11/05/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.2
556	21014741	HỨA KHƯƠNG DUY	25/12/2001	Nam	Cấp thoát nước - Môi trường nước	A00	20.45
557	19012580	HOÀNG CÔNG DUY	22/08/2001	Nam	Quy hoạch - Kiến trúc	V01	18.05
558	25016765	HOÀNG VĂN DUY	27/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	24.4
559	18001079	LÂM HÙNG DUY	01/04/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	D07	19.15
560	03005056	LÊ HỮU DUY	10/04/2001	Nam	Kiến trúc nội thất	V00	23.63
561	01027478	LÊ QUANG DUY	14/03/2001	Nam	Kiến trúc	V02	20.8
562	29010917	LÊ THÁI DUY	15/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.7
563	25010865	LẠI KHƯƠNG DUY	02/10/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.5
564	14001101	NGUYỄN ĐẮNG DUY	10/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.75
565	25007031	NGUYỄN ĐỨC DUY	09/01/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.85

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
566	01030216	NGUYỄN ĐỨC DUY	12/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.85
567	01004737	NGUYỄN ĐỨC DUY	30/11/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A01	18.9
568	22000086	NGUYỄN ĐẮC LÂM DUY	29/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	24
569	01068221	NGUYỄN ĐÌNH DUY	28/07/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.2
570	01023487	NGUYỄN ĐÌNH DUY	17/09/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	16
571	03000088	NGUYỄN ĐÌNH DUY	02/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.1
572	01065837	NGUYỄN KHÁNH DUY	29/11/2001	Nam	Kiến trúc nội thất	V00	19.15
573	01034288	NGUYỄN KHÁNH DUY	01/09/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A01	19.6
574	24000060	NGUYỄN NGỌC DUY	05/09/2000	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.3
575	22011563	NGUYỄN PHÚC DUY	17/02/2001	Nam	Kiến trúc công nghệ	V00	19.29
576	01004742	NGUYỄN QUANG DUY	13/06/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A01	19.35
577	01063472	NGUYỄN TIẾN DUY	20/05/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18.2
578	03007273	PHAN KIM DUY	11/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.9
579	26012757	PHẠM NGỌC DUY	23/04/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.85
580	17004738	PHẠM NHẬT DUY	19/06/2000	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.2
581	28017256	PHẠM NHƯ TUẤN DUY	21/06/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.35
582	27003463	PHẠM QUANG DUY	01/09/2000	Nam	Kiến trúc	V00	21.2
583	03014712	PHẠM QUỐC DUY	08/01/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A01	19.55
584	25011943	PHẠM TIẾN DUY	23/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23
585	26015048	PHẠM VĂN DUY	10/07/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	20.75
586	01065839	PHẠM VĂN DUY	19/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.4
587	25013111	TRẦN ĐỨC DUY	03/07/2001	Nam	Kiến trúc	V00	19.51
588	22000090	TRẦN VĂN DUY	20/12/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	17.8
589	18017767	TRƯƠNG CÔNG DUY	14/06/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.05
590	12000296	VI MẠNH DUY	12/02/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.65
591	26017880	VŨ ĐỨC DUY	05/02/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	19.4
592	25007680	VŨ NGỌC DUY	26/10/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	21.8
593	25014791	VŨ NGỌC DUY	09/10/2000	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.7
594	01002805	VŨ NGUYỄN ANH DUY	07/02/2001	Nam	Kiến trúc	V02	20.03
595	21000699	VŨ VĂN DUY	08/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.8
596	28014225	HOÀNG THỊ DUYÊN	07/04/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18.05
597	01025580	NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	20/12/2001	Nữ	Kiến trúc công nghệ	V00	17.84
598	27007632	PHẠM THỊ HỒNG DUYÊN	02/03/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	21.71
599	03017619	PHẠM THỊ MỸ DUYÊN	01/11/2001	Nữ	Tin học xây dựng	A00	17.2
600	21007298	TRƯƠNG THỊ DUYÊN	03/02/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	20.8
601	26012099	HỒ SỸ DUYỆT	28/02/2001	Nam	Kiến trúc	V00	23.26
602	26007314	NGUYỄN THẾ DUYỆT	05/03/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A01	20.45
603	24001697	TRƯƠNG ĐÌNH DƯ	16/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.55
604	26010569	BÙI THÙY DƯƠNG	01/04/2001	Nữ	Công nghệ thông tin	A00	21.3
605	01050317	ĐỖ ĐỨC DƯƠNG	22/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.95
606	03010376	ĐÀO HỮU DƯƠNG	07/12/2001	Nam	Kiến trúc	V00	20.93
607	01025588	ĐINH ĐẠI DƯƠNG	28/06/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	20.6
608	01017104	ĐINH HOÀNG DƯƠNG	20/07/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	23.3
609	21017384	ĐẶNG THẾ DƯƠNG	11/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	20.7
610	25011952	ĐẶNG XUÂN DƯƠNG	20/11/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	17.95
611	21014143	HÀ HẢI DƯƠNG	17/08/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A01	24.3
612	17006257	LÊ BÌNH DƯƠNG	15/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	20.2
613	28000958	LÊ MINH DƯƠNG	05/11/2000	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	23.6
614	28030411	LÊ THẾ DƯƠNG	05/07/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.4
615	22004394	LÊ THỊ THÙY DƯƠNG	12/06/2001	Nữ	Tin học xây dựng	A00	18.35
616	28019787	LÊ TÙNG DƯƠNG	06/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.7
617	01050322	LƯU CÔNG QUANG DƯƠNG	15/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.4
618	28025427	MAI ĐỨC DƯƠNG	02/06/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	17.4
619	28003253	NGUYỄN ÁNH DƯƠNG	25/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.8
620	17003526	NGUYỄN DUY DƯƠNG	28/03/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18.85
621	16008002	NGUYỄN ĐĂNG DƯƠNG	22/05/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	17.3
622	01042599	NGUYỄN ĐẮC DƯƠNG	30/06/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	21.3
623	12000305	NGUYỄN HẢI DƯƠNG	06/08/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	22.05
624	28021097	NGUYỄN HOÀNG DƯƠNG	23/10/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	17.1
625	26014269	NGUYỄN KHÁNH DƯƠNG	23/09/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.2
626	01007833	NGUYỄN MINH DƯƠNG	18/11/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	20.2
627	12004100	NGUYỄN NAM DƯƠNG	01/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.1
628	01004770	NGUYỄN NAM DƯƠNG	08/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	21.65

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
629	03008021	NGUYỄN NGÂN TÙNG DƯƠNG	13/09/2001	Nam	Tin học xây dựng	A01	17.45
630	19006922	NGUYỄN THỂ DƯƠNG	24/08/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.25
631	08003131	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	04/02/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	19.2
632	18005113	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	01/08/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18.3
633	19007700	NGUYỄN TUẤN DƯƠNG	05/07/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18.65
634	01045697	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	10/12/2001	Nam	Công nghệ thông tin	D07	21.45
635	01030271	PHAN THÁI DƯƠNG	04/08/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	D07	16.7
636	21008730	PHAN TRIỆU DƯƠNG	22/11/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A01	17.95
637	22007582	PHẠM THỊ THÙY DƯƠNG	14/10/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	24.65
638	25015513	PHẠM TRUNG DƯƠNG	20/08/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A01	19.3
639	01021650	PHẠM TÙNG DƯƠNG	04/12/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	21.55
640	06000545	SÂM TUẤN DƯƠNG	18/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.65
641	26008047	TÔ BÌNH DƯƠNG	11/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.15
642	25000682	TRẦN BẠCH DƯƠNG	09/04/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	23.2
643	19009491	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	26/10/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18.75
644	30004435	TRẦN HỮU LÂM DƯƠNG	09/08/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	17.65
645	25010881	TRẦN QUÝ DƯƠNG	22/08/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	21.45
646	18017784	TRẦN THÁI DƯƠNG	06/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	19.5
647	21012360	TRẦN VĂN DƯƠNG	27/12/2000	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A01	16.8
648	28033364	TRỊNH NGỌC DƯƠNG	15/05/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	19.55
649	16011223	TRƯƠNG BÌNH DƯƠNG	22/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	D07	20.5
650	01038277	VŨ THÙY DƯƠNG	02/04/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	D07	20
651	18011239	VŨ TUẤN DƯƠNG	09/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.6
652	22006977	VŨ VĂN DƯƠNG	27/02/1999	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.55
653	25016176	VƯƠNG MINH DƯƠNG	12/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.6
654	22004050	VƯƠNG VĂN DƯƠNG	02/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.5
655	26000883	ĐẶNG QUÝ DƯƠNG	12/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.4
656	25015515	NGUYỄN NGỌC DƯƠNG	02/03/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.2
657	21011267	LƯƠNG ĐỨC ĐẠI	05/11/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.8
658	25007693	NGUYỄN QUỐC ĐẠI	11/03/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	17.7
659	25015518	NGUYỄN TIẾN ĐẠI	24/09/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.25
660	19004781	TRẦN CÔNG ĐẠI	22/09/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.2
661	24007643	TRẦN ĐĂNG ĐẠI	10/11/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.25
662	25010886	TRẦN NGỌC ĐẠI	21/03/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A01	17.75
663	25009198	TRẦN VĂN ĐẠI	16/06/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	19.45
664	28025907	MAI VĂN ĐAM	11/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.45
665	25014815	LÊ VĂN ĐAN	16/07/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	18.9
666	25015520	VŨ DUY ĐAN	03/07/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	21.8
667	19012595	NGUYỄN KHẮC ĐÁNG	19/01/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18.35
668	26017282	VŨ THỊ ĐÀO	09/05/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.75
669	25006434	HOÀNG VĂN ĐẠO	08/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.4
670	28023745	LÊ VĂN ĐẠO	14/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.3
671	28030423	TRẦN QUANG ĐẠO	28/08/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.25
672	29000799	TRẦN XUÂN ĐẠO	09/12/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A01	16.85
673	19010700	BIÊN TIẾN ĐẠT	10/12/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.65
674	26002338	BÙI TRUNG ĐẠT	24/05/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	16.1
675	01061451	BÙI VĂN ĐẠT	25/02/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A01	18.55
676	21013037	CAO TUẤN ĐẠT	21/04/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.15
677	25008202	ĐỖ ĐÌNH ĐẠT	29/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.75
678	17005477	ĐỖ THÀNH ĐẠT	04/05/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.4
679	01021662	ĐỖ THÀNH ĐẠT	30/08/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.5
680	22006218	ĐÀM VĂN ĐẠT	28/07/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.35
681	01019449	ĐÀO HẢI ĐẠT	07/12/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A01	18.8
682	17012641	ĐÌNH BÁ ĐẠT	02/02/2001	Nam	Tin học xây dựng	A01	19.65
683	27001866	ĐÌNH TRỌNG ĐẠT	06/04/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	18.65
684	01005098	ĐOÀN TIẾN ĐẠT	05/02/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	20.05
685	28017803	LÊ SỸ ĐẠT	26/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.65
686	01068244	LÊ THÀNH ĐẠT	08/04/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	17.9
687	26012111	LÊ THÀNH ĐẠT	13/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.2
688	28004357	LÊ TIẾN ĐẠT	18/04/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19
689	01019456	LÊ TIẾN ĐẠT	19/09/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	18.4
690	02062052	LOAN THỂ ĐẠT	28/05/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	22.25
691	28004361	LƯU VĂN ĐẠT	29/01/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.75

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
692	01030295	NGUYỄN CHÚC THÀNH ĐẠT	01/12/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.35
693	30006508	NGUYỄN DOÃN ĐẠT	25/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.85
694	19006935	NGUYỄN DUY ĐẠT	14/01/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	22.55
695	01017137	NGUYỄN ĐỨC ĐẠT	19/02/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A01	19.1
696	26017287	NGUYỄN ĐỨC ĐẠT	07/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.75
697	01052690	NGUYỄN ĐÌNH ĐẠT	26/03/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	17.65
698	15002401	NGUYỄN MINH ĐẠT	13/05/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	D07	17.3
699	24001004	NGUYỄN THẾ ĐẠT	05/09/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.35
700	22006224	NGUYỄN THẾ ĐẠT	09/09/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.24
701	27000068	NGUYỄN THẾ ĐẠT	29/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	24.15
702	25008205	NGUYỄN THẾ THÀNH ĐẠT	27/09/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	17.45
703	22003311	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	03/09/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.3
704	27008375	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	28/10/2001	Nam	Quy hoạch - Kiến trúc	V01	20.06
705	25009681	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	15/07/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.35
706	26012768	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	15/06/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19
707	24004046	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	04/07/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A01	16.85
708	03016776	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	29/09/2000	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.15
709	25010891	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	07/07/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.75
710	01025628	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	09/05/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.6
711	26001637	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	20/06/2001	Nam	Cấp thoát nước - Môi trường nước	A01	18.6
712	26013286	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	13/07/2001	Nam	Cơ giới hóa xây dựng	A00	16.65
713	13000331	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	22/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.9
714	26012769	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	01/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.15
715	01065530	NGUYỄN TRỌNG ĐẠT	03/08/2000	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18.3
716	30008143	NGUYỄN TRỌNG ĐẠT	09/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.15
717	28033371	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	17/05/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.45
718	29024268	NGUYỄN VĂN ĐẠT	23/06/2000	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A00	19.5
719	25011431	NGUYỄN VĂN ĐẠT	07/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.55
720	27001411	NGUYỄN VĂN ĐẠT	21/05/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	17.9
721	01007871	NGUYỄN XUÂN ĐẠT	20/11/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	23.7
722	01027587	NÔNG THÀNH ĐẠT	09/03/2001	Nam	Công nghệ thông tin	D07	23
723	30004451	PHAN NGUYỄN TIẾN ĐẠT	11/11/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.8
724	26009788	PHAN THÀNH ĐẠT	30/06/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	21.15
725	25012577	PHAN VĂN ĐẠT	27/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.6
726	21006165	PHẠM TIẾN ĐẠT	11/10/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.4
727	17011772	TĂNG TIẾN ĐẠT	02/01/2001	Nam	Máy xây dựng	A00	17.65
728	25001351	TRẦN DOÃN ĐẠT	13/10/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.05
729	26004789	TRẦN ĐỨC ĐẠT	28/03/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.2
730	30011980	TRẦN ĐỨC ĐẠT	20/06/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.15
731	30006509	TRẦN LÊ TRỌNG ĐẠT	12/07/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	22.9
732	19005990	TRẦN MẠNH ĐẠT	29/08/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A00	16.4
733	25003830	TRẦN THÀNH ĐẠT	09/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.3
734	25013128	TRẦN TIẾN ĐẠT	23/11/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	16.9
735	28002040	TRẦN TUẤN ĐẠT	21/07/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	20.4
736	25003834	TRẦN VĂN ĐẠT	11/12/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.75
737	28033374	TRỊNH THÀNH ĐẠT	15/10/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.3
738	29015033	VI QUỐC ĐẠT	26/02/2001	Nam	Kiến trúc	V00	23.11
739	24005054	VŨ BÁ HOÀNG ĐẠT	09/10/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.2
740	28002900	VŨ THÀNH ĐẠT	27/04/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	15.7
741	17005486	VŨ TIẾN ĐẠT	11/07/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	17.55
742	26008715	VŨ TIẾN ĐẠT	27/07/2001	Nam	Cấp thoát nước - Môi trường nước	A00	17.2
743	22009981	ĐỖ VĂN ĐĂNG	14/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	23.8
744	18017794	ĐOÀN HẢI ĐĂNG	11/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.05
745	29026676	ĐẬU HẢI ĐĂNG	27/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.2
746	01038289	HOÀNG HẢI ĐĂNG	26/08/1999	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.7
747	27004521	LÊ HẢI ĐĂNG	15/07/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	20.35
748	28000980	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	06/11/2000	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.7
749	17012647	NGUYỄN MINH ĐĂNG	07/01/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	22.05
750	29010255	NGUYỄN QUÝ ĐĂNG	21/01/2001	Nam	Kiến trúc	V00	20.34
751	08003141	NGUYỄN QUÝ ĐĂNG	06/12/1999	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19
752	24000431	QUYỀN VIỆT ĐĂNG	27/05/2001	Nam	Kiến trúc	V00	20.65
753	17005487	PHẠM LÊ ĐIỂM	31/10/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A01	19.05
754	26013778	VŨ MINH ĐIỂM	29/12/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.25

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
755	18017796	NGUYỄN ĐỨC ĐIỀN	16/10/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.9
756	26008718	ĐẶNG ĐÌNH ĐIỆN	16/04/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.85
757	01007887	BÙI XUÂN ĐIỆP	16/02/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.79
758	29010259	NGUYỄN TRẦN ĐIỆP	06/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.25
759	26013291	NGUYỄN VĂN ĐIỆP	16/11/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A00	20.05
760	26012775	PHẠM HOÀNG ĐIỆP	14/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20
761	25008216	ĐẶNG NGỌC ĐỊNH	23/03/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	22.95
762	25016797	CAO XUÂN ĐOÀN	15/02/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21
763	18016140	CHU XUÂN ĐOÀN	18/01/2001	Nam	Tin học xây dựng	A01	20.65
764	01057617	NGUYỄN ĐẮC ĐOÀN	11/07/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A00	18.2
765	03001605	NGUYỄN QUỐC ĐOÀN	12/01/2000	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	18.65
766	03012054	NGUYỄN XUÂN ĐOÀN	22/04/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	17.45
767	01042671	PHẠM CÔNG ĐOÀN	16/05/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	18
768	17010978	VŨ TRUNG ĐOÀN	26/03/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.6
769	15005832	HỒ VĂN ĐÔ	11/12/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.95
770	03013603	NGUYỄN ĐỨC ĐÔ	17/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.55
771	29006794	VÕ HOÀNG TRUNG ĐÔ	20/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.65
772	22009344	VŨ THÀNH ĐÔ	31/12/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	24.2
773	01005119	LÊ QUANG ĐỘ	01/07/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A00	19.75
774	25012585	NGUYỄN ĐỨC ĐỘ	02/09/2001	Nam	Kiến trúc	V02	23.08
775	18007124	TRẦN QUÝ ĐÔN	18/07/2001	Nam	Tin học xây dựng	A01	17.25
776	24006388	LÊ DUY ĐÔNG	11/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.75
777	29028720	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	01/06/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	18.4
778	25016804	PHAN VĂN ĐÔNG	26/04/2001	Nam	Kiến trúc	V00	22.25
779	25009698	PHẠM DUY ĐÔNG	05/10/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18.5
780	25008220	TRẦN THẾ ĐÔNG	25/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.55
781	29006798	CAO BÁ ĐỒNG	22/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23
782	02059673	PHẠM THẾ ĐỒNG	16/10/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	16.55
783	25007081	TẠ ĐÌNH ĐỘNG	01/08/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	20.5
784	26013296	BÙI MINH ĐỨC	01/04/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	23.3
785	24006391	BÙI MẠNH ĐỨC	25/09/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.6
786	28012892	BÙI TRUNG ĐỨC	17/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	20.25
787	21012384	ĐƯƠNG PHÚC ĐỨC	29/12/1999	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.2
788	19011384	ĐƯƠNG VĂN ĐỨC	20/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.2
789	01021694	ĐỖ MẠNH ĐỨC	02/11/2001	Nam	Kiến trúc	V00	19.58
790	22011592	ĐỖ NHO ĐỨC	10/09/2000	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	20.75
791	28000202	ĐỖ TIẾN ĐỨC	04/08/2001	Nam	Cấp thoát nước - Môi trường nước	A00	15.25
792	18005689	ĐỖ TRUNG ĐỨC	27/04/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	23.35
793	25015542	ĐỖ VĂN ĐỨC	10/04/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.8
794	23005605	ĐỖ XUÂN ĐỨC	19/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.5
795	26008721	ĐÀO MINH ĐỨC	11/06/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A00	18.95
796	25011985	ĐINH ANH ĐỨC	27/01/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	21.15
797	30014147	ĐINH HOÀI ĐỨC	04/01/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A01	19.9
798	12000328	ĐINH NGỌC ĐỨC	14/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	21.15
799	28001583	ĐẶNG HỒNG ĐỨC	14/04/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	19
800	21007849	ĐOÀN HỮU ĐỨC	24/07/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.9
801	17001160	ĐOÀN HUỲNH ĐỨC	01/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	24.05
802	01038306	HOÀNG MINH ĐỨC	26/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.65
803	26006720	HOÀNG MINH ĐỨC	28/06/2000	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	16.5
804	28000983	HOÀNG MẠNH ĐỨC	15/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.7
805	22011035	HOÀNG VĂN ĐỨC	11/04/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.84
806	03008936	LÊ ANH ĐỨC	02/02/2001	Nam	Kiến trúc nội thất	V02	22.13
807	25007715	LÊ HUỲNH ĐỨC	16/10/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.7
808	01021701	LÊ MINH ĐỨC	16/12/2001	Nam	Kiến trúc	V02	21.08
809	21011281	LÊ TRUNG ĐỨC	01/02/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	22.5
810	28034049	LÊ VĂN ĐỨC	10/10/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	21.05
811	25008225	MAI VĂN ĐỨC	11/02/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	17.6
812	23006688	NGÔ TRẦN MẠNH ĐỨC	15/10/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	17.2
813	28002905	NGÔ XUÂN ĐỨC	16/01/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.35
814	28027015	NGUYỄN ANH ĐỨC	28/09/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.05
815	08000091	NGUYỄN ANH ĐỨC	01/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.15
816	03008940	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	15/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.2
817	28025446	NGUYỄN HỮU ĐỨC	22/09/2000	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	17

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
818	15000483	NGUYỄN HỮU ĐỨC	15/07/2001	Nam	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	D07	15.9
819	01068278	NGUYỄN HUY ĐỨC	09/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.45
820	03014765	NGUYỄN MINH ĐỨC	27/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.55
821	13001728	NGUYỄN MINH ĐỨC	17/11/2001	Nam	Kiến trúc	V02	23.48
822	15000484	NGUYỄN MINH ĐỨC	24/06/2001	Nam	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	A00	17.1
823	26003075	NGUYỄN MINH ĐỨC	07/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.55
824	10000118	NGUYỄN MINH ĐỨC	26/02/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A01	19.4
825	12007565	NGUYỄN MINH ĐỨC	19/02/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.45
826	26012127	NGUYỄN MINH ĐỨC	27/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.9
827	21007850	NGUYỄN NGỌC ĐỨC	01/01/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	16.5
828	01005135	NGUYỄN TIẾN ĐỨC	19/11/2001	Nam	Công nghệ thông tin	D07	21.9
829	26008080	NGUYỄN TIẾN ĐỨC	20/06/1997	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.4
830	01065892	NGUYỄN TIẾN ĐỨC	16/05/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A00	18.6
831	18007130	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	28/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.35
832	13000341	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	13/08/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	22.2
833	25010906	NGUYỄN VĂN ĐỨC	02/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.1
834	24006396	NGUYỄN VĂN ĐỨC	02/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.55
835	26003843	NGUYỄN VĂN ĐỨC	30/01/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	22
836	01052773	NGUYỄN VĂN ĐỨC	15/01/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A01	18.7
837	22008069	NGUYỄN VĂN ĐỨC	21/12/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	20.4
838	25016808	NGUYỄN VĂN ĐỨC	13/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.45
839	19006003	NGUYỄN VĂN ĐỨC	30/11/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	15.5
840	08003594	NGUYỄN VIỆT ĐỨC	29/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.3
841	22007598	NGUYỄN XUÂN ĐỨC	30/11/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	20.7
842	13002829	PHAN HUY ĐỨC	23/12/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.95
843	42013090	PHAN TRỌNG ĐỨC	04/02/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18.05
844	01005139	PHẠM ANH ĐỨC	07/12/2001	Nam	Tin học xây dựng	A01	20.95
845	26012780	PHẠM CHUNG ĐỨC	24/07/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.9
846	19010056	PHẠM CÔNG ĐỨC	05/06/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.6
847	26004802	PHẠM HUY ĐỨC	03/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.25
848	26011032	PHẠM MINH ĐỨC	01/03/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	21
849	26018344	PHẠM MINH ĐỨC	14/12/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18.95
850	03000127	PHẠM TRẦN ĐỨC	15/10/2001	Nam	Kiến trúc	V02	20.35
851	21005371	PHẠM TRUNG ĐỨC	28/03/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A00	16.75
852	01042704	PHÙNG THẾ ĐỨC	24/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	19.6
853	28002912	TỔNG NGỌC ĐỨC	08/12/2000	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	16.2
854	01003050	TRẦN ANH ĐỨC	11/05/2001	Nam	Kiến trúc	V02	20.93
855	29010976	TRẦN BÁ ĐỨC	21/04/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	15.5
856	24005414	TRẦN HỮU ĐỨC	21/05/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	19.1
857	01005147	TRẦN HÙNG ĐỨC	11/04/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	22.15
858	19004809	TRẦN MẠNH ĐỨC	28/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	20.6
859	29025575	TRẦN NGUYỄN MINH ĐỨC	21/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22
860	25010912	TRẦN TÀI ĐỨC	13/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.5
861	15006896	TRẦN TRỌNG ĐỨC	01/02/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	18.75
862	30005967	TRẦN VĂN ĐỨC	24/11/1998	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	19.3
863	28025925	TRẦN VĂN ĐỨC	03/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.55
864	01061799	TRẦN VIỆT ĐỨC	29/07/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A00	16.6
865	01019851	TRỊNH MINH ĐỨC	18/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.55
866	24006401	TRỊNH MINH ĐỨC	25/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.8
867	01010821	TRỊNH MINH ĐỨC	23/10/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.7
868	01005149	TRỊNH NGỌC ĐỨC	17/06/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	23.3
869	02037756	TRƯƠNG VĂN ĐỨC	16/08/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	17.55
870	25011993	VŨ MINH ĐỨC	26/08/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.9
871	01008347	VŨ MINH ĐỨC	31/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	20.65
872	15010300	VŨ TRẦN ĐỨC	17/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.7
873	16003705	TRẦN QUANG ĐUỘC	23/03/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.5
874	25011994	NGUYỄN NGỌC ĐƯƠNG	20/06/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	17.85
875	25008232	VŨ HẢI ĐƯỜNG	04/09/2000	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.8
876	19012082	NGUYỄN THỊ HỒNG GẮM	12/05/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	22.36
877	03012072	BÙI HƯƠNG GIANG	06/09/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	20.8
878	28029381	BÙI THỊ KIÊN GIANG	20/03/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	20.55
879	25013145	ĐỖ DUY GIANG	21/06/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.01
880	22009353	ĐỖ THỊ HƯƠNG GIANG	05/01/2001	Nữ	Công nghệ thông tin	A00	21.65

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
881	01073127	ĐỖ TRƯỜNG GIANG	20/03/2001	Nam	Tin học xây dựng	A01	17.05
882	22009354	ĐỖ TRƯỜNG GIANG	30/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.45
883	25010918	ĐỖ TRƯỜNG GIANG	04/04/2001	Nam	Kiến trúc	V00	23
884	25009218	ĐOÀN TRƯỜNG GIANG	06/12/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.45
885	26002358	HOÀNG ĐỨC GIANG	30/03/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.7
886	18016147	HOÀNG VIỆT GIANG	01/04/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.2
887	10005579	LÂM TRƯỜNG GIANG	29/01/1999	Nam	Máy xây dựng	A00	18.15
888	22004061	LÊ ĐỨC GIANG	24/10/2001	Nam	Cơ giới hóa xây dựng	A01	17.15
889	07000122	LƯỜNG VĂN GIANG	07/03/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	15.85
890	26001662	LƯƠNG THỊ THU GIANG	05/12/2001	Nữ	Kiến trúc nội thất	V00	24.03
891	01019862	NGUYỄN ĐỨC GIANG	08/04/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	18.2
892	01055817	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	07/11/2001	Nữ	Quy hoạch - Kiến trúc	V00	18.74
893	29004718	NGUYỄN KIÊN GIANG	05/12/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.6
894	01005166	NGUYỄN LONG GIANG	10/10/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	22.6
895	25005016	NGUYỄN THỊ GIANG	20/03/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	D07	20
896	25009714	NGUYỄN THỊ GIANG	02/08/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	21.25
897	12008799	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	08/03/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	22.1
898	28023774	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	14/09/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	20.65
899	25007096	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	16/10/2000	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20
900	25009220	QUÁCH LONG GIANG	09/05/2000	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	17.1
901	01050636	TẠ DUY GIANG	24/12/2000	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.3
902	29022847	TẠ HƯƠNG GIANG	27/10/2000	Nữ	Kỹ thuật Môi trường	D07	20.85
903	16005260	TẠ NGỌC GIANG	20/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20
904	01059909	TRẦN MINH GIANG	15/06/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	23.4
905	28025934	TRẦN VĂN GIANG	20/11/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	17.55
906	01005180	CAO THU HÀ	25/04/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	21.45
907	01013804	ĐỖ NGUYỄN HÀ	19/10/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	23.7
908	19005533	ĐÀM ĐỨC HÀ	10/03/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.55
909	30015763	ĐẶNG NGỌC HÀ	07/09/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.25
910	01025689	ĐẶNG VIỆT HÀ	11/08/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18.1
911	26007376	ĐOÀN HỮU HÀ	25/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.55
912	22002165	ĐOÀN VIỆT HÀ	02/12/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	19.45
913	17004153	GIANG THỊ THU HÀ	10/11/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	19.75
914	29006857	LÊ ĐÌNH HÀ	26/03/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	18.2
915	30009368	LÊ THỊ HÀ	13/06/2001	Nữ	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.65
916	25013653	LÊ THỊ THU HÀ	01/01/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	19.3
917	21010822	NGÔ MẠNH HÀ	22/07/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	19.75
918	24001028	NGÔ MẠNH HÀ	23/01/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	20.35
919	01068327	NGÔ THU HÀ	17/06/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	19.7
920	26005571	NGUYỄN ĐÌNH HÀ	20/12/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.65
921	06003558	NGUYỄN LỤC HÀ	31/12/2000	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.95
922	01030696	NGUYỄN MẬU HÀ	07/11/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	19.5
923	21010824	NGUYỄN PHƯƠNG HÀ	31/10/2001	Nữ	Kiến trúc nội thất	V02	21.7
924	19007727	NGUYỄN THỊ HÀ	22/07/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	19.05
925	26018357	NGUYỄN THỊ THANH HÀ	26/11/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	21.84
926	26017320	NGUYỄN THU HÀ	04/11/2000	Nữ	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	18.15
927	26017322	PHẠM CÔNG HÀ	02/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.45
928	01013827	PHẠM HOÀNG HÀ	22/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.4
929	26009812	PHẠM NGUYỆT HÀ	17/01/2001	Nữ	Cấp thoát nước - Môi trường nước	A01	20.8
930	28012927	TRÌNH THỊ THU HÀ	17/02/2000	Nữ	Kinh tế xây dựng	D07	19.15
931	30010701	TRẦN THỊ THU HÀ	06/02/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	19
932	22008099	TRỊNH THANH HÀ	30/08/1995	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	23.75
933	42002469	TRƯỜNG QUANG HÀ	13/04/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A00	16.35
934	27007670	VŨ THỊ THU HÀ	27/08/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	22.75
935	25010928	TRẦN NGỌC HẠ	24/06/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	19.3
936	25016822	BÙI THANH HẢI	27/08/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	20.45
937	26005586	BÙI THANH HẢI	18/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	20.25
938	30001878	DƯƠNG THUỖNG HẢI	19/08/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.85
939	01025715	ĐÀO TRẦN NAM HẢI	03/01/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20
940	03017713	ĐOÀN HOÀNG HẢI	24/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.5
941	27003934	HOÀNG HỒNG HẢI	01/06/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.75
942	12004748	HOÀNG NGỌC HẢI	21/08/2001	Nam	Máy xây dựng	A00	18.75
943	28023184	HOÀNG NGỌC HẢI	23/08/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	18

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
944	28031905	LÊ TRỌNG HẢI	22/03/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A00	16.55
945	08004804	LẠI THANH HẢI	14/07/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	17.5
946	26008099	LẠI TUẤN HẢI	12/07/2001	Nam	Kiến trúc	V02	20.53
947	17006324	MẠC LONG HẢI	03/10/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A01	20.45
948	28001601	NGÔ VĂN HẢI	04/01/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	15.2
949	01042794	NGUYỄN ĐỨC HẢI	18/08/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.75
950	25009727	NGUYỄN ĐỨC HẢI	29/01/2000	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	18.15
951	22007607	NGUYỄN HỒNG HẢI	06/07/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.31
952	26004828	NGUYỄN HƯNG HẢI	19/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.6
953	01063900	NGUYỄN NAM HẢI	06/06/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18.45
954	25011462	NGUYỄN NGỌC HẢI	21/01/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	17.2
955	03000157	NGUYỄN NGỌC HẢI	02/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.9
956	21017456	NGUYỄN NGỌC HẢI	22/02/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A01	19.7
957	13003329	NGUYỄN THANH HẢI	22/02/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	18.2
958	21003541	NGUYỄN THÀNH HẢI	03/09/2000	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.25
959	28001012	NGUYỄN VĂN HẢI	24/03/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.35
960	26018369	NGUYỄN VĂN HẢI	14/11/2001	Nam	Quy hoạch vùng và đô thị	V00	21.01
961	29025618	NGUYỄN VĂN HỒNG HẢI	19/01/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	22.55
962	21014790	NGUYỄN VŨ HOÀNG HẢI	04/03/2001	Nam	Cấp thoát nước - Môi trường nước	A01	17.25
963	27001440	NGUYỄN VŨ TUẤN HẢI	05/10/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.5
964	33000828	NGUYỄN XUÂN HẢI	27/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.7
965	28029418	NGUYỄN XUÂN HẢI	12/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.3
966	18016158	NGỤY THỂ HẢI	07/07/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	21.45
967	26018370	PHẠM ĐĂNG HẢI	28/10/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	20
968	25000753	PHẠM ĐỨC HẢI	22/06/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	19.75
969	01028073	PHẠM ĐỨC HẢI	22/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.05
970	14008824	PHẠM PHÚ HẢI	14/04/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	19.45
971	26012160	PHẠM THANH HẢI	21/04/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18.95
972	01019875	PHẠM XUÂN HẢI	28/03/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	19.4
973	22010017	PHỐ ĐỨC HẢI	24/08/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	18.8
974	18003907	TỔNG MINH HẢI	11/09/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.1
975	03001638	TRẦN CÔNG HẢI	04/09/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	19.1
976	29028908	TRẦN HOÀNG HẢI	08/10/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.15
977	21000144	TRẦN HUY HẢI	10/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.95
978	19012104	TRẦN THANH HẢI	11/08/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.25
979	21006209	TRẦN VĂN HẢI	01/06/1998	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	16
980	19012636	TRẦN VĂN HẢI	26/06/1998	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A01	17.6
981	25003063	TRẦN XUÂN HẢI	25/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.95
982	01061884	TRỊNH THỂ HẢI	20/06/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.05
983	25012016	VŨ ĐỨC HẢI	23/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.95
984	21012418	VŨ ĐỨC NHẬT HẢI	02/08/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.85
985	25010931	VŨ ĐÌNH HẢI	04/11/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	20.65
986	21014793	NGUYỄN VĂN HẠNH	16/10/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.4
987	02062137	BÙI THỊ HẠNH	03/04/2001	Nữ	Công nghệ thông tin	A00	21.45
988	25008817	ĐÌNH THỊ MỸ HẠNH	04/11/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	20.79
989	28009396	ĐOÀN THỊ MỸ HẠNH	22/10/2000	Nữ	Kiến trúc	V00	24.08
990	01005204	HOÀNG THỊ MỸ HẠNH	06/05/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	22.16
991	01013882	LÊ HỒNG HẠNH	09/11/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý bất động sản	A01	17.55
992	01008404	LÊ THỊ HỒNG HẠNH	21/05/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	20.6
993	24004499	LÊ THỊ HẠNH	26/05/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.9
994	29022182	NGUYỄN ĐỨC HẠNH	06/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.05
995	18017856	NGUYỄN HỒNG HẠNH	04/03/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	21.44
996	29010303	NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	27/11/2001	Nữ	Kiến trúc công nghệ	V00	23.19
997	28024861	NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	21/08/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	19
998	18016168	TRẦN VĂN HẠNH	16/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.3
999	15011514	ĐÌNH SONG HÀO	30/09/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.85
1000	21012419	ĐẶNG VĂN HÀO	26/06/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	18.45
1001	15010338	HÁN MẠNH HÀO	29/05/2001	Nam	Máy xây dựng	A00	16.45
1002	25012617	HOÀNG QUANG HÀO	14/01/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.25
1003	21016277	LÊ VĂN HÀO	08/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	19.65
1004	01053157	NGUYỄN ANH HÀO	09/05/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	17.55
1005	24007286	NGUYỄN QUANG HÀO	31/07/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.15
1006	01065980	PHẠM VĂN HÀO	29/12/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.55

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
1007	18013950	TRẦN HỮU HÀO	09/05/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	D07	19.95
1008	25014864	VŨ ĐỨC HẢO	13/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.8
1009	01019883	CHU NGỌC HẰNG	08/03/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	19.45
1010	19001033	ĐÀO MỸ HẰNG	25/06/2001	Nữ	Kiến trúc nội thất	V02	24.55
1011	01019888	NGUYỄN THU HẰNG	04/11/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	22.05
1012	21004928	PHAN THU HẰNG	19/01/2001	Nữ	Tin học xây dựng	A00	18.65
1013	03001644	VŨ THỊ HẰNG	06/10/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.2
1014	27002245	VŨ THỊ THUÝ HẰNG	20/05/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.15
1015	21017478	ĐOÀN NGỌC HÂN	31/01/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.55
1016	29022902	NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN	20/04/2001	Nữ	Xây dựng Cầu đường	A00	18.05
1017	03008108	NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN	25/05/2001	Nữ	Quy hoạch - Kiến trúc	V01	17.93
1018	01053174	TRẦN QUANG HÂN	12/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.75
1019	26014352	VŨ MINH HÂN	09/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	20.3
1020	27008406	VŨ MẠNH HÂN	14/02/2001	Nam	Kiến trúc	V00	20.36
1021	05003058	ĐỖ DUY HẬU	13/08/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.45
1022	29005215	ĐẶNG THỊ HẬU	21/08/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	23.15
1023	16007255	KIM THỊ HẬU	02/11/2001	Nữ	Xây dựng Cầu đường	A00	18.8
1024	25008260	LÂM VĂN HẬU	17/03/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.35
1025	25013177	LÊ PHÚC HẬU	07/05/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	17
1026	03012111	NGÔ VŨ CÔNG HẬU	09/11/1998	Nam	Khoa học Máy tính	A00	20.9
1027	29030375	NGUYỄN DUY HẬU	14/08/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.15
1028	21007362	NGUYỄN THỊ HẬU	26/06/2000	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	21.75
1029	28001028	NGUYỄN THỊ HẬU	20/06/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	20.65
1030	25015593	NGUYỄN VĂN HẬU	27/11/2001	Nam	Kiến trúc	V00	23.53
1031	21002849	VŨ VĂN HẬU	26/02/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.45
1032	25003469	ĐỖ THỊ THANH HIỀN	25/08/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	16.55
1033	28001032	HÀ THỊ THU HIỀN	07/08/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	23.95
1034	25011487	LẠI THỊ HIỀN	31/10/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	25.3
1035	16001646	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	07/05/2001	Nữ	Kiến trúc nội thất	V02	20.73
1036	30004505	NGUYỄN THỊ THÚY HIỀN	06/05/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	19.05
1037	17005567	NGUYỄN THÚY HIỀN	20/10/2001	Nữ	Kiến trúc nội thất	V00	21.33
1038	27001459	PHẠM THỊ HIỀN	03/04/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	19.45
1039	29029703	PHẠM THỊ HIỀN	24/10/2001	Nữ	Cấp thoát nước - Môi trường nước	A00	20.35
1040	01008427	PHẠM THANH HIỀN	26/05/2001	Nữ	Kiến trúc	V02	22.28
1041	01005236	TRẦN MINH HIỀN	28/10/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	22.35
1042	01031164	TRẦN THỊ HIỀN	08/04/2001	Nữ	Cấp thoát nước - Môi trường nước	A00	15.85
1043	25009748	TRẦN THỊ THU HIỀN	08/03/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	19.95
1044	18013976	CHU QUÝ HIỀN	31/08/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A01	18.7
1045	01055860	ĐỖ CÔNG HIỀN	18/07/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.25
1046	01061966	HOÀNG GIA HIỀN	20/11/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A00	20.55
1047	18017221	NGUYỄN DUY HIỀN	06/08/2001	Nam	Kiến trúc	V00	24.48
1048	01008433	TRẦN DOÃN HIỀN	03/10/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A01	24.55
1049	21014817	TRẦN VĂN HIỀN	13/10/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.95
1050	26009853	TRINH MINH HIỀN	07/02/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	19
1051	25016857	NGUYỄN NGỌC HIỀN	01/02/2000	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	17.4
1052	19010770	DƯƠNG VĂN HIỆP	29/09/2001	Nam	Cơ giới hóa xây dựng	A01	17.15
1053	01021877	ĐỖ MINH HIỆP	19/12/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	17.25
1054	22004087	ĐÀO THANH HIỆP	09/09/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	18.95
1055	21009351	ĐỒNG LÊ XUÂN HIỆP	19/10/2001	Nam	Quy hoạch vùng và đô thị	V00	18.66
1056	25013688	ĐOÀN VĂN HIỆP	27/04/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	21.45
1057	09001445	HOÀNG NGỌC HIỆP	02/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	20.5
1058	29013791	HOÀNG VĂN HIỆP	02/12/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.55
1059	27002586	LÊ ĐỨC HIỆP	21/10/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	21.6
1060	25014250	LÊ HOÀNG HIỆP	30/06/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	17.1
1061	14000165	LÊ HUY HIỆP	18/09/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	D07	20.85
1062	01019905	NGUYỄN ĐỨC HIỆP	19/10/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	20.05
1063	01017575	NGUYỄN ĐỨC HIỆP	27/03/2001	Nam	Kiến trúc công nghệ	V00	17.55
1064	21000175	NGUYỄN ĐỨC HIỆP	08/04/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	19.35
1065	01034834	NGUYỄN HOÀNG HIỆP	12/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.95
1066	19010772	NGUYỄN KHẮC HIỆP	01/01/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	19.5
1067	01061975	NGUYỄN NGỌC HIỆP	05/04/2001	Nam	Máy xây dựng	A00	16.3
1068	16006688	NGUYỄN THỂ HIỆP	16/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.5
1069	16007267	NGUYỄN TUẤN HIỆP	02/10/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	17.65

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
1070	19000242	PHAN BÁ HIỆP	26/05/2001	Nam	Kiến trúc công nghệ	V00	23.28
1071	12004778	PHAN VĂN HIỆP	06/12/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.3
1072	26017953	PHẠM QUANG HIỆP	11/07/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	16.05
1073	21010349	PHẠM VĂN HIỆP	21/03/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.05
1074	24005441	TRẦN HUY HIỆP	21/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.85
1075	01003149	TRẦN THẾ HIỆP	24/04/2001	Nam	Tin học xây dựng	D07	17.95
1076	25010953	TRẦN TIẾN HIỆP	02/11/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	16.7
1077	21000784	TRẦN VĂN HIỆP	16/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.5
1078	30013307	TRẦN VĂN HIỆP	22/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.95
1079	28000260	VUÔNG HOÀNG HIỆP	12/01/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	19.55
1080	21016304	TRỊNH TRUNG HIẾU	22/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.7
1081	28004421	NGÔ QUANG HIẾU	12/12/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A00	16.25
1082	27007296	BÙI MINH HIẾU	29/08/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.04
1083	23001201	BÙI TRUNG HIẾU	15/02/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	20.6
1084	26012188	BÙI VĂN HIẾU	20/03/2000	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.35
1085	27001030	BÙI XUÂN HIẾU	10/12/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	16.5
1086	01025860	ĐUỜNG ĐỨC HIẾU	14/04/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.35
1087	18017888	ĐỖ HOÀNG HIẾU	09/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.15
1088	25006526	ĐỖ MINH HIẾU	07/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.6
1089	17007857	ĐỖ TRUNG HIẾU	03/10/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.15
1090	08004044	ĐỖ TRUNG HIẾU	22/09/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	18.35
1091	12012540	ĐINH MINH HIẾU	06/11/2000	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	18.25
1092	09000667	ĐINH TRUNG HIẾU	09/10/2000	Nam	Khoa học Máy tính	D07	19.6
1093	01038440	ĐẶNG TRUNG HIẾU	17/05/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	D07	21.15
1094	25015605	ĐOÀN QUANG HIẾU	16/09/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.2
1095	25010955	ĐOÀN TRUNG HIẾU	07/07/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.2
1096	01019921	HOÀNG MINH HIẾU	20/10/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	20.5
1097	25016860	LÊ CHUNG HIẾU	16/11/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	20.4
1098	01005588	LÊ MINH HIẾU	03/08/2001	Nam	Kiến trúc	V00	20.06
1099	01022198	LÊ MINH HIẾU	23/10/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A01	17.6
1100	03017774	LÊ MINH HIẾU	26/01/2001	Nam	Kiến trúc	V02	21.03
1101	25017468	LÊ MINH HIẾU	23/02/2001	Nam	Kiến trúc	V00	20.6
1102	01005587	LÊ MẠNH HIẾU	08/02/2001	Nam	Công nghệ thông tin	D07	21.55
1103	28023214	LÊ TRUNG HIẾU	09/05/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18.65
1104	28024883	LÊ XUÂN HIẾU	04/10/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	18.95
1105	14001140	LẠI TRUNG HIẾU	03/12/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A01	19.65
1106	29026773	LƯƠNG MINH HIẾU	23/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.65
1107	21010860	LƯƠNG NGỌC HIẾU	22/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.45
1108	03009853	LƯU QUANG HIẾU	02/12/2001	Nam	Kiến trúc	V02	19.58
1109	18006297	LƯU VĂN HIẾU	14/03/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	18.95
1110	22010035	LÝ VĂN HIẾU	23/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.8
1111	26008128	MAI QUÝ HIẾU	11/08/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	18.3
1112	17007862	MẠC VĂN HIẾU	27/02/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.3
1113	01024227	NGÔ HUY HIẾU	09/11/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	20.4
1114	01022201	NGÔ TRUNG HIẾU	20/11/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.85
1115	01031176	NGÔ TRUNG HIẾU	19/11/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	17.65
1116	29026776	NGUYỄN BÁ HIẾU	29/09/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	17.45
1117	03005186	NGUYỄN BÙI MINH HIẾU	27/08/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	17.5
1118	09003940	NGUYỄN CÔNG HIẾU	04/06/2000	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.35
1119	25008274	NGUYỄN CÔNG HIẾU	22/10/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	18.2
1120	26004872	NGUYỄN DOÃN HIẾU	28/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23
1121	25006527	NGUYỄN ĐẮC HIẾU	20/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.8
1122	01028131	NGUYỄN ĐÌNH HIẾU	09/11/2001	Nam	Máy xây dựng	A00	16.2
1123	19013327	NGUYỄN ĐÌNH HIẾU	12/09/2001	Nam	Kiến trúc	V00	20
1124	01061987	NGUYỄN HOÀNG HIẾU	16/09/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	18.35
1125	01066073	NGUYỄN MINH HIẾU	02/11/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	D07	18.25
1126	26013355	NGUYỄN MINH HIẾU	27/05/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	18.9
1127	01022206	NGUYỄN MINH HIẾU	09/09/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	18.45
1128	15007316	NGUYỄN MINH HIẾU	14/11/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.1
1129	26003141	NGUYỄN MINH HIẾU	08/04/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	17.35
1130	25006034	NGUYỄN MINH HIẾU	15/04/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	17.6
1131	03005188	NGUYỄN MINH HIẾU	01/04/2001	Nam	Kiến trúc nội thất	V02	22.88
1132	17007430	NGUYỄN MINH HIẾU	15/10/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
1133	30010735	NGUYỄN MINH HIẾU	21/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	21.45
1134	16008065	NGUYỄN MINH HIẾU	18/11/2001	Nam	Kiến trúc	V00	20.23
1135	16006694	NGUYỄN MINH HIẾU	22/07/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	18.95
1136	01045856	NGUYỄN MINH HIẾU	14/07/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.06
1137	17013225	NGUYỄN MINH HIẾU	03/03/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.85
1138	17011043	NGUYỄN MINH HIẾU	02/02/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A01	16.8
1139	28001048	NGUYỄN MINH HIẾU	06/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22
1140	24007302	NGUYỄN MẠNH HIẾU	18/12/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	17.1
1141	62000750	NGUYỄN NGỌC HIẾU	30/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.6
1142	03002231	NGUYỄN QUYẾT TRUNG HIẾU	21/09/2001	Nam	Kiến trúc	V00	19.71
1143	01045859	NGUYỄN TRẦN HIẾU	07/04/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	D07	17.45
1144	19007760	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	25/01/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	20.4
1145	15006476	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	07/01/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	19.15
1146	25007756	NGUYỄN TRUNG HIẾU	09/02/2000	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.35
1147	25015607	NGUYỄN TRUNG HIẾU	24/11/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	22.8
1148	01073265	NGUYỄN TRUNG HIẾU	10/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.7
1149	24006444	NGUYỄN VĂN HIẾU	01/03/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A01	20.95
1150	12008412	NGUYỄN VŨ HIẾU	22/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.3
1151	26004876	PHAN ĐẮC HIẾU	28/11/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.05
1152	31001747	PHAN MINH HIẾU	02/04/2000	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.4
1153	16003741	PHAN TRUNG HIẾU	26/12/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.9
1154	30009416	PHAN TRUNG HIẾU	11/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.25
1155	26011087	PHẠM DUY HIẾU	26/11/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A00	20.75
1156	03010525	PHẠM DUY HIẾU	21/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.7
1157	25007757	PHẠM MINH HIẾU	19/11/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A01	16.9
1158	22004092	PHẠM MINH HIẾU	21/10/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A01	20.35
1159	01008896	PHẠM TRUNG HIẾU	25/03/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.7
1160	22007642	PHẠM VĂN HIẾU	24/11/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.95
1161	01019942	PHÙNG ĐỨC HIẾU	21/03/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	D07	19.1
1162	01024247	TĂNG QUỐC HIẾU	14/10/2001	Nam	Cơ giới hóa xây dựng	A01	17.7
1163	29030398	THÁI CÔNG HIẾU	11/09/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18
1164	19010780	THÂN MINH HIẾU	10/11/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.7
1165	25008278	TRIỆU MINH HIẾU	18/02/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	17.7
1166	10006822	TRẦN BÁ HIẾU	01/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	23.1
1167	25002463	TRẦN CÔNG HIẾU	27/11/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	20.65
1168	24007707	TRẦN ĐÌNH HIẾU	31/10/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	16.05
1169	01055890	TRẦN MINH HIẾU	12/10/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A01	17.05
1170	01005273	TRẦN THỌ HIẾU	03/03/2001	Nam	Kiến trúc	V02	21.9
1171	28027681	TRẦN TRUNG HIẾU	20/02/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	15.1
1172	25010371	TRẦN TRUNG HIẾU	29/04/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.5
1173	29003848	TRẦN TRUNG HIẾU	06/04/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	19.8
1174	26014385	TRẦN TRUNG HIẾU	15/03/2001	Nam	Quy hoạch vùng và đô thị	V01	19.29
1175	23005644	TRẦN TRUNG HIẾU	20/07/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	17.55
1176	29031752	TRẦN XUÂN HIẾU	18/01/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	16.95
1177	01008904	TRỊNH ĐỨC HIẾU	16/12/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	22.9
1178	16011293	TRƯƠNG TRUNG HIẾU	16/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.7
1179	25009248	VŨ MINH HIẾU	02/06/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	20.45
1180	27005813	VŨ MINH HIẾU	19/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.25
1181	28000271	VŨ MINH HIẾU	01/03/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	20.25
1182	25007145	VŨ MINH HIẾU	26/02/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	20.15
1183	23006718	VŨ MINH HIẾU	08/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.8
1184	14002686	VŨ TRẦN TRUNG HIẾU	06/10/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	20.05
1185	21018898	VŨ TUẤN HIẾU	31/12/2001	Nam	Tin học xây dựng	A01	20.8
1186	21011336	BÙI DUY HIỆU	07/01/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	22.4
1187	28020807	ĐỒNG HUY HIỆU	19/04/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	18.65
1188	26014387	HOÀNG TÙNG HIỆU	05/07/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	17.15
1189	24007310	NGUYỄN DUY HIỆU	20/11/2001	Nam	Cơ giới hóa xây dựng	A00	18.15
1190	19011456	NGUYỄN VĂN HIỆU	28/11/2000	Nam	Tin học xây dựng	A00	20.05
1191	17007871	NGUYỄN XUÂN HIỆU	30/05/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	16
1192	25016250	PHẠM VĂN HIỆU	07/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.55
1193	17004214	TRẦN HUY HIỆU	23/08/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	18.6
1194	10007732	TRẦN NGỌC HIỆU	03/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.2
1195	25008839	VŨ HUY HIỆU	01/09/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.6

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
1196	24002553	BÙI THỊ THANH HOA	05/06/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	20
1197	26014390	ĐẶNG PHƯƠNG HOA	21/12/2001	Nữ	Kiến trúc	V02	21.43
1198	01014060	NGUYỄN LINH HOA	03/02/2001	Nữ	Kỹ thuật Môi trường	D07	23.55
1199	19011459	NGUYỄN TÁ THỊ HOA	23/09/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	18.9
1200	19001065	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HOA	27/08/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	21
1201	25008285	PHẠM THỊ QUỲNH HOA	26/02/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	19.2
1202	26009890	NGUYỄN VĂN HOÀ	14/09/2001	Nam	Tin học xây dựng	A01	17.8
1203	12005424	CHU VĂN HÒA	01/10/1997	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.05
1204	25010967	ĐỖ HỒNG HÒA	17/01/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.2
1205	01073297	ĐÀO HỮU HÒA	05/05/2001	Nam	Tin học xây dựng	A01	18.55
1206	25010382	LÊ XUÂN HÒA	17/08/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	21
1207	26006330	NGUYỄN HỮU HOÀ	07/10/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.75
1208	26017372	NGUYỄN NHƯ VIỆT HÒA	16/08/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.65
1209	12005426	NGUYỄN THÁI HÒA	27/04/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.1
1210	25008289	VŨ THỊ HÒA	17/04/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	19.8
1211	28023228	LÊ THỊ HOÀI	23/01/1999	Nữ	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	17.1
1212	21014840	NGUYỄN QUỐC HOÀI	09/08/2001	Nam	Kiến trúc	V00	20.9
1213	19004015	NGUYỄN THỊ HOÀI	07/04/2001	Nữ	Tin học xây dựng	A01	20
1214	25009257	TRẦN THỊ THU HOÀI	17/01/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	26.05
1215	03005215	NGÔ ĐỨC HOAN	26/02/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A00	16.15
1216	24005457	TRẦN HỮU HOAN	16/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.8
1217	26014404	VŨ ĐỨC HOAN	08/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.3
1218	01053301	BÙI BÁ HOÀN	17/05/2001	Nam	Cấp thoát nước - Môi trường nước	A00	15.6
1219	22011653	ĐỖ TRỌNG HOÀN	31/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.45
1220	24006735	LÊ BÁ HOÀN	20/05/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	18.95
1221	25006053	NGÔ VĂN HOÀN	06/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.15
1222	18004734	NGUYỄN ĐỨC HOÀN	26/02/2001	Nam	Kiến trúc	V00	22.05
1223	26006336	NGUYỄN ĐỨC HOÀN	14/01/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.65
1224	03001668	NGUYỄN NGỌC HOÀN	10/12/1999	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.85
1225	30013826	NGUYỄN NGÔ HOÀN	02/02/2001	Nam	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	A00	19.3
1226	01058025	NGUYỄN THỊ HOÀN	07/07/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	22.45
1227	25012059	NGUYỄN VĂN HOÀN	04/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.7
1228	19003093	NGUYỄN VĂN HOÀN	26/04/2001	Nam	Máy xây dựng	A01	20.3
1229	17011055	NGUYỄN VIỆT HOÀN	06/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.75
1230	01038504	NGUYỄN XUÂN HOÀN	22/11/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.95
1231	01055918	TẠ ĐÌNH MINH HOÀN	30/03/2001	Nam	Kiến trúc	V02	22.08
1232	12012563	TRẦN QUỐC HOÀN	24/08/2001	Nam	Tin học xây dựng	D07	18.15
1233	10006847	VŨ XUÂN HOÀN	28/02/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	19.95
1234	22000198	LƯU VĂN HOÀNG	06/10/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	D07	21.5
1235	17011056	ÂU VIỆT HOÀNG	20/12/2001	Nam	Kiến trúc	V00	23.09
1236	01005611	BÙI HUY HOÀNG	16/08/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	D07	18.8
1237	25003922	BÙI HUY HOÀNG	15/01/2000	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.9
1238	01019982	BÙI HUY HOÀNG	18/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	22.25
1239	03013757	BÙI MINH HOÀNG	02/12/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.25
1240	30004075	BÙI VĨNH HOÀNG	08/03/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	17
1241	23003216	BÙI VIỆT HOÀNG	03/07/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	23.1
1242	09000683	BÙI VIỆT HOÀNG	28/12/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	21.25
1243	25010395	BÙI VIỆT HOÀNG	13/07/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.25
1244	29005688	CAO BÁ HOÀNG	23/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.9
1245	19011469	DƯƠNG XUÂN HOÀNG	03/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.5
1246	01008916	ĐỖ HUY HOÀNG	27/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	21.1
1247	03010913	ĐỖ MỘNG HOÀNG	01/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.95
1248	27005828	ĐỖ VĂN HOÀNG	22/08/2000	Nam	Khoa học Máy tính	A00	19.25
1249	18006335	ĐÀO DUY HOÀNG	13/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.35
1250	01066135	ĐÌNH THẾ HOÀNG	16/02/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.65
1251	25012060	ĐÌNH THẾ HOÀNG	13/12/2001	Nam	Kiến trúc	V00	20.6
1252	28025988	ĐÌNH TIÊN HOÀNG	04/01/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	18.15
1253	24006453	ĐÌNH VĂN HOÀNG	20/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.55
1254	28001055	ĐẶNG ĐỨC HOÀNG	20/07/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	24.8
1255	27008423	ĐOÀN VĂN HOÀNG	12/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.9
1256	28019426	LÊ ĐÌNH HOÀNG	17/06/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	21.7
1257	24000520	LÊ HOÀNG	28/10/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A01	17.65
1258	01031216	LÊ HUY HOÀNG	29/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.7

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
1259	01008918	LÊ TUẤN HOÀNG	02/07/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	17.7
1260	28033488	LÊ VIỆT HOÀNG	02/07/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.15
1261	01053318	LẠI NHẬT HOÀNG	12/09/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A01	19.9
1262	12000428	LƯƠNG VIỆT HOÀNG	22/08/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	19.8
1263	31003375	MAI NHẬT HOÀNG	10/04/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	19.3
1264	26007451	NGÔ VĂN HOÀNG	01/11/2001	Nam	Kiến trúc	V00	22.7
1265	29005247	NGÔ VIỆT HOÀNG	23/09/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18.95
1266	15005424	NGÔ VIỆT HOÀNG	14/03/2001	Nam	Tin học xây dựng	A01	18.6
1267	01022232	NGUYỄN ĐỨC HOÀNG	27/05/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A01	18.85
1268	28004440	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG	17/12/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.45
1269	03006498	NGUYỄN HOÀNG	05/09/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.11
1270	01040470	NGUYỄN HỮU HOÀNG	13/12/2000	Nam	Tin học xây dựng	A00	20.4
1271	30006588	NGUYỄN HỮU HOÀNG	29/01/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.3
1272	30013829	NGUYỄN HỮU HOÀNG	16/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.6
1273	19006074	NGUYỄN HUY HOÀNG	08/03/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	23.3
1274	19010801	NGUYỄN HUY HOÀNG	13/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.95
1275	01035262	NGUYỄN HUY HOÀNG	21/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.8
1276	19013358	NGUYỄN HUY HOÀNG	01/01/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.5
1277	24000136	NGUYỄN HUY HOÀNG	16/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.4
1278	22006270	NGUYỄN HUY HOÀNG	18/11/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	20.8
1279	21011358	NGUYỄN KIM HOÀNG	19/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.6
1280	17011066	NGUYỄN MINH HOÀNG	22/03/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.45
1281	21006281	NGUYỄN MINH HOÀNG	16/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	20.5
1282	17005602	NGUYỄN MẠNH HOÀNG	17/05/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A01	17.35
1283	01066144	NGUYỄN MẠNH HOÀNG	10/12/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A01	20.2
1284	30010764	NGUYỄN NHẬT HOÀNG	09/01/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	17.5
1285	24003701	NGUYỄN NHƯ HOÀNG	07/10/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.5
1286	01005621	NGUYỄN PHI HOÀNG	05/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	D07	22.15
1287	30006589	NGUYỄN SỸ NHẬT HOÀNG	12/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.2
1288	28030493	NGUYỄN THÀNH HOÀNG	01/07/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.8
1289	12007690	NGUYỄN TIẾN HOÀNG	17/03/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	18.8
1290	15000535	NGUYỄN TRẦN HOÀNG	22/10/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A01	20.35
1291	28001632	NGUYỄN VĂN HOÀNG	05/12/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	17.4
1292	21017520	NGUYỄN VĂN HOÀNG	15/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.25
1293	16000595	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	11/04/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A01	16.7
1294	21010873	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	17/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	19.8
1295	01060071	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	15/11/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.3
1296	01055930	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	17/07/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	23.1
1297	01019994	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	28/04/2001	Nam	Tin học xây dựng	A01	18.05
1298	26010644	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	09/02/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.73
1299	01037441	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	23/11/1999	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.45
1300	01028213	NHỮ SỸ HOÀNG	30/09/2001	Nam	Công nghệ thông tin	D07	21.4
1301	29027195	PHẠM ĐỨC HOÀNG	02/01/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A01	20.6
1302	29021718	PHẠM HUY HOÀNG	04/04/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A01	18.95
1303	28032767	PHẠM NGỌC HOÀNG	22/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.7
1304	01008933	PHẠM NGUYỄN VIỆT HOÀNG	14/07/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	17.85
1305	03007414	PHẠM VĂN HOÀNG	27/01/2001	Nam	Tin học xây dựng	A01	18.75
1306	25007776	PHẠM VĂN HOÀNG	16/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.6
1307	25000197	PHẠM VIỆT HOÀNG	27/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	20.75
1308	17005209	THÂN MINH HOÀNG	27/11/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	D07	15.65
1309	29029744	TRẦN ĐÌNH HOÀNG	20/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.25
1310	25013707	TRẦN HUY HOÀNG	28/05/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	17.9
1311	32002425	TRẦN NGUYỄN HOÀNG	28/01/2001	Nam	Cấp thoát nước - Môi trường nước	A00	17.9
1312	12012568	TRẦN VIỆT HOÀNG	16/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	20.3
1313	25013196	TRẦN VIỆT HOÀNG	16/06/2001	Nam	Kiến trúc nội thất	V00	19.4
1314	15006495	TRỊNH HUY HOÀNG	26/01/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.05
1315	01014100	TRƯƠNG VIỆT HOÀNG	24/10/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	23.85
1316	28004003	VIÊN ĐÌNH HOÀNG	03/03/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	15.85
1317	17004232	VŨ ĐỨC HOÀNG	04/07/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	20.8
1318	01008938	VŨ TUYẾN HOÀNG	06/11/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A01	22.45
1319	03007420	VŨ VIỆT HOÀNG	14/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.2
1320	01005630	VŨ VIỆT HOÀNG	06/08/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	D07	18.4
1321	28024368	HẮC VĂN HOÀNG	22/01/2001	Nam	Quy hoạch vùng và đô thị	V00	17.94

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
1322	19012154	TẠ ĐĂNG HOÀNG	26/04/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.5
1323	27005836	ĐỖ VĂN HỌC	12/08/2000	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	18.1
1324	15008855	NGUYỄN HỮU HỌC	05/01/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	19
1325	03013085	NGUYỄN THÁI HỌC	13/12/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.25
1326	27004588	TRẦN ANH HỌC	03/01/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.85
1327	62003220	GIÀNG A HỒ	07/08/2000	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.4
1328	29031776	NGUYỄN VĂN HỘI	16/12/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	19.55
1329	21002895	BÙI QUÝ HỒNG	06/12/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.45
1330	01017664	ĐỖ THU HỒNG	25/08/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý bất động sản	A01	18.4
1331	01038534	NGUYỄN THỊ HỒNG	28/11/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.25
1332	03003391	TRẦN THỊ ÁNH HỒNG	04/05/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	23.15
1333	03007423	VŨ THỊ MINH HỒNG	13/05/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	20.63
1334	19012699	NGUYỄN SỸ HỎI	03/12/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.25
1335	26000265	ĐOÀN VĂN HỢP	04/12/1996	Nam	Kiến trúc	V00	19.9
1336	29026809	NGUYỄN VĂN HỢP	13/02/1999	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.9
1337	29026811	HOÀNG TRƯỜNG HUÂN	03/02/1998	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.65
1338	16007678	NGUYỄN HỮU HUÂN	18/12/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A01	22
1339	27003550	PHẠM VĂN HUÂN	19/01/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.3
1340	25015639	TRẦN ĐỨC HUÂN	09/07/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.75
1341	01045946	HOÀNG HUY HUÂN	04/05/2001	Nam	Kiến trúc	V00	20.69
1342	27001936	NGUYỄN THỊ HỒNG HUỆ	26/03/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	23.8
1343	28004451	NGUYỄN THỊ HUỆ	19/02/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18.25
1344	38011970	BÙI HUY HÙNG	21/01/2000	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	17.5
1345	26012857	BÙI QUANG HÙNG	17/10/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	17.7
1346	29005258	BÙI XUÂN HÙNG	09/01/2000	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	19.35
1347	22010066	CHU NGỌC HÙNG	18/10/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.46
1348	28026004	ĐÀO PHI HÙNG	20/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.25
1349	29031797	ĐẶNG MẠNH HÙNG	28/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.75
1350	22002200	ĐOÀN VĂN HÙNG	22/07/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	15.35
1351	21004355	HÀ HUY HÙNG	21/03/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	16.15
1352	03017970	HOÀNG ĐỨC HÙNG	08/06/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	16.55
1353	28015437	HOÀNG ĐẠT HÙNG	28/07/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20
1354	01048462	KIỀU VĂN HÙNG	17/10/2001	Nam	Máy xây dựng	A00	17.05
1355	24001465	LŨ MẠNH HÙNG	30/03/2001	Nam	Quy hoạch - Kiến trúc	V01	16.86
1356	29027207	LÊ CÔNG HÙNG	19/03/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	17.2
1357	22007097	LÊ ĐỨC HÙNG	24/02/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.8
1358	01020016	LÊ MINH HÙNG	28/12/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.5
1359	03000229	LÊ MINH HÙNG	07/02/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	21.3
1360	28019442	LÊ MẠNH HÙNG	02/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.6
1361	26018423	LÊ MẠNH HÙNG	14/10/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.31
1362	28001637	LÊ NGỌC HÙNG	16/12/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A01	18.25
1363	28027723	LÊ VĂN HÙNG	17/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.95
1364	28008186	LÊ VĂN HÙNG	16/07/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.6
1365	17006423	LÔ VIỆT HÙNG	12/11/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.25
1366	25014284	MAI VĂN HÙNG	10/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.85
1367	25012677	NGÔ THẾ HÙNG	17/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	24.9
1368	01058071	NGUYỄN DANH HÙNG	31/07/2001	Nam	Kiến trúc	V00	22.11
1369	01050822	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	01/08/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	18.2
1370	28018424	NGUYỄN ĐÌNH HÙNG	22/03/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	20.45
1371	24005126	NGUYỄN HUY HÙNG	23/08/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	19.35
1372	03009082	NGUYỄN MINH HÙNG	11/06/2001	Nam	Kiến trúc công nghệ	V00	18.56
1373	25014936	NGUYỄN MẠNH HÙNG	14/04/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	16.25
1374	26012233	NGUYỄN MẠNH HÙNG	01/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.9
1375	01031247	NGUYỄN TUẤN HÙNG	27/04/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A00	18.2
1376	17004242	NGUYỄN VIỆT HÙNG	17/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	20.7
1377	28015002	NGUYỄN XUÂN HÙNG	09/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.65
1378	01060102	NHŨ MẠNH HÙNG	11/06/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A01	17
1379	29010355	PHAN CÔNG MẠNH HÙNG	29/11/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	19.25
1380	18016230	PHAN ĐỨC HÙNG	28/12/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	20.55
1381	03011592	PHẠM MẠNH HÙNG	25/12/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	17.75
1382	24004583	PHẠM NGỌC THỨC HÙNG	13/12/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	18.9
1383	27003554	PHẠM QUỐC HÙNG	24/09/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A01	20.6
1384	01001209	PHÙNG PHI HÙNG	15/07/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	19.85

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
1385	25008311	TRIỆU QUỐC HÙNG	08/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	19.7
1386	01005641	TRIỆU VIỆT HÙNG	07/01/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A01	19.95
1387	25016893	TRẦN ĐỨC HÙNG	27/04/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	17.9
1388	30006606	TRẦN MẠNH HÙNG	05/10/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	21.6
1389	01064137	TRẦN VĂN HÙNG	07/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.35
1390	25007183	TRẦN XUÂN HÙNG	29/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.7
1391	26012239	TRẦN XUÂN HÙNG	07/04/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.6
1392	26006818	TRỊNH VĂN HÙNG	24/10/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.9
1393	18018605	TRỊNH VĂN HÙNG	17/04/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	17.55
1394	18009614	VŨ ĐẮC HÙNG	26/04/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A01	19.1
1395	25000211	VŨ MẠNH HÙNG	01/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	23.7
1396	01055964	BÙI DOÃN HUY	06/01/2001	Nam	Kiến trúc	V00	23.69
1397	12009288	BÙI NHẬT HUY	26/09/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	21.45
1398	23006732	BÙI QUANG HUY	13/11/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	18.85
1399	01062110	BÙI QUỐC HUY	17/07/2001	Nam	Máy xây dựng	A00	17.8
1400	03009894	BÙI THẾ HUY	20/12/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	20.9
1401	21015596	ĐƯƠNG DANH HUY	21/04/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	22
1402	01025943	ĐƯƠNG ĐỨC HUY	26/07/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.3
1403	26010655	ĐÀO QUANG HUY	18/02/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.25
1404	23006922	ĐINH HOÀNG HUY	22/11/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	21.15
1405	13000090	ĐẶNG QUANG HUY	12/11/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.4
1406	12009289	ĐẶNG QUANG HUY	04/03/2001	Nam	Quy hoạch vùng và đô thị	V01	17.8
1407	15007340	ĐẶNG VĂN HUY	22/01/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.75
1408	12013103	ĐOÀN DANH HUY	19/07/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	18.95
1409	28001639	ĐOÀN HUY	12/11/2001	Nam	Kiến trúc	V00	22.45
1410	08003220	GIÀNG QUỐC HUY	05/02/2001	Nam	Kiến trúc	V00	22.81
1411	25000840	HÀ QUANG HUY	27/02/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	17.1
1412	01040836	HÀ QUANG HUY	13/05/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	19.65
1413	01003210	HOÀNG KHÁNH HUY	21/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.35
1414	10001321	HOÀNG VĂN HUY	29/08/2000	Nam	Khoa học Máy tính	A00	20.9
1415	25009277	KHƯƠNG ĐỨC HUY	21/10/2000	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.8
1416	28002123	LÊ QUANG HUY	17/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	26.05
1417	22008879	LÊ QUANG HUY	21/10/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	20.55
1418	29010358	LÊ QUANG HUY	30/11/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	D07	18.5
1419	25001920	LÊ QUỐC HUY	16/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	20.95
1420	24007342	LẠI NGUYỄN HUY	05/07/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	22.35
1421	01053406	LẠI QUANG HUY	22/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	20.45
1422	01014139	LƯƠNG CÔNG HUY	08/09/2001	Nam	Công nghệ thông tin	D07	21.35
1423	02048492	LƯƠNG QUỐC HUY	24/08/2001	Nam	Kiến trúc	V02	24.85
1424	01071315	LƯU NGỌC HUY	23/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.85
1425	19007794	NGÔ LƯƠNG HUY	03/10/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	18.85
1426	01035299	NGÔ QUANG HUY	31/07/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.4
1427	26015756	NGÔ QUANG HUY	12/01/2001	Nam	Kiến trúc	V00	19.59
1428	26009921	NGÔ QUANG HUY	22/11/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.45
1429	19008375	NGUYỄN ĐĂNG HUY	06/09/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A01	15.35
1430	01068859	NGUYỄN ĐẮC GIA HUY	10/10/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18.35
1431	22009466	NGUYỄN ĐỨC HUY	05/05/2001	Nam	Công nghệ thông tin	D07	22.75
1432	29016319	NGUYỄN ĐỨC HUY	13/05/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A01	16.1
1433	03008302	NGUYỄN ĐỨC HUY	18/05/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	16.6
1434	18018610	NGUYỄN ĐỨC HUY	20/06/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	21.7
1435	25008317	NGUYỄN ĐỨC HUY	08/05/2001	Nam	Kiến trúc	V00	22.93
1436	01025950	NGUYỄN ĐỨC HUY	13/01/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.35
1437	16008613	NGUYỄN ĐÌNH HUY	11/04/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	18.2
1438	01020034	NGUYỄN ĐÌNH HUY	28/09/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A01	19.85
1439	29027234	NGUYỄN ĐOÀN QUANG HUY	10/11/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A01	19.6
1440	28033526	NGUYỄN GIANG HUY	26/09/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.9
1441	01053413	NGUYỄN HỒNG QUANG HUY	29/07/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	20.9
1442	01005652	NGUYỄN LÊ HUY	24/04/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	17.45
1443	01031260	NGUYỄN MẠNH HUY	05/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.3
1444	01001232	NGUYỄN NGỌC HUY	11/01/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	20.55
1445	08000936	NGUYỄN QUANG HUY	25/09/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	21.05
1446	16007682	NGUYỄN QUANG HUY	24/02/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.69
1447	27004603	NGUYỄN QUANG HUY	12/02/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	22.15

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
1448	01020037	NGUYỄN QUANG HUY	22/11/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.65
1449	27000600	NGUYỄN QUANG HUY	15/10/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	17.15
1450	15001571	NGUYỄN QUANG HUY	31/05/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.45
1451	25001923	NGUYỄN QUANG HUY	21/07/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	D07	18.75
1452	25014942	NGUYỄN QUỐC HUY	29/11/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A01	19.55
1453	25014294	NGUYỄN QUỐC HUY	27/06/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	17.15
1454	17007064	NGUYỄN QUỐC HUY	12/04/2001	Nam	Công nghệ thông tin	D07	21.5
1455	28003622	NGUYỄN QUỐC HUY	20/04/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	20.1
1456	19007799	NGUYỄN THỂ HUY	19/01/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.76
1457	01003226	NGUYỄN TRƯỜNG HUY	16/01/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	D07	18.1
1458	01071325	NGUYỄN VĂN HUY	01/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.3
1459	21001484	NGUYỄN VĂN HUY	27/04/2001	Nam	Kiến trúc	V00	20.11
1460	28024941	NGUYỄN VĂN HUY	08/07/2001	Nam	Máy xây dựng	A00	17.9
1461	26003206	NGUYỄN VIỆT HUY	05/11/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.7
1462	01022270	NGUYỄN VÕ QUỐC HUY	16/06/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18.75
1463	24007740	PHẠM QUANG HUY	18/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.75
1464	12007716	PHẠM QUANG HUY	01/04/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.8
1465	25001436	PHẠM QUANG HUY	29/01/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.4
1466	28021178	PHẠM TÁ HUY	28/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.5
1467	25006074	PHẠM TIỀN HUY	25/01/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	18.95
1468	22009475	TẠ QUANG HUY	23/10/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	17.15
1469	29031821	THÁI VĂN HUY	30/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23
1470	26001763	TÔ QUANG HUY	04/07/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A01	18.85
1471	25004549	TRẦN CÔNG HUY	17/02/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	19.35
1472	29003912	TRẦN ĐỨC HUY	30/10/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20
1473	56002397	TRẦN HOÀNG HUY	27/01/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	15.15
1474	29029023	TRẦN KHÁNH HUY	06/10/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A01	17.95
1475	25003500	TRẦN KHẮC HUY	17/05/2001	Nam	Máy xây dựng	A00	16.15
1476	01008980	TRẦN NGUYỄN HUY	02/06/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	17.55
1477	25013723	TRẦN QUANG HUY	29/01/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	20.1
1478	08004072	TRẦN QUANG HUY	18/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.15
1479	01050855	TRẦN QUANG HUY	26/08/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	D07	18.9
1480	25005108	TRẦN QUANG HUY	31/08/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.45
1481	01024370	TRẦN QUANG HUY	08/07/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	D07	21.1
1482	23000186	TRẦN QUANG HUY	28/12/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.85
1483	25012682	TRẦN QUANG HUY	06/07/2001	Nam	Kiến trúc	V02	22.78
1484	26010657	TRẦN QUỐC HUY	01/10/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	18.7
1485	03009903	TRẦN THỂ HUY	04/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.5
1486	01025959	TRẦN VĂN HUY	26/10/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	22.8
1487	25012087	TRỊNH QUANG HUY	14/07/2001	Nam	Kiến trúc	V00	22.18
1488	29009595	VÕ THÀNH HUY	19/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.2
1489	28002130	VŨ AN HUY	02/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	22.15
1490	25012684	VŨ ĐỨC HUY	09/02/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	22.25
1491	25000851	VŨ QUANG HUY	04/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20
1492	21000230	VŨ TUẤN HUY	05/02/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	19.3
1493	01066505	CAO NGỌC KHÁNH HUYỀN	11/08/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	19.4
1494	25012092	ĐỖ THANH HUYỀN	02/01/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.55
1495	28030529	ĐOÀN KHÁNH HUYỀN	14/08/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	21.25
1496	29005707	ĐẬU THỊ HUYỀN	13/08/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	19.45
1497	01045997	ĐUỒNG THỊ HUYỀN	17/04/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	22.1
1498	08002688	MAI THU HUYỀN	19/04/2001	Nữ	Kiến trúc	V02	19.58
1499	29011350	NGUYỄN QUÝ HUYỀN	05/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.4
1500	27004610	NGUYỄN THỊ HUYỀN	12/02/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	19.8
1501	26001021	PHẠM THỊ THU HUYỀN	24/12/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	23.2
1502	30014253	TỬ THỊ MINH HUYỀN	08/10/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	21.2
1503	01008995	TĂNG KHÁNH HUYỀN	05/10/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	19.25
1504	26012874	TRIỆU THỊ THANH HUYỀN	21/07/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	22.05
1505	26001780	TRẦN THỊ THU HUYỀN	28/05/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý bất động sản	D07	17.15
1506	25005118	TRẦN THỊ THU HUYỀN	11/08/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	19.55
1507	48010239	VŨ THỊ MAI HUYỀN	11/07/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	D07	19.45
1508	25008869	PHAN THỂ HUYNH	27/05/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18.5
1509	07000879	NGUYỄN PHÚ HUỠNH	06/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.25
1510	29031840	PHAN BÁ HUỠNH	25/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.6

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
1511	01068912	PHẠM HỮU HUỖNH	22/02/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.5
1512	22010087	BÌ VĂN HÙNG	25/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.75
1513	18010879	BÙI QUANG HÙNG	11/03/2000	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	D07	20.1
1514	29027273	CAO BẢO HÙNG	26/05/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	17.95
1515	15000563	ĐƯƠNG NGUYỄN HÙNG	01/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22
1516	22007111	ĐÀO PHÚ HÙNG	17/04/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.7
1517	25005122	ĐINH QUANG HÙNG	18/10/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	21.35
1518	11000685	LA VĂN HÙNG	25/10/2001	Nam	Kiến trúc	V02	21.88
1519	27008448	LÊ QUANG HÙNG	05/07/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.35
1520	01062172	LÊ QUANG HÙNG	21/02/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	16
1521	22001379	LÊ THẾ HÙNG	16/06/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	18.85
1522	28024958	LÊ VĂN HÙNG	24/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.8
1523	26007502	NGÔ DUY HÙNG	20/08/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A00	19.35
1524	19001110	NGÔ QUANG HÙNG	02/04/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A01	16.85
1525	21011958	NGÔ QUANG HÙNG	22/04/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	17.8
1526	01017696	NGUYỄN CHÍ HÙNG	03/11/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A01	18.35
1527	24002903	NGUYỄN DUY HUNG	22/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.8
1528	01058150	NGUYỄN DUY HÙNG	19/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.1
1529	25012107	NGUYỄN DUY HÙNG	01/10/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	18.1
1530	08002699	NGUYỄN DUY HUNG	22/06/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.25
1531	27002627	NGUYỄN DUY HUNG	17/03/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.8
1532	03001702	NGUYỄN HỮU HÙNG	02/10/2001	Nam	Máy xây dựng	A01	17.45
1533	29016350	NGUYỄN HỮU HÙNG	24/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.25
1534	24003340	NGUYỄN NGỌC HÙNG	20/03/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	17.75
1535	01017698	NGUYỄN PHÚC HÙNG	10/02/2001	Nam	Cấp thoát nước - Môi trường nước	A00	23.5
1536	01014191	NGUYỄN QUỐC HÙNG	05/10/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A01	18.1
1537	25009815	NGUYỄN QUỐC HÙNG	29/07/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.75
1538	15003561	NGUYỄN QUỐC HÙNG	08/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.35
1539	19007815	NGUYỄN THIỆN HÙNG	25/09/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20
1540	01028589	NGUYỄN TUẤN HÙNG	31/10/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	21.85
1541	17008890	NGUYỄN TUẤN HÙNG	01/01/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	17.55
1542	28017353	NGUYỄN VĂN HÙNG	16/06/2000	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	18.5
1543	25006603	NGUYỄN VIỆT HÙNG	05/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.5
1544	01064193	NGUYỄN VIỆT HÙNG	30/09/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	19.2
1545	29022249	NGUYỄN XUÂN HÙNG	01/01/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	19.3
1546	26017988	PHẠM HUY HÙNG	19/01/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	21.2
1547	28031214	PHẠM KIỀU HÙNG	24/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.3
1548	01003261	PHẠM MINH HÙNG	05/11/2000	Nam	Kiến trúc công nghệ	V02	18.98
1549	26006845	PHẠM MẠNH HÙNG	03/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20
1550	21006324	PHẠM XUÂN HÙNG	05/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.05
1551	29028303	THÁI DUY HÙNG	27/04/1994	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.75
1552	27006286	TRẦN MẠNH HUNG	22/01/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.5
1553	25000231	TRẦN NGỌC HÙNG	23/03/2001	Nam	Kiến trúc	V02	21.4
1554	24005483	TRẦN VĂN HÙNG	08/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.6
1555	01005669	TRỊNH VIỆT HÙNG	18/08/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A01	19.5
1556	01003264	VI VĂN NHẬT HÙNG	01/08/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.4
1557	26009947	VŨ VĂN HÙNG	10/08/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	17.65
1558	22001857	VƯƠNG THẾ HÙNG	20/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.6
1559	08004083	ĐỖ THU HƯƠNG	28/10/2001	Nữ	Kiến trúc nội thất	V00	21.53
1560	21013214	ĐINH THỊ QUỲNH HƯƠNG	01/05/2001	Nữ	Quy hoạch - Kiến trúc	V02	19.23
1561	28015831	HOÀNG THỊ HƯƠNG	20/03/2001	Nữ	Khoa học Máy tính	A01	19.55
1562	28024963	HOÀNG THỊ HƯƠNG	20/03/2001	Nữ	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.1
1563	01009024	LÊ ĐỖ NAM HƯƠNG	11/04/2001	Nữ	Kiến trúc	V02	21.68
1564	01008588	LÊ THANH HƯƠNG	13/05/2001	Nữ	Kiến trúc	V02	22.88
1565	23003258	NGÔ LINH HƯƠNG	17/02/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.3
1566	01014760	NGUYỄN NGỌC HƯƠNG	07/01/2001	Nữ	Kiến trúc nội thất	V02	22.28
1567	19012731	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	19/01/2001	Nữ	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	A00	18.05
1568	30003626	NGUYỄN THIÊN HƯƠNG	06/06/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	D07	19.1
1569	01003271	NGUYỄN THẢO HƯƠNG	30/04/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	22.35
1570	29005718	PHAN THỊ HƯƠNG	01/08/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	22.6
1571	01009030	PHAN THANH HƯƠNG	15/04/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.4
1572	27004624	PHẠM THỊ THU HƯƠNG	20/03/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	20.05
1573	17007478	VŨ THU HƯƠNG	08/05/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	21.74

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
1574	01046076	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	29/03/2001	Nữ	Kiến trúc công nghệ	V00	23.54
1575	19004962	PHẠM THỊ THÚY HƯỜNG	04/10/2001	Nữ	Công nghệ thông tin	D07	23.7
1576	24005487	TRẦN THỊ THU HƯỜNG	29/10/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	21.65
1577	21000267	ĐỖ VĂN HƯỜNG	01/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.75
1578	15001598	KIM NGỌC HƯỜNG	24/12/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	17.5
1579	01035444	NGÔ TRỌNG HƯỜNG	11/10/2000	Nam	Máy xây dựng	A00	16
1580	01009034	VÕ HỮU HƯỜNG	14/10/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.55
1581	25014323	TRẦN MINH HƯỚNG	30/01/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.95
1582	25018095	ĐỖ MẠNH HỮU	28/05/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.05
1583	25011556	ĐÌNH CÔNG HỮU	04/06/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	19
1584	15010438	HOÀNG VĂN HỮU	12/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.3
1585	25012711	TRẦN ĐỨC HỮU	18/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.8
1586	01001298	LẠI LÝ KHA	13/07/2001	Nam	Kiến trúc nội thất	V00	19.91
1587	21010413	NGUYỄN TRỌNG KHA	03/09/2001	Nam	Kiến trúc	V00	22.56
1588	29009634	NGUYỄN VĂN KHA	01/01/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.6
1589	17007481	ĐỖ QUANG KHẢI	12/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.9
1590	22006653	ĐÀO VĂN KHẢI	29/07/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.75
1591	63001388	ĐẶNG HOÀNG KHẢI	18/01/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A01	15.4
1592	09002704	HOÀNG QUANG KHẢI	20/08/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A01	16.65
1593	25003982	NGUYỄN DUY KHẢI	24/09/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	23
1594	05000628	NGUYỄN ĐÌNH KHẢI	03/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.15
1595	01035454	NGUYỄN ĐÌNH KHẢI	06/12/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	18.3
1596	01009035	NGUYỄN THỂ KHẢI	10/12/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	20.65
1597	10001354	NÔNG TUẤN KHẢI	01/07/2001	Nam	Tin học xây dựng	A01	17.35
1598	30012706	PHAN VĂN KHẢI	01/01/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	19.95
1599	28024974	PHẠM VĂN KHẢI	10/04/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	16.55
1600	26014481	TRẦN HOÀNG KHẢI	17/11/2001	Nam	Quy hoạch vùng và đô thị	V01	20.56
1601	25005647	ĐỖ MINH KHANG	17/02/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.65
1602	03008335	ĐÀO MẠNH KHANG	28/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.5
1603	28001112	ĐÌNH MINH KHANG	20/10/2000	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A01	17.85
1604	01062531	ĐOÀN MINH KHANG	01/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	20.85
1605	27005871	LÃ PHÚC KHANG	24/09/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.15
1606	04008874	LƯU ĐÀO KHANG	12/11/2000	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	15.85
1607	10007834	NGUYỄN HỮU KHANG	06/03/2000	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.75
1608	03000273	PHAN VĂN KHANG	09/11/2001	Nam	Kiến trúc công nghệ	V02	18.7
1609	25004580	TRẦN ĐÌNH KHANG	17/08/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.55
1610	21006339	VŨ ĐỨC KHANG	06/10/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.2
1611	13001795	TRẦN NGỌC KHANH	10/10/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	22.3
1612	25012717	BÙI DUY KHÁNH	12/10/2001	Nam	Kiến trúc	V00	22.74
1613	03001722	BÙI NGUYỄN KHÁNH	18/06/2001	Nam	Kiến trúc	V00	22.04
1614	01005690	CAO AN KHÁNH	19/01/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	20.75
1615	21015664	CẦN ĐÌNH KHÁNH	04/03/2001	Nam	Máy xây dựng	A00	18.4
1616	01066602	ĐƯƠNG GIA KHÁNH	04/09/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A01	20.4
1617	26003247	ĐỖ MINH DUY KHÁNH	29/12/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	19.55
1618	25015688	ĐỖ QUỐC KHÁNH	01/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.3
1619	22010600	ĐỖ VĂN KHÁNH	28/05/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	18.75
1620	03005494	ĐÀO MINH KHÁNH	17/10/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A01	19
1621	27003581	ĐÌNH NGỌC KHÁNH	12/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.5
1622	18006450	LÊ DUY KHÁNH	14/09/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A01	18.55
1623	01065621	LÊ ĐÌNH KHÁNH	12/06/2000	Nam	Kiến trúc công nghệ	V00	17.5
1624	27000632	LÊ NGUYỄN NGỌC KHÁNH	27/09/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	18.75
1625	01020316	LÊ QUANG KHÁNH	25/11/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	19.05
1626	25017539	LÊ TRUNG KHÁNH	18/02/2001	Nam	Kiến trúc	V00	20.98
1627	01024758	NGUYỄN DUY KHÁNH	15/03/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	21.4
1628	01068973	NGUYỄN DUY KHÁNH	02/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.6
1629	01035467	NGUYỄN DUY KHÁNH	29/09/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A00	16.5
1630	01068974	NGUYỄN DUY KHÁNH	10/12/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A01	18.55
1631	19006125	NGUYỄN MẬU KHÁNH	24/02/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18.3
1632	15009426	NGUYỄN PHÚC KHÁNH	19/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	20.85
1633	01031652	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	28/04/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	17.85
1634	28028930	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	02/09/2001	Nam	Kiến trúc	V00	24.24
1635	28003649	NGUYỄN VĂN KHÁNH	31/08/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18
1636	13004311	NÔNG NGỌC KHÁNH	24/11/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.1

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
1637	30006071	PHAN VĂN KHÁNH	26/01/2000	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	18.25
1638	26013426	PHAN VĂN KHÁNH	17/09/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	20.25
1639	21015671	PHẠM VĂN KHÁNH	02/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.85
1640	27000635	QUÁCH QUỐC KHÁNH	02/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.35
1641	22000965	TRẦN DUY KHÁNH	19/02/2001	Nam	Khoa học Máy tính	D07	19.05
1642	01020321	TRẦN DUY KHÁNH	05/02/2000	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.7
1643	01040953	TRẦN NGỌC KHÁNH	17/11/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	21.25
1644	01043988	TRẦN QUỐC KHÁNH	18/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.4
1645	25007831	TRẦN VĂN KHÁNH	28/01/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	D07	19.1
1646	25003994	TRẦN VĂN KHÁNH	11/12/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.8
1647	01005697	VŨ MINH KHÁNH	19/05/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	22.75
1648	01009051	VŨ QUỐC KHÁNH	08/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.45
1649	01003299	VŨ TRƯỜNG KHÁNH	01/11/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	19.7
1650	03009933	ĐỖ TIẾN KHIÊM	30/07/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.75
1651	27005874	PHẠM CÔNG KHIÊM	06/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.45
1652	15008467	VŨ GIA KHIÊM	17/01/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	20.1
1653	25012131	PHẠM VIỆT KHIỂN	27/10/2001	Nam	Kiến trúc	V00	19.96
1654	01005699	ĐINH NHƯ KHOA	04/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.6
1655	01020326	MAI TUẤN KHOA	23/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.55
1656	15012886	NGÔ ĐĂNG KHOA	07/01/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	23.85
1657	28000350	HOÀNG VĂN KHÔI	20/07/2001	Nam	Kiến trúc	V00	22
1658	12012627	NGUYỄN DUY KHÔI	22/02/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	20.9
1659	17013294	NGUYỄN VĂN KHÔI	11/12/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.05
1660	29005743	PHẠM MINH KHÔI	10/04/2001	Nam	Kỹ thuật Môi trường	B00	17.1
1661	29011864	PHẠM THANH KHÔI	12/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.5
1662	01014854	THÁI MINH KHÔI	05/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	25
1663	03006604	BÙI DANH KHUÊ	12/08/2001	Nam	Kiến trúc	V02	20.93
1664	21010914	NGUYỄN TUẤN KHUÊ	16/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.45
1665	01014861	PHẠM MINH KHUÊ	23/11/2001	Nữ	Công nghệ thông tin	A01	25.15
1666	27004637	ĐỖ MAI KHUYÊN	02/01/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	22.85
1667	18005297	NGUYỄN VĂN KHUYẾN	22/09/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A01	18.65
1668	01066629	NGUYỄN MINH KIÊM	24/04/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.95
1669	23005713	BÙI VĂN KIÊN	08/09/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	19.3
1670	28019029	ĐỖ NGỌC KIÊN	18/09/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	17.85
1671	01005708	ĐỖ TRUNG KIÊN	24/08/2001	Nam	Máy xây dựng	A00	18.9
1672	24000572	ĐÀO TRUNG KIÊN	28/02/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	21.35
1673	25012726	ĐẶNG NGỌC BẢO KIÊN	30/07/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.54
1674	28017931	HÀ VĂN KIÊN	19/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.9
1675	29024665	HOÀNG NGHĨA KIÊN	28/05/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	19.45
1676	01061530	HOÀNG TRUNG KIÊN	10/11/1996	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.45
1677	01046118	KHUẤT TRUNG KIÊN	15/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.95
1678	30012105	KIỀU VĨNH KIÊN	10/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.1
1679	01028655	LÊ TRUNG KIÊN	15/10/2001	Nam	Kiến trúc	V00	20.01
1680	25007835	LƯU XUÂN KIÊN	09/01/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A01	18.45
1681	09000082	MA THẾ KIÊN	03/01/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	17.15
1682	18017986	NGUYỄN CHÍ KIÊN	06/11/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A01	18.2
1683	19007172	NGUYỄN ĐẮC KIÊN	28/04/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A01	23.2
1684	01039029	NGUYỄN HẢI KIÊN	17/12/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	19.7
1685	03002531	NGUYỄN NGỌC KIÊN	18/05/2001	Nam	Kiến trúc	V00	23.2
1686	29018731	NGUYỄN QUANG KIÊN	09/12/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	19.1
1687	01003534	NGUYỄN QUỐC KIÊN	21/04/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	D07	17.45
1688	29013240	NGUYỄN THÀNH KIÊN	07/02/2001	Nam	Cấp thoát nước - Môi trường nước	A00	19.1
1689	12012632	NGUYỄN TRUNG KIÊN	03/02/2001	Nam	Cấp thoát nước - Môi trường nước	A00	18.45
1690	01001344	NGUYỄN TRUNG KIÊN	27/01/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.05
1691	15006549	NGUYỄN TRUNG KIÊN	20/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.4
1692	01064545	NGUYỄN TRUNG KIÊN	16/07/2001	Nam	Kiến trúc	V00	20.69
1693	18017988	NGUYỄN TRUNG KIÊN	27/11/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	20.7
1694	12002255	NGUYỄN TRUNG KIÊN	24/08/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A01	19.7
1695	12007772	NGUYỄN TRUNG KIÊN	22/09/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	15.45
1696	24007365	NGUYỄN TRUNG KIÊN	05/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.8
1697	21004422	NGUYỄN TRUNG KIÊN	02/05/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	17.45
1698	24006104	NGUYỄN TRUNG KIÊN	27/10/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	19
1699	12004886	NGUYỄN TRUNG KIÊN	02/09/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	22

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
1700	13001238	NGUYỄN TRUNG KIÊN	27/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.05
1701	24004630	NGUYỄN VĂN KIÊN	26/03/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A01	17.6
1702	07002015	PỒ TRUNG KIÊN	22/07/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A01	19.15
1703	09000352	PHẠM TRUNG KIÊN	02/06/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	15.35
1704	26003990	PHẠM TRUNG KIÊN	09/10/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	15.2
1705	01026036	PHẠM VĂN KIÊN	19/05/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	19.5
1706	21000275	TRẦN TRUNG KIÊN	17/08/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	19
1707	24006105	TRẦN TRUNG KIÊN	11/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	D07	20.4
1708	25014993	TRẦN TRUNG KIÊN	21/08/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	18.6
1709	24005151	TRẦN TRUNG KIÊN	05/03/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	19.9
1710	28013073	TRỊNH XUÂN KIÊN	13/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	20.4
1711	25001960	VŨ CAO KIÊN	07/09/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A01	17.95
1712	25016938	VŨ TRUNG KIÊN	13/10/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	20.6
1713	25014994	VŨ VĂN KIÊN	03/09/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.1
1714	01018106	ĐÀO TUẤN KIẾT	17/09/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	21.25
1715	16005421	ĐINH ANH KIẾT	11/09/2000	Nam	Máy xây dựng	A01	16.5
1716	24004632	NGUYỄN THỊ KIỀU	14/04/2001	Nữ	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.85
1717	21014928	ĐẶNG KINH	22/11/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	19.85
1718	01022703	VŨ VĂN LAI	22/11/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	19.25
1719	22010103	CHU HOÀI LAM	26/06/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	20.4
1720	29002598	NGUYỄN THỊ LAM	15/04/2001	Nữ	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	21
1721	19007843	NGUYỄN BÁ LÃM	07/02/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A01	19.45
1722	25010459	ĐỖ THỊ LAN	17/09/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	22.35
1723	03018260	NGUYỄN THỊ LAN	07/11/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18.55
1724	29031899	PHAN THỊ LAN	26/11/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.5
1725	01026270	TRƯƠNG THỊ HẰNG LAN	26/04/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý bất động sản	A01	20.95
1726	24005502	TRƯƠNG THỊ NGỌC LAN	18/03/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	21.85
1727	26012287	PHẠM THỊ LANH	24/04/2001	Nữ	Công nghệ thông tin	A00	22.05
1728	11001173	CHUNG TRỊNH CHÍ LÂM	23/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	21.05
1729	22003462	ĐÀO ĐỨC LÂM	30/01/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.85
1730	03000293	ĐINH TÙNG LÂM	21/03/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.55
1731	18001356	ĐỒNG QUANG LÂM	04/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.55
1732	03006773	ĐẶNG TÙNG LÂM	16/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.35
1733	15009439	HOÀNG TÙNG LÂM	16/10/2000	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	20.4
1734	01048685	KIỀU TÙNG LÂM	09/09/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.1
1735	28023298	LÊ TRÚC LÂM	30/10/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	18.15
1736	01060482	LÊ VĂN LÂM	07/12/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.6
1737	14002977	LẠI TIỀN LÂM	20/12/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	19.2
1738	01029046	NGÔ TÙNG LÂM	07/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21
1739	01040980	NGÔ XUÂN LÂM	07/06/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.05
1740	19011549	NGUYỄN BÁ LÂM	15/09/2000	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	21.25
1741	29029216	NGUYỄN ĐÌNH TÙNG LÂM	02/09/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22
1742	01020362	NGUYỄN NGỌC LÂM	04/12/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	22.4
1743	24001852	NGUYỄN QUANG LÂM	13/09/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	17.55
1744	27003594	NGUYỄN TUẤN LÂM	20/10/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	17.95
1745	24000585	NGUYỄN TÙNG LÂM	15/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	19.5
1746	28024993	NGUYỄN TÙNG LÂM	28/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.65
1747	30004606	NGUYỄN TÙNG LÂM	06/09/2001	Nam	Máy xây dựng	A00	15.7
1748	18004119	NGUYỄN TÙNG LÂM	08/09/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	17.9
1749	24000586	NGUYỄN TÙNG LÂM	21/09/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	20.6
1750	01009448	NGUYỄN TÙNG LÂM	11/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.15
1751	29007987	NGUYỄN VĂN LÂM	16/01/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	17.3
1752	01006065	PHẠM DUY LÂM	03/12/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.55
1753	28004485	PHẠM ĐÌNH LÂM	25/10/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.6
1754	21010931	PHẠM NGUYỄN TÙNG LÂM	14/08/2001	Nam	Cấp thoát nước - Môi trường nước	A01	18.65
1755	14007084	QUÀNG TÙNG LÂM	19/09/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	17.2
1756	15005503	TRẦN NGỌC LÂM	13/09/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	19.55
1757	01020368	TRƯƠNG TÙNG LÂM	24/11/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20
1758	21015693	VƯƠNG VĂN LÂM	05/05/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	21.6
1759	01069043	ĐẶNG ĐÌNH LÂN	28/12/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.6
1760	01053925	KIỀU HOÀNG LÂN	01/01/2001	Nam	Kiến trúc công nghệ	V00	18.93
1761	01039071	LÊ QUÍ LÂN	10/09/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.3
1762	15011126	NGUYỄN ĐỖ LÂN	06/06/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	19.9

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
1763	01015404	NGUYỄN ĐỨC LÂN	26/03/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A01	21.2
1764	01064565	NGUYỄN PHÚC LÂN	24/10/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.6
1765	12013132	PHẠM DUY LÂN	01/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.2
1766	01026054	TRỊNH HOÀNG LÂN	09/05/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A01	21.8
1767	27008467	PHẠM THỊ NHẬT LỆ	08/01/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	22.2
1768	25008378	TRẦN NHẬT LỆ	20/01/2001	Nữ	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	17.35
1769	08002115	ĐÀO TRỌNG LỊCH	20/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.5
1770	01040988	TIÊU MINH LIÊM	24/02/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	19.1
1771	63002471	LÊ VĂN LIÊN	30/08/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	18.8
1772	21016416	PHẠM THỊ LIÊN	01/03/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	19.15
1773	27004651	TRẦN THỊ LIÊN	28/06/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.05
1774	26017461	BÙI THỊ THỦY LINH	24/11/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	21.5
1775	01020377	BÙI VĂN LINH	19/01/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	16.65
1776	18011486	CHU QUANG LINH	20/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.35
1777	28001139	DƯƠNG KHÁNH LINH	26/03/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	22.26
1778	22008277	ĐÀM THỊ LINH	23/02/2001	Nữ	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	A00	19.7
1779	21006363	ĐÀO THẾ LINH	10/04/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.3
1780	28026054	ĐÀO VĂN LINH	05/04/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	21.4
1781	01020380	ĐẶNG TUẤN LINH	23/11/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.3
1782	29005792	ĐẬU THỊ KHÁNH LINH	24/03/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	21.45
1783	24000592	HÀN PHƯƠNG LINH	16/02/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý bất động sản	A01	18.95
1784	26005769	HOÀNG DIỆU LINH	13/04/2001	Nữ	Kỹ thuật Môi trường	B00	23.05
1785	17004325	HOÀNG VŨ LINH	14/09/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.35
1786	28003664	LÊ ĐỒNG LINH	22/02/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A00	18.25
1787	19010229	LÊ HOÀI LINH	17/02/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	21.35
1788	28007575	LÊ HUYỀN LINH	29/09/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.35
1789	29004024	LÊ NGUYỄN MẠNH LINH	14/10/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.3
1790	18015744	LÊ THỊ LINH	17/01/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	23.15
1791	18014139	NGÔ THỊ KHÁNH LINH	29/11/2001	Nữ	Tin học xây dựng	A00	18.35
1792	01041027	NGUYỄN CHÍ LINH	14/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.25
1793	21008920	NGUYỄN DIỆP LINH	25/03/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	24.96
1794	28001678	NGUYỄN ĐOAN NHẬT LINH	25/02/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	16.2
1795	24004656	NGUYỄN HOÀI LINH	25/07/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	22.85
1796	21007493	NGUYỄN HỮU LINH	06/03/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.4
1797	26010006	NGUYỄN MINH LINH	10/12/2001	Nam	Kiến trúc	V00	24.43
1798	26018471	NGUYỄN NHẬT LINH	16/03/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.7
1799	26006903	NGUYỄN THỊ LINH	13/02/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18.1
1800	19000413	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	17/04/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	25.08
1801	01062637	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	17/07/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	19.9
1802	24001150	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	11/06/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	23.61
1803	01028774	NGUYỄN TUẤN LINH	29/10/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	18.75
1804	19012773	NGUYỄN VĂN LINH	16/10/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	20.05
1805	28019497	NGUYỄN XUÂN LINH	02/02/1998	Nam	Kiến trúc	V00	22.44
1806	28027815	PHAN CHÍ LINH	04/03/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	19.9
1807	16000704	PHÍ LƯƠNG TRỌNG LINH	28/12/2001	Nam	Kiến trúc	V02	24.63
1808	27001557	PHẠM DIỆU LINH	27/07/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	19.6
1809	01004496	PHẠM DUY LINH	16/09/1998	Nam	Quy hoạch vùng và đô thị	V00	18.08
1810	26010017	PHẠM GIA LINH	23/10/2001	Nam	Kiến trúc	V02	20.98
1811	27007752	PHẠM QUANG LINH	24/01/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	23.75
1812	22002614	PHẠM THỊ MỸ LINH	09/04/2001	Nữ	Công nghệ thông tin	A00	21.5
1813	03005550	PHẠM THỊ THỦY LINH	09/10/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	21.13
1814	21008363	PHẠM THỊ TÚ LINH	10/03/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	19.5
1815	01066769	TẠ KIỀU LINH	03/12/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	21.35
1816	26015807	TẠ QUANG LINH	05/11/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.7
1817	22005877	TRẦN ÁNH LINH	04/06/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	18.5
1818	03016946	TRẦN DIỆU LINH	26/02/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	19.9
1819	29004043	TRẦN QUANG LINH	16/11/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22
1820	26004997	TRẦN THỊ HOÀI LINH	13/10/2001	Nữ	Cấp thoát nước - Môi trường nước	A00	18.25
1821	22002618	TRẦN THỊ LINH	16/09/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	19.2
1822	01003653	VŨ DUY LINH	22/03/2001	Nam	Kỹ thuật Môi trường	D07	24
1823	01035881	VŨ ĐÀM PHƯƠNG LINH	17/05/2001	Nữ	Quy hoạch - Kiến trúc	V01	21.03
1824	13003996	VŨ THỊ KHÁNH LINH	31/08/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý bất động sản	D07	18
1825	27008479	VŨ THỊ KIỀU LINH	13/07/2001	Nữ	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.25

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
1826	25017586	BÙI THỊ LOAN	01/01/2001	Nữ	Kiến trúc nội thất	V00	25.14
1827	40014088	ĐẶNG THỊ THANH LOAN	30/04/2001	Nữ	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	23.6
1828	28000416	NGUYỄN THỊ THU LOAN	01/09/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.75
1829	25004611	BÙI THÀNH LONG	08/09/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A01	20.25
1830	15000607	CAO DƯƠNG LONG	03/04/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.3
1831	01026282	CHỦ HOÀNG LONG	06/11/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.35
1832	03009983	CHUNG MINH LONG	01/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.2
1833	24001494	DOÃN PHI LONG	15/12/2001	Nam	Quy hoạch - Kiến trúc	V01	18.4
1834	28022738	DƯƠNG THÀNH LONG	10/11/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	16.8
1835	05000218	ĐỖ HẢI LONG	20/12/2001	Nam	Kiến trúc	V00	20.1
1836	03004569	ĐỖ NGUYỄN BẢO LONG	22/07/2001	Nam	Kiến trúc	V10	21.23
1837	22011216	ĐÀO TRUNG LONG	17/10/2000	Nam	Kiến trúc nội thất	V00	19.36
1838	25012157	ĐINH THANH LONG	06/01/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.5
1839	21001572	ĐẶNG THÀNH LONG	02/09/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.15
1840	12000542	HOÀNG ĐÌNH LONG	28/10/2001	Nam	Quy hoạch - Kiến trúc	V01	20.34
1841	29005338	HOÀNG LONG	29/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.7
1842	16002884	KHÔNG VĂN LONG	09/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.9
1843	25009319	KHƯƠNG THANH LONG	09/10/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.55
1844	01018568	LÃ HẢI LONG	12/10/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18
1845	22000999	LÊ HẢI LONG	25/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.65
1846	28032149	LÊ NGỌC LONG	23/11/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	17.45
1847	16004338	LÊ PHI LONG	14/03/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	D07	18
1848	27007760	LÊ PHƯƠNG NAM LONG	22/08/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A01	17.5
1849	01020464	LÊ VĂN LONG	30/10/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	19.8
1850	28013145	LÊ VIỆT LONG	03/06/2000	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.8
1851	17011183	NGUYỄN THÀNH LONG	03/12/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	19.1
1852	19001187	NGUYỄN HOÀNG LONG	21/01/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	19.3
1853	41007097	NGUYỄN HỮU NGỌC LONG	19/06/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	21.25
1854	01067151	NGUYỄN NAM LONG	19/04/2001	Nam	Quy hoạch vùng và đô thị	V02	18.33
1855	28004521	NGUYỄN NGỌC LONG	05/04/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	20.95
1856	01029057	NGUYỄN NGỌC LONG	07/09/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22
1857	28025578	NGUYỄN PHI LONG	02/01/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	17.9
1858	21016433	NGUYỄN QUANG LONG	02/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.25
1859	01064662	NGUYỄN THÀNH LONG	18/01/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	20.95
1860	18007833	NGUYỄN THÀNH LONG	16/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.95
1861	28017964	NGUYỄN THÀNH LONG	19/12/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.15
1862	19009143	NGUYỄN THÀNH LONG	14/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.55
1863	21017648	NGUYỄN THÀNH LONG	02/01/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	19.65
1864	28027835	NGUYỄN THÀNH LONG	22/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.05
1865	01001855	NGUYỄN TRẦN GIA LONG	18/09/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	D07	19.85
1866	19013485	NGUYỄN TUẤN LONG	20/10/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A00	17.3
1867	01006125	NGUYỄN TUẤN LONG	28/01/2001	Nam	Tin học xây dựng	D07	18.25
1868	24008486	NGUYỄN XUÂN LONG	27/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.15
1869	03008390	NHỮ HẢI LONG	18/11/2001	Nam	Kiến trúc nội thất	V02	19.43
1870	12000543	PHAN HẢI LONG	09/02/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	17.85
1871	01024883	PHÍ HOÀNG LONG	12/10/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A01	19.8
1872	21015732	PHẠM ĐỨC LONG	23/09/2001	Nam	Máy xây dựng	A00	19.2
1873	25011069	PHẠM HOÀNG LONG	22/11/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.2
1874	26014550	PHẠM NGỌC LONG	10/02/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	23.4
1875	29018798	PHẠM THÀNH LONG	22/03/2001	Nam	Kiến trúc	V00	23.49
1876	21004479	PHẠM THÀNH LONG	18/12/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	17
1877	25004047	TRẦN DUY LONG	21/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.75
1878	26014552	TRẦN ĐỨC LONG	06/07/2001	Nam	Kiến trúc	V00	20.15
1879	27002002	TRẦN HẢI LONG	26/10/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.5
1880	25000945	TRẦN HẢI LONG	06/12/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.6
1881	25003168	TRẦN HOÀNG LONG	11/01/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	22.95
1882	31002502	TRẦN NGỌC LONG	24/12/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	16.4
1883	27000202	TRẦN NHẬT LONG	02/12/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21
1884	28020445	TRẦN VĂN LONG	16/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.7
1885	25014375	TRẦN VĂN LONG	22/05/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	20.45
1886	01009550	TRỊNH HOÀNG LONG	23/04/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	18.15
1887	17003825	TRƯƠNG THÀNH LONG	04/01/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18.4
1888	19005041	VŨ CÔNG LONG	15/10/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A01	18.55

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
1889	01026289	VŨ ĐÌNH LONG	19/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	20.8
1890	03018302	VŨ HOÀNG LONG	26/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	24.3
1891	01004507	VŨ HOÀNG LONG	20/10/2000	Nam	Tin học xây dựng	A01	18.45
1892	17007992	VŨ HOÀNG LONG	23/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.7
1893	21010961	VŨ TUẤN LONG	11/02/2001	Nam	Quy hoạch vùng và đô thị	V00	19.11
1894	06000787	SĂM VĂN LÔ	05/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.3
1895	13005862	HOÀNG HỮU LỘC	01/06/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	21
1896	28001705	LÊ NGUYỄN TIẾN LỘC	14/01/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A01	17.8
1897	01069406	LÊ VĂN LỘC	29/01/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	22.1
1898	25001512	LẠI VIỆT LỘC	08/09/2001	Nam	Kiến trúc	V00	19.98
1899	29004062	NGUYỄN CÔNG LỘC	17/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	20.85
1900	27007392	NGUYỄN ĐỨC LỘC	24/04/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	20.35
1901	01056539	NGUYỄN ĐỨC LỘC	12/11/2001	Nam	Kiến trúc	V00	20.24
1902	28001193	NGUYỄN HỮU LỘC	22/06/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	20.35
1903	29011450	NGUYỄN HUY LỘC	13/03/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	23.2
1904	01009562	NGUYỄN MINH LỘC	11/02/2001	Nam	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	B00	15.9
1905	03001310	NGUYỄN VĂN LỘC	01/05/2001	Nam	Kiến trúc	V00	22.79
1906	24007400	NGUYỄN VĂN LỘC	17/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.6
1907	17005243	LƯƠNG QUÝ LỢI	03/12/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	22.3
1908	25016367	NGUYỄN QUANG LỢI	12/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.85
1909	08003703	NGUYỄN THẾ LỢI	20/04/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.35
1910	19005682	TRẦN KHẮC LỢI	15/11/2001	Nam	Kiến trúc	V02	20.43
1911	22009568	TRƯƠNG THÀNH LỢI	11/12/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.55
1912	25011607	ĐỖ THỊ HỒNG LỰA	01/07/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.25
1913	18011520	NGUYỄN THỊ LỰA	23/04/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.8
1914	21000315	ĐÀO VĂN LUÂN	01/10/2001	Nam	Kiến trúc nội thất	V00	21.43
1915	01020482	ĐÌNH TRƯỜNG LUÂN	25/12/2000	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.1
1916	01069409	LÊ THÀNH LUÂN	13/03/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	18
1917	26017488	NGUYỄN THÀNH LUÂN	03/06/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	22.1
1918	25004054	PHẠM NGỌC LUÂN	03/02/2000	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.15
1919	01051395	LƯU VĂN LUẬT	13/12/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22
1920	19007222	NGUYỄN VĂN LUẬT	22/05/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	21.25
1921	62003266	CHỖ A LỬ	20/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.5
1922	16002349	ĐÀO TRỌNG LỰC	19/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.6
1923	16003849	NGUYỄN VĂN LỰC	21/11/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.2
1924	08003276	PHẠM VĂN LỰC	10/05/2000	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.1
1925	24005184	TRẦN TIẾN LỰC	30/06/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.55
1926	19006169	NGUYỄN THỊ LỪNG	15/04/2001	Nữ	Kiến trúc nội thất	V00	20.61
1927	12006903	CHU NGÔ BÁ LƯƠNG	14/09/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	17.45
1928	01015649	HỒ NGỌC LƯƠNG	05/12/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	20.05
1929	26012948	TRẦN ĐỨC LƯƠNG	03/11/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	19.05
1930	25003176	TRẦN ĐỨC LƯƠNG	02/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.7
1931	16009724	TRẦN THANH LƯƠNG	15/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.95
1932	01037481	NGÔ DOÃN LƯỢNG	12/12/2000	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	17.05
1933	25008908	NGUYỄN GIA LƯỢNG	31/01/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	19.6
1934	27003632	QUYỀN HỒNG LƯỢNG	11/03/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.4
1935	29026101	LÊ VIỆT LƯU	24/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.1
1936	25003179	PHẠM VĂN LƯU	27/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	20.05
1937	04009013	TRẦN ĐĂNG LƯU	09/09/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A01	18.5
1938	28017976	LÊ ĐIỀU LY	23/12/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	20.35
1939	26017495	LÊ THỊ LY	21/02/2000	Nữ	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.6
1940	01059746	LÊ THỊ LY	25/03/2000	Nữ	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	17.55
1941	25017609	LẠI THỊ CHÚC LY	25/12/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	17.55
1942	23005741	NGUYỄN ĐIỀU LY	23/05/2001	Nữ	Kiến trúc nội thất	V00	22.25
1943	16001777	NGUYỄN THỊ VÂN LY	18/11/2001	Nữ	Kiến trúc nội thất	V02	19.83
1944	25004062	TRẦN THỊ LY	27/06/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	22.8
1945	26012953	TRƯƠNG HƯƠNG LY	11/04/2001	Nữ	Khoa học Máy tính	A00	19.05
1946	01009602	VƯƠNG CẨM LY	13/12/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	19.15
1947	25012170	PHẠM CÔNG LÝ	02/11/2001	Nam	Kiến trúc	V00	23.64
1948	25009882	ĐỖ THỊ NGỌC MAI	18/03/2001	Nữ	Công nghệ thông tin	A01	21.7
1949	25012766	ĐÌNH NGỌC MAI	28/10/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	23.94
1950	25005201	HOÀNG THỊ MAI	23/03/2001	Nữ	Công nghệ thông tin	A00	21.85
1951	17003595	HOÀNG THỊ NGỌC MAI	12/01/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	19

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
1952	08002777	NGUYỄN HOÀNG MAI	06/11/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	23.1
1953	01003691	NGUYỄN QUỲNH MAI	07/12/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	22.76
1954	29029851	NGUYỄN THỊ THUÝ MAI	02/02/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	19
1955	18015773	NGỤY THỊ MAI	12/11/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	19.35
1956	25006684	PHẠM THỊ MAI	04/02/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	22.35
1957	25005207	TRƯƠNG THỊ NGỌC MAI	09/05/2001	Nữ	Công nghệ thông tin	A00	21.65
1958	15004366	CAO ĐỨC MẠNH	19/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.45
1959	22009588	CHỦ VĂN MẠNH	05/12/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.25
1960	12012016	CHU VĂN MẠNH	07/12/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.95
1961	01041432	ĐỖ NGỌC MẠNH	17/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.25
1962	28029002	ĐỖ XUÂN MẠNH	18/03/2001	Nam	Quy hoạch vùng và đô thị	V00	18.73
1963	23000275	ĐINH TUẤN MẠNH	19/09/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.45
1964	29013313	ĐẶNG ĐỨC MẠNH	01/08/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	21.45
1965	21017666	ĐOÀN ĐÌNH MẠNH	29/06/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	18.55
1966	16000738	HOÀNG ĐỨC MẠNH	22/10/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	18.85
1967	17011933	HOÀNG ĐỨC MẠNH	15/08/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.3
1968	01067187	LÊ ĐỨC MẠNH	01/07/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.15
1969	25015048	LÊ TIẾN MẠNH	31/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.2
1970	21006416	LÊ VĂN MẠNH	31/01/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	23.2
1971	25010518	LÊ XUÂN MẠNH	18/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.5
1972	24000639	NGÔ ĐỨC MẠNH	07/11/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	21.5
1973	29011491	NGÔ ĐỨC MẠNH	06/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.35
1974	01046660	NGÔ ĐỨC MẠNH	07/10/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A01	19.2
1975	19010278	NGÔ HUY MẠNH	08/03/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A01	18.8
1976	29026119	NGUYỄN CÔNG MẠNH	17/05/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A01	22.55
1977	21004502	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	04/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.5
1978	15000943	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	30/06/2001	Nam	Quy hoạch vùng và đô thị	V01	19.94
1979	24005194	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	04/06/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	18.6
1980	19012812	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	02/03/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	22.3
1981	19014140	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	20/10/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.2
1982	19007244	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	02/12/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.8
1983	16000742	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	07/04/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	20.45
1984	30006701	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	03/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.05
1985	15012524	NGUYỄN TIẾN MẠNH	02/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	21.6
1986	14000355	NGUYỄN TIẾN MẠNH	05/07/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.64
1987	24001897	NGUYỄN TIẾN MẠNH	29/10/2001	Nam	Kiến trúc công nghệ	V02	23.68
1988	16005500	NGUYỄN TIẾN MẠNH	09/09/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	19.25
1989	01009643	NGUYỄN TUẤN MẠNH	20/05/2001	Nam	Cấp thoát nước - Môi trường nước	A01	22
1990	27001106	NGUYỄN VĂN MẠNH	10/08/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.6
1991	29005884	NGUYỄN VĂN MẠNH	22/06/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	16.7
1992	29005886	PHAN ĐỨC MẠNH	10/08/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19
1993	25015049	PHẠM TIẾN MẠNH	16/11/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A00	21.75
1994	26010067	PHẠM VĂN MẠNH	17/03/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	21.65
1995	27007771	PHẠM VĂN MẠNH	09/09/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.5
1996	18018709	TĂNG TIẾN MẠNH	12/09/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A01	19.15
1997	01006171	TRIỆU ĐỨC MẠNH	14/08/2001	Nam	Công nghệ thông tin	D07	23
1998	01062746	TRẦN ĐỨC MẠNH	11/11/2001	Nam	Quy hoạch vùng và đô thị	V01	17.31
1999	21009438	TRẦN ĐỨC MẠNH	09/06/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	17.3
2000	30015413	TRẦN ĐỨC MẠNH	20/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.65
2001	29027443	TRẦN ĐỨC MẠNH	12/08/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	23.3
2002	22000328	TRẦN VĂN MẠNH	09/03/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A01	20.5
2003	26012346	VŨ DUY MẠNH	28/04/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.25
2004	28015891	VŨ ĐÌNH MẠNH	28/06/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	22.65
2005	08002781	VŨ ĐÌNH MẠNH	24/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.4
2006	10000317	BA THỂ MINH	02/04/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	22.5
2007	26008295	BÙI ĐỨC MINH	21/07/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	18.7
2008	21001608	BÙI VĂN MINH	11/12/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	21.35
2009	01006173	CHU NHẬT MINH	20/01/2001	Nam	Tin học xây dựng	D07	17.5
2010	01016176	DƯƠNG QUANG MINH	23/10/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	20.9
2011	25006152	ĐỖ ANH MINH	31/12/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A00	16.95
2012	27004052	ĐỖ HOÀNG MINH	17/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	D07	23.6
2013	28000460	ĐỒNG NHẬT MINH	19/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.8
2014	29026130	HOÀNG BÌNH MINH	23/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	23.25

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
2015	03004606	HOÀNG ĐỨC MINH	01/02/2001	Nam	Công nghệ thông tin	D07	24.4
2016	01018582	HOÀNG ĐỨC MINH	25/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	19.95
2017	15008548	HOÀNG ĐỨC MINH	31/10/2001	Nam	Kiến trúc	V00	19.65
2018	18016835	LÊ ANH MINH	21/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.8
2019	28033631	LÊ ĐỨC MINH	20/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.05
2020	28000466	LÊ HỒNG MINH	19/05/2001	Nam	Kiến trúc công nghệ	V00	16.75
2021	28030624	LÊ HUY MINH	08/04/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	19.2
2022	01006192	LÊ QUANG MINH	03/02/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	D07	21.3
2023	01029132	LÊ QUANG MINH	28/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.95
2024	08002791	MAI ĐỨC MINH	13/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.15
2025	16010903	NGUYỄN CÁT TƯỜNG MINH	29/12/2001	Nữ	Kiến trúc nội thất	V02	21.78
2026	25011092	NGUYỄN CÔNG MINH	17/01/2001	Nam	Quy hoạch vùng và đô thị	V00	18.84
2027	17013349	NGUYỄN CÔNG MINH	09/08/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	15.2
2028	01051465	NGUYỄN DUY NHẬT MINH	09/07/2001	Nam	Kiến trúc	V00	24.55
2029	01006200	NGUYỄN ĐĂNG NHẬT MINH	03/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.8
2030	28001219	NGUYỄN ĐỨC MINH	27/12/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.45
2031	08004922	NGUYỄN ĐỨC MINH	29/11/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A01	20.35
2032	03006910	NGUYỄN GIA MINH	02/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.95
2033	26012348	NGUYỄN HOÀNG MINH	15/02/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	23.9
2034	01016228	NGUYỄN NGỌC MINH	23/08/2001	Nam	Kiến trúc	V02	25.43
2035	29005891	NGUYỄN QUANG ANH MINH	01/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21
2036	26001904	NGUYỄN QUANG MINH	21/11/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A01	15
2037	27004694	NGUYỄN QUANG MINH	08/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.05
2038	25001533	NGUYỄN TRỌNG MINH	05/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.65
2039	01006209	NGUYỄN TUẤN MINH	27/08/2001	Nam	Tin học xây dựng	A01	18.95
2040	27008501	NGUYỄN VĂN MINH	04/01/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.25
2041	28028453	NGUYỄN VĂN MINH	29/04/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.05
2042	25002009	NGUYỄN VĂN MINH	11/08/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	19.6
2043	01010030	NGUYỄN VŨ MINH	17/01/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.6
2044	25005214	NINH KHẮC MINH	01/01/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.4
2045	01011471	PHAN QUANG MINH	05/05/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	23.5
2046	29030796	PHẠM NHẬT MINH	21/03/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.25
2047	01006215	PHÙNG ANH MINH	28/09/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	23.9
2048	25007890	TẠ VĂN MINH	15/02/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	18.85
2049	03013220	TRẦN CÔNG MINH	10/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	24.7
2050	25011632	TRẦN NGỌC MINH	11/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	24.1
2051	31007123	TRẦN NHẬT MINH	12/03/2001	Nam	Quy hoạch vùng và đô thị	V00	18.06
2052	25014399	TRẦN THANH MINH	20/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.5
2053	25004635	TRẦN VĂN MINH	26/03/2001	Nam	Kiến trúc	V00	20.75
2054	01010047	VŨ CAO MINH	03/10/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A01	18.75
2055	26017524	VŨ ĐÌNH MINH	16/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.5
2056	01006227	VŨ NGỌC MINH	08/06/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	D07	20.2
2057	26004075	VŨ NGỌC MINH	13/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.95
2058	26015321	VŨ TẤN MINH	14/07/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.65
2059	26014607	VŨ VĂN MINH	11/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.95
2060	01056565	TRẦN THỊ MƠ	07/07/2001	Nữ	Kiến trúc công nghệ	V00	18.89
2061	28025611	ĐỖ ĐĂNG MỪNG	18/02/2000	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22
2062	26011227	TRẦN MẠNH MỪNG	29/03/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	16.5
2063	28001232	NGUYỄN ĐĂNG MUỖ	07/07/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21
2064	27001592	ĐẶNG TƯỜNG MY	15/09/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	21.3
2065	15000636	LÊ PHẠM LINH MY	06/10/2001	Nữ	Kiến trúc	V02	22
2066	28001729	LÊ THỊ TRÀ MY	13/12/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	19.75
2067	01003758	NGUYỄN HÀ MY	20/09/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	19.5
2068	26006944	NGUYỄN THỊ HUYỀN MY	20/11/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.2
2069	28030631	NGUYỄN THỊ ÁNH MỸ	21/04/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	22.95
2070	26005063	NGUYỄN VĂN MỸ	13/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.3
2071	01020590	PHẠM NGỌC MỸ	24/12/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.1
2072	18007367	NÔNG THỊ MỸ	02/01/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	24.76
2073	14001222	ĐƯƠNG HẢI NAM	06/12/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	21.45
2074	18012968	ĐƯƠNG HOÀI NAM	08/06/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	18.35
2075	01062777	ĐỖ CÔNG NAM	31/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	20.9
2076	22004557	ĐỖ THÀNH NAM	29/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.2
2077	24000655	ĐÌNH DUY NAM	26/06/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.5

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
2078	19001784	ĐINH KIM NAM	06/06/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.75
2079	01044538	ĐINH NGỌC NAM	23/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	23.45
2080	25007895	ĐẶNG ĐỨC NAM	31/01/2001	Nam	Kiến trúc	V00	20.6
2081	35000224	ĐẶNG THANH NAM	21/07/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	D07	16.7
2082	25009362	ĐẶNG THÀNH NAM	09/10/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	18
2083	28023376	ĐOÀN VĂN NAM	15/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.95
2084	03016365	HÀ HẢI NAM	26/02/2001	Nam	Kiến trúc công nghệ	V02	24.78
2085	17008028	HOÀNG HẢI NAM	24/04/2001	Nam	Quy hoạch vùng và đô thị	V00	18.74
2086	22010164	HOÀNG MẠNH NAM	21/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.55
2087	19009185	HOÀNG TRUNG NAM	29/04/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	21.55
2088	28015903	HOÀNG VĂN NAM	20/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.55
2089	12007910	HOÀNG VIỆT NAM	13/01/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	22
2090	01006275	LÊ HẢI NAM	15/06/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	19.7
2091	22003517	LÊ HOÀI NAM	24/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.3
2092	31006553	LÊ HOÀNG NAM	30/10/2001	Nam	Tin học xây dựng	A01	20.45
2093	28025068	LÊ NGỌC NAM	16/09/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A01	16.7
2094	29002881	LÊ VĂN NAM	23/07/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19
2095	03015387	LÊ VĂN NAM	29/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.75
2096	01067237	LƯU PHƯƠNG NAM	26/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.75
2097	01022893	LÝ HOÀNG NAM	16/06/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A01	20.75
2098	26008890	NGÔ VĂN NAM	02/12/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	19.65
2099	19005084	NGUYỄN DUY NAM	11/12/2001	Nam	Kiến trúc	V00	22.6
2100	14001224	NGUYỄN DUY NAM	09/07/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A01	22.7
2101	03012495	NGUYỄN ĐĂNG NAM	13/04/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	17.2
2102	30014328	NGUYỄN ĐỨC NAM	16/09/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	22.45
2103	15012536	NGUYỄN ĐỨC NAM	02/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.3
2104	01006279	NGUYỄN ĐỨC NAM	14/01/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	20
2105	01006281	NGUYỄN GIA NAM	12/02/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20
2106	03018386	NGUYỄN GIANG NAM	27/08/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	20.9
2107	18018096	NGUYỄN HẢI NAM	17/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	20.45
2108	19001228	NGUYỄN HẢI NAM	11/09/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.4
2109	21012630	NGUYỄN HẢI NAM	15/11/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.85
2110	01041501	NGUYỄN HOÀI NAM	17/05/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	16.9
2111	01039695	NGUYỄN HOÀNG NAM	01/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22
2112	19007924	NGUYỄN HỮU NAM	16/05/2000	Nam	Kiến trúc	V00	19.59
2113	01010075	NGUYỄN KIM NHẬT NAM	12/12/2001	Nam	Công nghệ thông tin	D07	21.55
2114	01022899	NGUYỄN MẠNH HÀ NAM	14/03/2001	Nam	Công nghệ thông tin	D07	22.35
2115	30010904	NGUYỄN NHẬT NAM	20/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	23.5
2116	12005574	NGUYỄN PHẠM HOÀI NAM	17/03/1999	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	19.15
2117	16000780	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	19/01/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	20.2
2118	01067245	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	17/07/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	19.5
2119	15001693	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	30/04/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A01	18.55
2120	21015791	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	23/03/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.1
2121	24007063	NGUYỄN SỸ HOÀI NAM	20/12/2001	Nam	Quy hoạch vùng và đô thị	V01	17.68
2122	21007545	NGUYỄN THÀNH NAM	26/12/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.5
2123	15012539	NGUYỄN TIẾN NAM	20/07/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.95
2124	03009489	NGUYỄN TIẾN NAM	03/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.85
2125	30004139	NGUYỄN TÔNG NAM	20/11/2001	Nam	Cấp thoát nước - Môi trường nước	A00	20.45
2126	16003874	NGUYỄN VĂN NAM	13/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.85
2127	01069504	NGUYỄN VĂN NAM	25/12/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	20.4
2128	30015423	NGUYỄN VIỆT NAM	04/04/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	18.4
2129	21004524	PHAN ĐÌNH NAM	04/01/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	18.9
2130	01006294	PHAN HẢI NAM	26/11/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.5
2131	25012196	PHAN HOÀI NAM	22/06/2001	Nam	Kiến trúc	V00	22.55
2132	25017005	PHAN THANH NAM	25/05/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	19
2133	26001920	PHẠM QUANG NAM	09/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.7
2134	01064753	PHẠM TRUNG NAM	27/06/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	21.45
2135	01044547	PHÙNG PHƯƠNG NAM	15/03/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	21.9
2136	18014216	THÂN VĂN NAM	07/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.85
2137	25013820	TỔNG THÀNH NAM	02/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.75
2138	25013821	TRẦN ĐỨC NAM	11/06/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.55
2139	24006535	TRẦN ĐÌNH HOÀI NAM	03/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22
2140	24007839	TRẦN NHƯ NAM	24/10/1999	Nam	Kỹ thuật cơ khí	D07	18

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
2141	25017006	TRẦN PHƯƠNG NAM	05/04/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.55
2142	12004956	TRƯƠNG DUY NAM	05/02/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.65
2143	17005814	TRƯƠNG HẢI NAM	14/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	20.55
2144	30004713	VÕ NHẬT NAM	16/10/2001	Nam	Cấp thoát nước - Môi trường nước	D07	16.45
2145	01022917	VŨ DUY NAM	14/06/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	19.45
2146	21005565	VŨ ĐỨC NAM	15/06/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	23.5
2147	01016359	VŨ HỒNG NAM	22/01/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	21.5
2148	26015844	VŨ HOÀI NAM	06/06/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	19.45
2149	27007418	VŨ NGỌC THÀNH NAM	11/08/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.85
2150	25017627	VŨ PHƯƠNG NAM	24/12/2001	Nam	Kiến trúc	V02	20.08
2151	25018145	VŨ THÀNH NAM	01/07/2001	Nam	Khoa học Máy tính	D07	19.15
2152	25012198	VŨ THÀNH NAM	18/08/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.15
2153	11001196	VŨ THÀNH NAM	07/08/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	D07	20.7
2154	01067258	VŨ TRƯỜNG NAM	29/04/2001	Nam	Quy hoạch vùng và đô thị	V01	19.86
2155	21013886	VŨ TÚ NAM	13/01/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.85
2156	25009368	ĐỖ THỊ HẰNG NGA	04/04/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18.6
2157	01049316	ĐỖ THỊ PHƯƠNG NGA	19/08/2001	Nữ	Quy hoạch vùng và đô thị	V01	18.63
2158	27008509	ĐINH THANH NGA	20/03/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.05
2159	21010992	LÊ THỊ LINH NGA	20/05/2001	Nữ	Kiến trúc	V02	22.98
2160	28023970	NGUYỄN THỊ THIÊN NGA	28/11/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý bất động sản	A01	16.9
2161	19001241	NGUYỄN THÚY NGA	15/09/2001	Nữ	Kiến trúc nội thất	V02	21.18
2162	25006709	VŨ THỊ HẰNG NGA	06/06/2001	Nữ	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.7
2163	25002022	MAI VĂN NGÀ	26/08/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	16.95
2164	24004721	BÙI THỊ HỒNG NGÁT	29/01/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	22.35
2165	27004715	BÙI THỊ NGÂN	19/06/2000	Nữ	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	A00	17.95
2166	01046753	KIỀU NGÂN	25/06/2001	Nữ	Quy hoạch vùng và đô thị	V01	18.14
2167	25011108	VŨ THỊ KIM NGÂN	06/08/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.1
2168	25006174	VŨ THỊ NGÂN	31/10/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	19.8
2169	22008374	NGUYỄN THỊ THÚY NGÂN	03/08/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.75
2170	25003214	ĐẶNG THANH NGHỊ	28/12/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	25.15
2171	21012052	NGUYỄN DUY NGHỊ	15/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.85
2172	30013897	CAO MINH NGHĨA	02/05/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.5
2173	01011543	ĐỖ BÁ NGHĨA	09/09/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A01	19.6
2174	12003203	ĐÀO HỨA TRỌNG NGHĨA	08/06/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.45
2175	11000804	ĐÀO NHẬT NGHĨA	26/12/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.35
2176	01010112	ĐINH TUẤN NGHĨA	06/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	24.25
2177	05004282	HOÀNG ĐẠI NGHĨA	13/12/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.75
2178	21012644	HOÀNG HỮU NGHĨA	13/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.35
2179	17007531	LÊ TRUNG NGHĨA	14/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	21.65
2180	17013373	NGUYỄN ĐỨC NGHĨA	29/11/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	17.6
2181	25015076	NGUYỄN HIẾU NGHĨA	20/06/2001	Nam	Tin học xây dựng	A01	17.2
2182	19002693	NGUYỄN KHẮC NGHĨA	18/08/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A01	18.15
2183	30011775	NGUYỄN NGỌC NGHĨA	11/01/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	17.15
2184	01022955	NGUYỄN PHÚC NGHĨA	12/07/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	18.25
2185	19001254	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	09/11/2001	Nam	Cấp thoát nước - Môi trường nước	A00	15
2186	15000649	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	16/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.45
2187	25017634	NGUYỄN VĂN NGHĨA	29/06/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.58
2188	15012550	PHẠM LÊ NHÂN NGHĨA	18/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.15
2189	27007793	PHẠM VĂN NGHĨA	27/01/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	22.6
2190	01039762	TRIỆU SINH NGHĨA	24/09/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	17.15
2191	25003590	TRẦN CÔNG NGHĨA	27/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.5
2192	24004729	TRẦN VĂN NGHĨA	31/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.9
2193	17007533	VŨ TRỌNG NGHĨA	22/05/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.66
2194	28017464	VŨ TRỌNG NGHĨA	07/07/2000	Nam	Tin học xây dựng	A00	18.4
2195	22007749	PHẠM ĐÌNH NGHIÊM	11/08/2001	Nam	Kiến trúc	V00	19.63
2196	27008513	BÙI THÀNH NGHIỆP	13/08/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A01	18.8
2197	18016344	VŨ TRÍ NGHIỆP	14/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.1
2198	26010101	PHẠM THỊ NGOAN	15/05/2001	Nữ	Cấp thoát nước - Môi trường nước	A01	20.35
2199	62000865	BÙI VĂN NGỌC	08/08/2001	Nam	Kiến trúc	V00	22.05
2200	19007929	ĐỖ THIÊN NGỌC	26/05/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	19.55
2201	27002727	ĐINH THỊ BÍCH NGỌC	21/10/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	21.65
2202	27006369	LÊ ÁNH NGỌC	31/10/2001	Nữ	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22
2203	22001482	LÊ THỊ DIỆU NGỌC	16/01/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý bất động sản	A01	16.85

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
2204	01018683	LẠI MINH NGỌC	30/10/2001	Nữ	Công nghệ thông tin	D07	21.25
2205	06003801	LƯƠNG KIM NGỌC	23/11/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý đô thị	D07	20.75
2206	28025640	MAI THỊ NGỌC	17/04/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	21.65
2207	29001470	NGUYỄN CÔNG NGỌC	17/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.85
2208	19007280	NGUYỄN HOÀI NGỌC	01/11/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	18
2209	15010579	NGUYỄN HỮU NGỌC	11/08/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	22
2210	24007447	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	22/12/2001	Nữ	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	16.85
2211	23005775	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	03/12/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	22.4
2212	28029049	NGUYỄN THỊ NGỌC	29/03/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	21.69
2213	18017436	NGUYỄN THẢO NGỌC	27/11/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	24.4
2214	16006903	NGUYỄN TẮT NGỌC	05/10/2001	Nam	Kiến trúc	V00	22.96
2215	18004273	NGUYỄN VĂN NGỌC	24/04/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	18.95
2216	01056670	NGUYỄN XUÂN NGỌC	06/02/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.96
2217	03017013	PHẠM TRÍ NGỌC	02/11/2000	Nam	Cấp thoát nước - Môi trường nước	A00	19.75
2218	24002625	TRẦN ĐIỀU NGỌC	12/03/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	20.6
2219	29004170	VŨ ĐỨC NGỌC	15/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.55
2220	03010658	VŨ HOÀI NGỌC	05/10/2001	Nữ	Quy hoạch vùng và đô thị	V01	16.01
2221	17008974	VŨ HOÀNG NGỌC	15/12/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	18.3
2222	01002085	VŨ MINH NGỌC	27/02/2001	Nữ	Kiến trúc nội thất	V02	23.55
2223	12014009	VŨ XUÂN NGỌC	26/07/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	22
2224	01049583	NGUYỄN HỒNG NGÔI	15/08/2001	Nam	Kiến trúc	V02	22.6
2225	29024876	BÙI ANH NGUYỄN	10/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.95
2226	40000952	BÙI TRUNG NGUYỄN	09/02/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	17.9
2227	22000366	BÙI VĂN NGUYỄN	18/10/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	16.8
2228	12000613	ĐƯƠNG LINH NGUYỄN	06/03/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	19.65
2229	19012275	ĐỖ TRUNG NGUYỄN	03/08/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.46
2230	30015981	ĐÀO KHÔI NGUYỄN	23/08/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	26.4
2231	15005597	HÀ PHƯƠNG NGUYỄN	15/03/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.45
2232	15006646	HOÀNG VĂN NGUYỄN	09/03/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.65
2233	28009623	LÊ NGỌC NGUYỄN	15/01/2001	Nam	Tin học xây dựng	A01	18.9
2234	12007010	NGÔ XUÂN NGUYỄN	02/09/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.35
2235	26001947	NGUYỄN HOÀNG NGUYỄN	24/03/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	22.7
2236	25012216	NGUYỄN VĂN NGUYỄN	02/09/2001	Nam	Quy hoạch vùng và đô thị	V00	17.98
2237	01025100	NGUYỄN VIỆT KHÔI NGUYỄN	10/08/2001	Nam	Kiến trúc công nghệ	V02	20.85
2238	30007243	NGUYỄN XUÂN NGUYỄN	20/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21
2239	22006722	PHẠM CÔNG NGUYỄN	06/07/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	19.25
2240	28003062	TỔNG VIỆT THẢO NGUYỄN	31/07/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	20.7
2241	01054567	ĐẶNG TRẦN NGUYỄN	25/04/2001	Nam	Tin học xây dựng	A01	18.1
2242	19012838	LƯƠNG GIA NGUYỄN	06/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.1
2243	16010471	NGUYỄN CÔNG NGUYỄN	05/09/2001	Nam	Kiến trúc	V00	22.19
2244	27002035	NGUYỄN THỊ ÁNH NGUYỆT	31/10/2001	Nữ	Quy hoạch vùng và đô thị	V02	17.38
2245	01044620	PHÙNG THỊ NGUYỆT	11/08/2001	Nữ	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	20.75
2246	25007911	ĐỖ THỊ THÚY NHÀI	30/10/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18.05
2247	25017660	VŨ VĂN NHẠM	27/04/2001	Nam	Kiến trúc	V00	20.86
2248	26014649	HOÀNG ĐỨC NHÂN	06/04/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	19.05
2249	01067365	NGUYỄN TRỌNG NHÂN	23/02/2001	Nam	Kiến trúc công nghệ	V00	20.91
2250	17007539	PHAN HOÀNG NHÂN	20/09/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	19.45
2251	01020701	PHẠM ĐỨC NHÂN	13/12/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A01	22.6
2252	28031371	LÊ TRỌNG NHẬT	20/07/2000	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22
2253	26002649	NGUYỄN TRỌNG NHẬT	10/08/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.8
2254	29018955	VŨ VĂN NHẬT	10/08/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	22.45
2255	25006186	BÙI VĂN NHẬT	13/02/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A00	16.15
2256	33007681	HOÀNG ĐÌNH LONG NHẬT	04/08/2001	Nam	Khoa học Máy tính	D07	20.5
2257	30013510	NGUYỄN BÁ DUY NHẬT	01/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22
2258	01058800	NGUYỄN ĐỨC NHẬT	04/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	21.9
2259	29010500	NGUYỄN MINH NHẬT	18/02/2001	Nam	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	A00	18.45
2260	25013307	NGUYỄN NGỌC NHẬT	03/12/2000	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.7
2261	29001497	NGUYỄN TRỌNG NHẬT	05/11/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.55
2262	25010563	NGUYỄN VĂN NHẬT	15/09/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A01	18.8
2263	30015456	NGUYỄN VIỆT NHẬT	11/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.25
2264	29030852	PHAN XUÂN LONG NHẬT	12/10/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.7
2265	25012226	PHẠM LONG NHẬT	05/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.6
2266	01002117	PHẠM QUANG NHẬT	15/12/2001	Nam	Kiến trúc	V02	23.7

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
2267	18011602	PHẠM VĂN NHẬT	21/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.6
2268	22002676	BÙI THỊ MỸ NHI	13/01/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	21.55
2269	29011600	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	01/11/2001	Nữ	Kiến trúc nội thất	V00	21.09
2270	01006409	NGUYỄN THUÝ NHI	20/08/2001	Nữ	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	D07	22.9
2271	01018744	NGUYỄN VÂN NHI	26/09/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý đô thị	D07	18.85
2272	01006411	BÙI THỊ YẾN NHUNG	05/04/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	20.2
2273	25006725	ĐỖ THỊ HỒNG NHUNG	22/10/2001	Nữ	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	20.3
2274	26012398	HOÀNG THỊ HỒNG NHUNG	06/01/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	21.75
2275	28023985	HOÀNG THỊ NHUNG	24/11/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.8
2276	25009939	NGUYỄN HỒNG NHUNG	29/12/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	19.35
2277	19010352	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	22/02/2001	Nữ	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	22.6
2278	25009940	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	11/02/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.1
2279	01010292	VŨ HỒNG NHUNG	31/05/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	21.41
2280	29029902	LÊ THỊ QUỲNH NHƯ	01/06/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	23.55
2281	01002166	TÀO TỔ NHƯ	07/11/2001	Nữ	Kiến trúc	V02	24.75
2282	29005990	CAO XUÂN NIỆM	18/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.05
2283	25014454	ĐỖ VĂN NINH	19/08/2001	Nam	Tin học xây dựng	A01	19.95
2284	17006628	HOÀNG BẢO NINH	24/12/2001	Nam	Kiến trúc	V00	22.34
2285	17007161	NGUYỄN HẢI NINH	26/07/2001	Nam	Cấp thoát nước - Môi trường nước	D07	19.25
2286	01028854	TỔNG PHÚC NINH	19/10/2001	Nam	Tin học xây dựng	A01	18.65
2287	21012069	TRẦN NHẬT NINH	07/12/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	18.15
2288	01009223	VĂN HỮU NINH	11/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	25.45
2289	25008507	VŨ NGỌC NINH	19/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.35
2290	01067426	ĐÌNH TRUNG NÚI	04/08/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	21.5
2291	16007795	NGUYỄN VĂN NÚI	01/08/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	20.1
2292	22003902	TRẦN ĐỨC NÚI	22/08/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	23.45
2293	27005112	ĐÌNH THỊ OANH	09/03/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.6
2294	21004585	HÀ THỊ OANH	02/03/2001	Nữ	Xây dựng Cầu đường	A00	20.8
2295	01018767	NGUYỄN THỊ KIM OANH	13/01/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	20.15
2296	01015107	TRẦN KIỀU OANH	27/10/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	24.45
2297	01015108	NGUYỄN BÙI TẤN PHAN	16/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	24.05
2298	24000225	NGUYỄN NGỌC PHAN	22/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	24.25
2299	19010362	VƯƠNG QUỐC PHÁT	21/08/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A01	22.75
2300	24006820	ĐƯƠNG ĐỨC PHI	14/02/2001	Nam	Kiến trúc	V00	19.85
2301	25007372	LÊ BÁ PHI	02/03/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	17
2302	25005281	NGUYỄN MẠNH PHI	08/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.5
2303	29005432	TRƯƠNG NGỌC PHI	02/12/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	20.35
2304	25016448	VŨ THANH PHI	28/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.95
2305	01028858	BÙI NGUYỄN PHONG	09/12/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A01	18.15
2306	21009475	CHÂU TRUNG PHONG	02/07/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A01	16.8
2307	24001965	ĐÌNH QUANG PHONG	21/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.15
2308	03007641	ĐẶNG HỒNG PHONG	28/09/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A01	17.3
2309	29007470	HOÀNG ĐĂNG PHONG	27/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.45
2310	12005015	HOÀNG ĐÌNH PHONG	30/10/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	17.95
2311	06003832	HOÀNG TUẤN PHONG	18/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	21.3
2312	28003739	HOÀNG VĂN PHONG	19/01/2000	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	15.8
2313	01060800	LÊ HUY PHONG	03/06/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18.35
2314	27000759	LÊ TUẤN PHONG	25/07/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	17.8
2315	21011021	LƯƠNG CÔNG PHONG	16/01/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A00	19.75
2316	25009958	LƯU GIA PHONG	08/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	D07	21.3
2317	26002671	MAI VĂN PHONG	03/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.75
2318	21011567	NGÔ GIA PHONG	02/05/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	21.9
2319	01026420	NGÔ VI PHONG	12/09/2001	Nam	Kiến trúc nội thất	V00	19.15
2320	28001283	NGUYỄN KỶ PHONG	05/04/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A01	21.65
2321	22005964	NGUYỄN KIỀU PHONG	03/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	20.7
2322	21012684	NGUYỄN THANH PHONG	20/03/2001	Nam	Kiến trúc nội thất	V02	21.45
2323	01004539	NGUYỄN TIẾN PHONG	02/01/1998	Nam	Xây dựng Cầu đường	A01	18.65
2324	19010989	NGUYỄN TRUNG PHONG	19/02/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	20.6
2325	29012879	NGUYỄN VĂN PHONG	19/03/2001	Nam	Kiến trúc nội thất	V00	19.2
2326	21013422	NGUYỄN VĂN PHONG	06/03/1999	Nam	Kiến trúc công nghệ	V00	18.81
2327	27005117	PHAN HỒNG PHONG	20/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.35
2328	21007582	PHẠM VĂN PHONG	06/10/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.8
2329	25007378	TRẦN QUỐC PHONG	25/06/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	19.3

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
2330	24003019	TRẦN THU PHONG	18/09/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A01	16.05
2331	27003693	NGUYỄN TRẦN XUÂN PHÒNG	01/07/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	18.55
2332	25014468	NGUYỄN VĂN PHÒNG	20/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	19.65
2333	01069842	BÙI VĂN PHÚ	11/12/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A01	19.65
2334	25009964	ĐỖ ĐỨC PHÚ	24/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.7
2335	19007327	NGUYỄN DUY PHÚ	23/11/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.8
2336	01006432	PHẠM GIA PHÚ	29/10/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	21.5
2337	12005016	TRẦN ĐÌNH PHÚ	16/01/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.6
2338	25018186	TRẦN HỒNG PHÚ	08/02/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.35
2339	26014671	TRẦN LONG PHÚ	01/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.85
2340	21011571	VŨ HOÀI PHÚ	15/11/2001	Nam	Kiến trúc	V00	19.95
2341	22011294	BÙI HỒNG PHÚC	20/06/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	19.25
2342	28000556	ĐƯƠNG XUÂN PHÚC	01/09/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.85
2343	25011161	ĐỖ VĂN PHÚC	15/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.5
2344	16010946	ĐÌNH THÁI PHÚC	21/04/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	19.9
2345	29005436	ĐẬU HẠNH PHÚC	18/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	D07	21.5
2346	28002308	HOÀNG ANH PHÚC	08/09/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	27.15
2347	28000560	LÊ VIỆT PHÚC	16/10/2001	Nam	Khoa học Máy tính	D07	22.25
2348	16000826	LẠI NGỌC PHÚC	30/04/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	18.05
2349	25015124	MAI NGỌC PHÚC	23/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.4
2350	26014674	NGÔ BẢO PHÚC	28/10/2001	Nam	Kiến trúc nội thất	V00	19.81
2351	25018187	NGÔ DUY PHÚC	26/12/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.95
2352	03008522	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	20/08/2001	Nam	Kiến trúc	V02	21.3
2353	01036618	NGUYỄN LÊ PHÚC	12/01/2001	Nam	Quy hoạch vùng và đô thị	V01	20.54
2354	01009242	NGUYỄN TRỌNG PHÚC	11/03/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	20.4
2355	29030892	PHAN ĐÌNH PHÚC	22/09/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	D07	17.15
2356	21011574	PHẠM MINH PHÚC	25/06/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.5
2357	38004491	TRẦN MINH PHÚC	14/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.8
2358	26001203	TRẦN QUANG PHÚC	04/09/2001	Nam	Quy hoạch - Kiến trúc	V01	18.44
2359	21009993	TRƯƠNG HOÀNG PHÚC	24/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.25
2360	27003694	VŨ HỒNG PHÚC	09/09/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	D07	20.15
2361	29029916	VŨ MINH PHÚC	02/09/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.1
2362	62000388	ĐỖ ĐỨC PHÙNG	01/08/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	17.75
2363	27006395	LÊ HỮU PHƯỚC	05/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.95
2364	17012881	BÙI ĐỨC PHƯƠNG	11/02/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	21.9
2365	03010103	BÙI HÀ PHƯƠNG	20/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	21.3
2366	25005290	ĐÌNH TIẾN PHƯƠNG	16/01/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	17.4
2367	30013539	ĐOÀN ĐÌNH PHƯƠNG	12/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.4
2368	28029664	HOÀNG NGỌC PHƯƠNG	31/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.95
2369	22011838	LÊ THỊ PHƯƠNG	14/05/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	19.1
2370	29032147	LÊ VĂN PHƯƠNG	19/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.05
2371	29000287	NGUYỄN DANH PHƯƠNG	05/05/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	20.15
2372	22010212	NGUYỄN DUY PHƯƠNG	18/01/2001	Nam	Máy xây dựng	A00	17.05
2373	14007839	NGUYỄN ĐỨC PHƯƠNG	14/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.6
2374	26017590	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	10/01/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	18.9
2375	19008617	NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG	16/10/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	21.6
2376	01028870	NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG	28/01/2001	Nữ	Kiến trúc công nghệ	V00	17.84
2377	22011303	NGUYỄN THỊ THẢO PHƯƠNG	07/09/2001	Nữ	Kiến trúc nội thất	V00	23.11
2378	01067455	NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG	01/02/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý đô thị	D07	17.35
2379	13001869	NGUYỄN THÀNH PHƯƠNG	03/11/2001	Nam	Quy hoạch - Kiến trúc	V01	21.08
2380	01006474	NGUYỄN TRẦN NHẬT PHƯƠNG	08/09/2001	Nữ	Kiến trúc	V10	19.8
2381	25008970	NGUYỄN TRẦN THU PHƯƠNG	02/11/2001	Nữ	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	17.9
2382	26010789	NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG	02/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.4
2383	18018171	PHAN HÀ LÂM PHƯƠNG	25/10/2001	Nữ	Tin học xây dựng	A00	17.4
2384	27004753	PHẠM DUY PHƯƠNG	04/08/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	22.45
2385	26013021	PHẠM THỊ THU PHƯƠNG	18/01/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18.25
2386	28017010	TỔNG VIỆT PHƯƠNG	04/09/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.55
2387	17006657	TRẦN THỊ MAI PHƯƠNG	02/02/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	23.85
2388	09000429	VŨ MAI PHƯƠNG	16/06/2001	Nữ	Công nghệ thông tin	D07	21.4
2389	26005151	VŨ THỊ PHƯƠNG	10/08/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.55
2390	25000405	VŨ THU PHƯƠNG	12/04/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	19.25
2391	27003269	ĐIỀN MINH PHƯƠNG	03/12/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý bất động sản	D07	21.65
2392	29017230	LÊ TIẾN PHƯƠNG	16/04/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A01	19.1

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
2393	16008811	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	23/09/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	19.8
2394	14007843	TRẦN BÍCH PHƯỢNG	26/02/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	22.35
2395	26002703	BÙI GIA QUANG	19/08/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.6
2396	23001291	BÙI TUẤN QUANG	06/02/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A00	19.2
2397	24007879	ĐÀO ĐÌNH QUANG	15/01/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A01	19.2
2398	18018177	ĐÌNH TRỌNG QUANG	27/02/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A01	17.2
2399	25007947	HOÀNG VĂN QUANG	27/03/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A01	16.5
2400	19007977	LÊ XUÂN QUANG	26/01/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.5
2401	26005154	LƯƠNG NGỌC QUANG	22/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.1
2402	28032281	LƯƠNG NGỌC QUANG	21/02/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	17.9
2403	23002608	MẠC THANH QUANG	02/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.25
2404	03002720	NGÔ VĂN QUANG	13/04/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.06
2405	15000689	NGUYỄN ANH QUANG	29/11/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	19.05
2406	03001846	NGUYỄN ĐÀO QUANG	27/03/2001	Nam	Kiến trúc	V00	22.08
2407	01006513	NGUYỄN ĐĂNG QUANG	05/10/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	17.1
2408	01003876	NGUYỄN HOÀNG TUẤN QUANG	08/10/2001	Nam	Kiến trúc	V00	22.91
2409	01071600	NGUYỄN HỮU QUANG	01/06/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.85
2410	21017776	NGUYỄN HUY QUANG	10/10/2001	Nam	Kiến trúc nội thất	V02	19.25
2411	01049776	NGUYỄN KHẢ QUANG	20/03/2001	Nam	Cơ giới hóa xây dựng	A01	16.85
2412	26015397	NGUYỄN MINH QUANG	18/04/2001	Nam	Tin học xây dựng	A01	17.8
2413	25004141	NGUYỄN MINH QUANG	05/06/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	22.6
2414	17007178	NGUYỄN MINH QUANG	07/07/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	22.2
2415	01028884	NGUYỄN MINH QUANG	01/10/2001	Nam	Cấp thoát nước - Môi trường nước	A00	17
2416	01062951	NGUYỄN THẾ QUANG	16/12/2001	Nam	Tin học xây dựng	A01	19.15
2417	42008736	NGUYỄN TRẦN TUẤN QUANG	18/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21
2418	25015834	NGUYỄN VĂN QUANG	11/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.95
2419	29032176	PHAN VĂN QUANG	27/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.9
2420	26014701	PHẠM NGỌC QUANG	19/07/2001	Nam	Quy hoạch vùng và đô thị	V00	18.73
2421	01044823	PHÙNG HUY QUANG	26/08/2001	Nam	Quy hoạch vùng và đô thị	V01	16.15
2422	03015444	PHƯƠNG VĂN QUANG	18/05/2001	Nam	Kiến trúc	V00	20.24
2423	26018544	TĂNG VĂN QUANG	27/12/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.5
2424	01009803	TRẦN ANH QUANG	02/02/2001	Nam	Quy hoạch vùng và đô thị	V00	19.09
2425	30006782	TRẦN DANH QUANG	16/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.5
2426	30013551	TRẦN DOÃN NHẬT QUANG	18/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.85
2427	26008401	TRẦN ĐÌNH QUANG	27/03/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.6
2428	25004144	TRẦN MINH QUANG	25/02/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.55
2429	19001326	TRẦN NHẬT QUANG	16/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	21.3
2430	24004787	TRẦN VĂN QUANG	08/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.5
2431	19010398	TRẦN VĂN QUANG	21/09/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	19.3
2432	17011300	TRẦN VINH QUANG	29/09/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.5
2433	28002333	VI THÀNH QUANG	08/01/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	22.25
2434	26005939	VŨ MẠNH HÀ QUANG	11/01/2001	Nam	Quy hoạch vùng và đô thị	V01	18.43
2435	26012451	VŨ NGỌC QUANG	27/10/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.6
2436	22001968	PHẠM CÔNG QUẢNG	12/11/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	17.75
2437	16000851	BÙI NHƯ QUÂN	12/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.75
2438	28001784	DƯƠNG VĂN MINH QUÂN	22/12/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.6
2439	17007562	ĐỖ MINH QUÂN	20/01/2001	Nam	Quy hoạch - Kiến trúc	V01	18.06
2440	01020764	ĐỖ MINH QUÂN	22/12/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.25
2441	11000859	ĐÌNH ĐOÀN QUÂN	22/12/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22
2442	29029925	ĐẶNG THANH QUÂN	10/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.15
2443	28017513	HÀ ĐÌNH QUÂN	14/01/2000	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.95
2444	29006070	HOÀNG ANH QUÂN	16/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20
2445	01009817	HOÀNG ANH QUÂN	17/09/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.25
2446	28029101	HOÀNG MINH QUÂN	15/06/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.1
2447	28001785	LÊ ANH QUÂN	12/12/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	22.6
2448	28001786	LÊ ĐÌNH QUÂN	30/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.1
2449	25004714	LÊ HỒNG QUÂN	23/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.45
2450	24005870	LÊ HOÀNG QUÂN	23/11/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A01	18.75
2451	28029685	LÊ MINH QUÂN	06/10/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.55
2452	28024025	LÊ VĂN QUÂN	08/02/2001	Nam	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	A00	16.05
2453	28025683	MAI HỒNG QUÂN	02/07/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.55
2454	01020768	NGUYỄN AN QUÂN	22/07/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	22.25
2455	01017806	NGUYỄN ANH QUÂN	10/02/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	17.1

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
2456	01020769	NGUYỄN ANH QUÂN	15/10/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	18.65
2457	01069911	NGUYỄN BÁ QUÂN	07/05/2001	Nam	Kiến trúc nội thất	V00	19.11
2458	25004715	NGUYỄN CÔNG QUÂN	03/08/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	17.4
2459	27000284	NGUYỄN HỒNG QUÂN	11/12/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	19.4
2460	01039850	NGUYỄN MINH QUÂN	29/04/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	21.45
2461	22003592	NGUYỄN MẠNH QUÂN	07/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.65
2462	28001788	NGUYỄN MẠNH QUÂN	03/11/2001	Nam	Quy hoạch vùng và đô thị	V00	17.91
2463	29022414	NGUYỄN VĂN QUÂN	11/07/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.9
2464	26007021	NGUYỄN VĂN QUÂN	07/06/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.5
2465	14007177	NGUYỄN VĂN QUÂN	16/03/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	16.75
2466	27004095	NINH THẾ QUÂN	29/08/2001	Nam	Kiến trúc nội thất	V00	19.3
2467	26018120	PHẠM HỒNG QUÂN	07/02/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	22.75
2468	25003259	PHẠM HỒNG QUÂN	28/01/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	23.5
2469	28006841	PHẠM VĂN QUÂN	28/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.85
2470	01032438	PHÙNG MINH QUÂN	16/10/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	22.5
2471	19007356	TRẦN ANH QUÂN	13/03/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	19.25
2472	16012225	TRẦN ANH QUÂN	25/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.9
2473	26018550	TRẦN ANH QUÂN	13/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.8
2474	26010179	TRẦN HỒNG QUÂN	01/11/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	23.2
2475	01067483	TRẦN MINH QUÂN	10/07/2001	Nam	Kiến trúc	V00	22.11
2476	30004811	TRẦN MẠNH QUÂN	09/01/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	17.5
2477	01041702	TRẦN VIỆT QUÂN	02/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.1
2478	29027674	TRINH MINH QUÂN	12/06/2001	Nam	Kiến trúc	V02	22.6
2479	15009568	TRƯƠNG VĂN QUÂN	02/06/2000	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.35
2480	21013464	VÂN TRÚC QUÂN	13/01/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	17.4
2481	12002383	VI ĐẠT QUÂN	01/07/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	22.3
2482	24001991	VŨ ANH QUÂN	19/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.35
2483	03005729	VŨ ANH QUÂN	18/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.7
2484	01006561	VŨ ANH QUÂN	19/11/2001	Nam	Kiến trúc	V02	21.15
2485	24003836	VŨ VĂN QUÂN	21/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.8
2486	25015148	VƯƠNG VĂN QUÂN	07/03/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.8
2487	27006405	TRẦN QUỐC QUẾ	29/08/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	23.25
2488	29025018	BÙI TRƯỞNG THẾ QUỐC	09/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	20.9
2489	30015127	LÊ KHÁNH QUỐC	24/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.3
2490	01051733	NGUYỄN BÁ QUỐC	02/07/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	16.35
2491	28012080	ĐÌNH LƯƠNG QUÝ	11/07/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	16.65
2492	29022416	HỒ VĂN QUÝ	12/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	D07	21.05
2493	18017484	LƯƠNG HỒNG QUÝ	22/01/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	22.05
2494	25007409	NGUYỄN MINH QUÝ	25/05/2001	Nam	Máy xây dựng	A00	18.75
2495	01026483	NGUYỄN TIẾN QUÝ	13/07/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A01	19.3
2496	28033006	NGUYỄN VĂN QUÝ	17/12/2000	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19
2497	18006784	PHẠM QUANG QUÝ	30/12/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	19.3
2498	30007881	TRẦN ĐÌNH QUÝ	03/03/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.25
2499	12000669	VÙI TRỌNG QUÝ	30/05/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	16.1
2500	21012713	PHẠM VĂN QUÝ	17/04/2001	Nam	Kiến trúc công nghệ	V00	22.31
2501	01003900	BÙI HẠNH QUYÊN	16/09/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	19.35
2502	30010988	ĐÌNH THỊ QUYÊN	24/04/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	23.85
2503	12008021	NGÔ THỊ QUYÊN	09/04/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18.6
2504	21008458	ĐẶNG XUÂN QUYÊN	29/04/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.15
2505	17007565	LÊ VĂN QUYÊN	22/10/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	20.05
2506	29029439	LÊ VĂN QUYÊN	01/12/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	17.15
2507	25018212	NGÔ THẾ QUYÊN	21/04/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.5
2508	21011045	NGUYỄN CÔNG QUYÊN	24/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.8
2509	24007482	NGUYỄN MINH QUYÊN	20/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.15
2510	08005743	NGUYỄN VĂN QUYÊN	17/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	20.5
2511	27004768	PHẠM VĂN QUYÊN	13/05/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	22.9
2512	01056795	DOÃN XUÂN QUYẾT	05/06/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.7
2513	28028529	LÊ VĂN QUYẾT	12/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	24
2514	12000672	NÔNG THẾ QUYẾT	02/11/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	D07	22.85
2515	28027311	TẠ MINH QUYẾT	20/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20
2516	21015891	TRẦN TIẾN QUYẾT	09/04/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A01	16.85
2517	27007834	VŨ MINH QUYẾT	09/12/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.65
2518	19001341	BÙI THỊ NHƯ QUỲNH	23/01/2001	Nữ	Công nghệ thông tin	A01	21.7

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
2519	25014503	BÙI THỊ TRANG QUỲNH	14/11/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.3
2520	24000728	BÙI THÚY QUỲNH	08/01/2001	Nữ	Kiến trúc công nghệ	V02	18.55
2521	25011180	CHẶNG THỊ QUỲNH	20/02/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	22.31
2522	28022858	ĐÀO THỊ NHƯ QUỲNH	29/09/2001	Nữ	Cấp thoát nước - Môi trường nước	A00	19
2523	25002737	ĐINH HƯƠNG QUỲNH	02/06/2001	Nữ	Kiến trúc	V02	20.65
2524	25013886	ĐOÀN THỊ DIỄM QUỲNH	21/06/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	19.3
2525	26012461	HOÀNG NHƯ QUỲNH	06/10/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.1
2526	25006216	LÊ MẠNH QUỲNH	08/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.15
2527	03015464	LÊ THỊ DIỄM QUỲNH	02/02/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	21.6
2528	28025147	LÊ THỊ QUỲNH	10/09/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	18.65
2529	26010190	MAI THỊ QUỲNH	05/12/2001	Nữ	Kiến trúc công nghệ	V00	23.41
2530	18006788	NGUYỄN MẠNH QUỲNH	19/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.8
2531	01009849	NGUYỄN THỊ DIỄM QUỲNH	15/11/2001	Nữ	Kiến trúc nội thất	V00	19.31
2532	13004049	NGUYỄN THỊ QUỲNH	19/08/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	16.8
2533	30010999	NGUYỄN THỊ THÚY QUỲNH	25/11/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	22.15
2534	26016883	TÔ THỊ THÚY QUỲNH	06/04/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	D07	21.3
2535	21015905	VŨ THỊ NHƯ QUỲNH	07/09/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	22.06
2536	28034405	LÊ HỒNG SANG	20/08/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.85
2537	24006841	NGUYỄN MẠNH SANG	22/01/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	23.4
2538	22000419	NGUYỄN QUANG SANG	17/11/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	D07	17
2539	30002644	NGUYỄN TẤN SANG	01/01/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.3
2540	25010015	TRẦN ĐÌNH SANG	01/01/2000	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.95
2541	25014512	TRẦN QUANG SANG	08/10/2001	Nam	Máy xây dựng	A00	19.35
2542	17011319	ĐÀO MẠNH SÁNG	05/06/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	20.1
2543	01044345	NGUYỄN QUANG SÁNG	23/05/2001	Nam	Quy hoạch vùng và đô thị	V01	19.48
2544	25013354	NGÔ THỊ SEN	29/01/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	17.15
2545	19003481	NGUYỄN THỊ SEN	28/01/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	22.74
2546	24008272	TRỊNH CÔNG SƠN	20/05/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20
2547	19000623	NGUYỄN DUY SÔNG	28/11/2001	Nam	Máy xây dựng	A00	18.75
2548	01009851	BÙI HỒNG SƠN	20/01/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A01	24.45
2549	38005359	BÙI KIM SƠN	18/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.55
2550	03002753	CAO LƯƠNG TRƯỜNG SƠN	15/02/2001	Nam	Kiến trúc	V02	21.33
2551	25015171	CAO VĂN SƠN	12/02/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.65
2552	19005195	CHU MINH SƠN	23/06/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	17.15
2553	19003484	DƯƠNG CÔNG SƠN	06/11/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	18.7
2554	29022444	DƯƠNG LÊ SƠN	26/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.8
2555	17008127	DƯƠNG TRUNG SƠN	07/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	20.65
2556	25006767	ĐỖ ĐỨC SƠN	10/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.6
2557	28018087	ĐỖ VIỆT SƠN	26/09/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.35
2558	27000293	ĐÀM PHÚ SƠN	01/11/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	24.75
2559	29027709	ĐÀM THÁI SƠN	10/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.75
2560	03016580	ĐỒNG KIM SƠN	05/08/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	16.95
2561	15012612	HÀ CÔNG SƠN	06/12/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.55
2562	28005348	HÀ HẢI SƠN	31/08/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	15.3
2563	24002004	HOÀNG HỒNG SƠN	02/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.7
2564	14009114	HOÀNG HOÀI SƠN	10/09/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A01	17.75
2565	22003925	HOÀNG THIÊN SƠN	04/09/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	21.5
2566	25001626	HOÀNG TRƯỜNG SƠN	05/12/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	22.5
2567	15006260	LÊ NGỌC SƠN	02/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.75
2568	01020786	LÊ QUANG SƠN	10/04/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.83
2569	17011325	LÊ QUANG SƠN	13/11/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	18.9
2570	01020787	LÊ SỸ TRƯỜNG SƠN	26/08/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18.1
2571	28024567	LÊ VĂN SƠN	30/01/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	15.35
2572	03001863	LÊ VĂN SƠN	19/02/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.21
2573	29006113	MÃ DUY SƠN	30/09/2001	Nam	Kiến trúc	V00	22.18
2574	25015872	MAI GIANG SƠN	09/11/2001	Nam	Quy hoạch vùng và đô thị	V01	18.5
2575	01048779	NGUYỄN CAO SƠN	24/09/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A01	18.9
2576	26002030	NGUYỄN CAO SƠN	17/10/2001	Nam	Kiến trúc	V00	19.94
2577	62002714	NGUYỄN CÔNG SƠN	28/06/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	18.25
2578	26008958	NGUYỄN CÔNG SƠN	30/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.6
2579	26002725	NGUYỄN ĐỖ SƠN	12/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.75
2580	28024568	NGUYỄN ĐÌNH SƠN	25/02/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A00	19.15
2581	05000320	NGUYỄN GIANG SƠN	20/08/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	18.3

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
2582	09000437	NGUYỄN HÀ SƠN	26/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.15
2583	08003368	NGUYỄN HỒNG SƠN	30/10/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A01	21.25
2584	01006613	NGUYỄN HỒNG SƠN	15/11/2001	Nam	Tin học xây dựng	A01	17.35
2585	24000741	NGUYỄN HỒNG SƠN	29/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.7
2586	01011693	NGUYỄN HỒNG SƠN	30/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.45
2587	15013014	NGUYỄN HỒNG SƠN	06/03/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18.55
2588	01036172	NGUYỄN HỒNG SƠN	13/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.5
2589	24006208	NGUYỄN HOÀNG SƠN	19/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.95
2590	28031473	NGUYỄN HỮU NGỌC SƠN	22/09/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.95
2591	19006262	NGUYỄN HỮU SƠN	22/02/2001	Nam	Kiến trúc	V02	21.93
2592	01006614	NGUYỄN NAM SƠN	09/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	20.95
2593	24002409	NGUYỄN NGỌC SƠN	04/12/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.7
2594	01006618	NGUYỄN THÁI SƠN	31/07/2001	Nam	Cấp thoát nước - Môi trường nước	A01	20.9
2595	28001799	NGUYỄN TRỌNG SƠN	20/05/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.75
2596	01003909	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	12/06/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	20.8
2597	25010633	NGUYỄN TÙNG SƠN	23/08/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.25
2598	17014007	NGUYỄN VĂN SƠN	03/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.9
2599	28001333	NGUYỄN VIỆT SƠN	04/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.25
2600	01026520	PHAN THÀNH SƠN	28/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.3
2601	27007845	PHẠM THẾ SƠN	09/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.1
2602	01002227	PHẠM THANH SƠN	11/05/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	20.45
2603	07002611	TÔNG VĂN SƠN	02/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.95
2604	01067550	TRẦN HỒNG SƠN	08/02/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.65
2605	26013981	TRẦN HỒNG SƠN	24/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.7
2606	27005577	TRẦN HOÀI SƠN	28/07/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.65
2607	25005328	TRẦN VĂN SƠN	10/06/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.6
2608	19002441	TRẦN VĂN SƠN	01/07/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	17.2
2609	28027994	TRƯƠNG CÔNG SƠN	20/03/2001	Nam	Cơ giới hóa xây dựng	A00	16.2
2610	28003107	VŨ ĐÌNH SƠN	10/03/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.05
2611	12011444	VŨ HOÀNG SƠN	15/05/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	17.85
2612	21017143	VŨ NGỌC SƠN	26/06/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.84
2613	26014731	VŨ NGỌC SƠN	06/10/2001	Nam	Kiến trúc nội thất	V00	19.25
2614	23003408	VŨ TRƯỜNG SƠN	05/01/2000	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	16.55
2615	01032774	ĐẶNG XUÂN SỰ	24/01/2001	Nam	Máy xây dựng	A00	19.9
2616	25017105	NGUYỄN QUỐC SỰ	03/02/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	16.5
2617	27008566	PHẠM THỨC SỰ	20/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.3
2618	29029448	NGUYỄN THỊ ÚT SƯƠNG	19/02/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	19.7
2619	28020921	NGUYỄN VĂN SỸ	24/05/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.35
2620	01069554	NGUYỄN VĂN SỸ	08/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21
2621	25004177	PHẠM GIA SỸ	26/08/2000	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	18.75
2622	24006844	ĐƯƠNG VĂN TÀI	27/06/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	17.9
2623	22005323	ĐẶNG TẤN TÀI	03/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.4
2624	30002141	HỒ VIỆT TÀI	27/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.7
2625	29010597	LÊ VĂN TÀI	17/07/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	17.7
2626	28019611	LUƠNG THANH TÀI	06/06/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	19.8
2627	25013360	NGÔ ĐÌNH TÀI	09/07/2001	Nam	Cấp thoát nước - Môi trường nước	A01	15.4
2628	01051761	NGUYỄN TIẾN TÀI	21/10/1999	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A01	19.2
2629	22007333	NGUYỄN TRỌNG TÀI	29/09/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	21.2
2630	25006775	NGUYỄN XUÂN TÀI	02/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.65
2631	29019109	PHAN MINH TÀI	01/10/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.6
2632	01060867	PHẠM VĂN TÀI	20/12/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.85
2633	25014522	PHẠM VĂN TÀI	10/04/2001	Nam	Kiến trúc	V00	20.49
2634	01073391	PHẠM VĂN TÀI	16/02/1999	Nam	Khoa học Máy tính	A00	22.8
2635	29027729	THÁI VĂN TÀI	31/03/2001	Nam	Kiến trúc nội thất	V00	19.34
2636	29030966	TRẦN ĐỨC TÀI	01/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.9
2637	01054906	TRẦN VĂN TÀI	08/02/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	17.4
2638	30006812	TRƯƠNG HỮU TÀI	16/03/2000	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	19.8
2639	17007202	VŨ HỒNG TÀI	19/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.15
2640	27008567	VŨ XUÂN TÀI	13/12/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.85
2641	25011197	NGÔ VĂN TAM	28/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.25
2642	25015177	NGUYỄN VĂN TAM	24/04/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	17.55
2643	27007849	NGUYỄN TRỌNG TẠO	16/12/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	24.55
2644	28027999	ĐỖ VĂN TÂM	28/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.65

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
2645	05003243	LÊ ÁNH TÂM	20/11/2001	Nữ	Kiến trúc nội thất	V00	19.46
2646	22009057	LÊ DUY TÂM	15/05/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	16.85
2647	26008428	NGUYỄN MINH TÂM	17/04/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	23.65
2648	17007205	NGUYỄN THỊ THÀNH TÂM	24/03/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.3
2649	24005604	TRẦN VĂN TÂM	26/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.45
2650	25016505	VŨ MINH TÂM	11/06/2000	Nam	Kiến trúc	V00	21.09
2651	17004498	VŨ MINH TÂM	14/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.2
2652	25006783	NGUYỄN THỊ HỒNG TÂM	02/10/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	21.5
2653	03012613	BÙI THỂ TÂN	09/09/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.2
2654	01044890	ĐUỜNG NGỌC TÂN	21/03/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.4
2655	03007082	ĐUỜNG THÁI NHẬT TÂN	22/06/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.55
2656	25007430	ĐOÀN MINH TÂN	12/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.9
2657	30006251	HOÀNG NHẬT TÂN	02/10/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.45
2658	01004915	KIỀU VĂN TÂN	10/09/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.55
2659	29009950	LÊ DUY TÂN	16/07/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	21.4
2660	26016907	LÊ HỮU TÂN	25/08/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	19.45
2661	01020807	LUƠNG NGỌC TÂN	15/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.9
2662	01071707	LIÊU MẠNH TÂN	07/04/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	20.2
2663	25000429	MAI TÂN TÂN	06/11/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	24.35
2664	25009003	NGUYỄN ANH TÂN	14/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.55
2665	16005653	TẠ QUANG TÂN	15/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.05
2666	30009155	THÁI MẠNH TÂN	12/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.1
2667	29027743	TRẦN DUY TÂN	14/04/2001	Nam	Kiến trúc công nghệ	V02	25.98
2668	14001272	TRẦN KHÁNH TÂN	22/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.55
2669	01009883	TRẦN MINH TÂN	13/09/2001	Nam	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	A00	18.75
2670	21015929	TRẦN QUỐC TÂN	26/10/2001	Nam	Kỹ thuật Môi trường	B00	16.9
2671	25006238	TRỊNH VĂN TÂN	17/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.85
2672	01061559	VUỜNG NGỌC TÂN	27/11/1999	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.05
2673	25003284	TRẦN TÁT TÂN	31/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.85
2674	29016654	LÊ VĂN THẠCH	07/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.2
2675	01074604	NGUYỄN HÙNG THẠCH	12/07/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A01	19.9
2676	01009887	NGUYỄN THIÊN THẠCH	12/03/2001	Nam	Kiến trúc	V00	23.36
2677	21018156	VŨ CÔNG THẠCH	23/05/2001	Nam	Quy hoạch vùng và đô thị	V01	17.38
2678	29005522	VŨ LƯƠNG NGỌC THẠCH	31/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.1
2679	25002109	BÙI QUỐC THÁI	13/03/2001	Nam	Kiến trúc nội thất	V02	21.1
2680	12012842	ĐÀO VĂN THÁI	26/04/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A01	17.1
2681	18012493	ĐINH QUANG THÁI	17/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.35
2682	28029723	LÊ DUY THÁI	28/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.7
2683	21004639	LÊ ĐỨC THÁI	03/12/2001	Nam	Kiến trúc	V00	22.4
2684	28017557	LÊ NGỌC THÁI	08/12/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.35
2685	01054921	NGUYỄN CỬU THÁI	24/07/2001	Nam	Máy xây dựng	A01	16.8
2686	01026536	NGUYỄN DU THÁI	06/09/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	21.35
2687	01071719	NGUYỄN ĐỨC THÁI	23/08/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.2
2688	21017807	NGUYỄN QUANG THÁI	12/06/2001	Nam	Kiến trúc	V02	23.98
2689	28028012	NGUYỄN THỂ THÁI	21/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.55
2690	21005645	NGUYỄN VĂN THÁI	02/06/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	16.95
2691	21007087	NGUYỄN VĂN THÁI	21/12/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.1
2692	17013445	PHẠM ĐỨC THÁI	23/10/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A01	20.65
2693	24006590	PHẠM QUANG THÁI	26/02/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	22.55
2694	28033758	PHẠM VĂN THÁI	01/12/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.2
2695	15000713	TẠ HOÀNG THÁI	22/01/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.25
2696	25004195	TRẦN HUY THÁI	11/01/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	22.15
2697	05003247	TRẦN QUỐC THÁI	23/04/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	21.2
2698	28001807	TRẦN XUÂN THÁI	30/04/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	19.75
2699	26010238	TRƯỜNG VIỆT THÁI	20/03/2001	Nam	Kiến trúc công nghệ	V00	23.45
2700	01026538	CHU ĐỨC THANH	14/11/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	17.25
2701	28001343	ĐÀM KHẮC THANH	04/11/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	22.7
2702	27000305	ĐINH THỊ PHƯƠNG THANH	18/06/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	21.79
2703	27004788	ĐINH VĂN DUY THANH	29/07/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	22.7
2704	19007397	ĐẶNG ĐÌNH THANH	05/08/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	20.4
2705	16006999	HOÀNG NGỌC THANH	13/11/2000	Nam	Tin học xây dựng	A00	17.5
2706	18012497	HOÀNG VĂN THANH	24/03/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A00	17.1
2707	28019997	LÊ THỊ THANH	05/10/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	20.5

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
2708	01069573	NGUYỄN NGỌC THANH	05/09/2001	Nam	Tin học xây dựng	A01	22.55
2709	29006154	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THANH	06/01/2001	Nữ	Công nghệ thông tin	A00	21.35
2710	21015935	NGUYỄN THỊ THANH THANH	29/08/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	21.85
2711	03017101	NGUYỄN THỊ THÚY THANH	26/03/2001	Nữ	Công nghệ thông tin	A00	21.6
2712	28004665	NGUYỄN VĂN HẢI THANH	09/09/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18.7
2713	19011773	NGUYỄN VĂN THANH	30/06/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.05
2714	18012503	NGUYỄN VĂN THANH	10/08/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A01	18.65
2715	18015908	PHẠM THỂ THANH	07/04/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	17.1
2716	25011210	PHẠM VĂN THANH	27/10/1999	Nam	Cấp thoát nước - Môi trường nước	B00	16.6
2717	01051777	PHẠM VĂN THANH	01/04/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	19.8
2718	19010441	TRẦN ĐỨC THANH	04/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.25
2719	26002048	TRẦN THỊ THANH THANH	11/12/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	22.6
2720	21004647	VŨ HẢI THANH	28/06/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	16.3
2721	21016593	TIÊU HOÀNG THÀNH	16/07/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.35
2722	03010159	BÙI CÔNG THÀNH	29/11/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.1
2723	01049878	ĐẶNG TẤT THÀNH	24/01/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.05
2724	25007986	ĐOÀN VĂN THÀNH	23/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.25
2725	28000642	HOÀNG TRUNG THÀNH	13/08/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	19.25
2726	19005229	LÊ CÔNG THÀNH	20/04/2001	Nam	Quy hoạch vùng và đô thị	V00	18.18
2727	29000380	LÊ ĐÌNH THÀNH	08/10/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A01	18.5
2728	25013366	LÊ TẤT THÀNH	11/11/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	18.3
2729	19012949	LÊ VĂN THÀNH	24/01/2001	Nam	Kiến trúc công nghệ	V00	18.5
2730	01060876	LÊ XUÂN THÀNH	20/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.2
2731	29015905	LUONG TUẤN THÀNH	08/11/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	17.8
2732	28025719	MAI HOÀNG THÀNH	13/01/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	23.7
2733	14001281	ỨNG NHẬT THÀNH	13/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.35
2734	28026185	NGHIÊM SỸ THÀNH	08/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.25
2735	26014763	NGÔ QUANG THÀNH	22/07/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.5
2736	21012751	NGUYỄN CÔNG THÀNH	08/07/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	17.65
2737	01039928	NGUYỄN CÔNG THÀNH	01/11/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	19.95
2738	26008445	NGUYỄN DUY THÀNH	09/08/2001	Nam	Kiến trúc công nghệ	V00	22.36
2739	51008708	NGUYỄN ĐĂNG ĐỨC THÀNH	22/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.35
2740	27003296	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	07/06/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	19.45
2741	21008488	NGUYỄN ĐÌNH THÀNH	21/11/2000	Nam	Tin học xây dựng	A00	17.25
2742	21013516	NGUYỄN HUY THÀNH	31/07/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A01	21.15
2743	18012505	NGUYỄN MINH THÀNH	19/10/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.65
2744	01041133	NGUYỄN QUANG THÀNH	30/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.4
2745	19007407	NGUYỄN TIẾN THÀNH	02/05/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	17.25
2746	25008579	NGUYỄN TRUNG THÀNH	06/03/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	21.35
2747	23000671	NGUYỄN TUẤN THÀNH	11/04/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	17.05
2748	17006724	NGUYỄN TUẤN THÀNH	27/08/2001	Nam	Kiến trúc	V00	22.83
2749	23000369	NGUYỄN TUẤN THÀNH	15/01/2001	Nam	Kiến trúc	V00	22.96
2750	21005163	NGUYỄN VĂN THÀNH	09/10/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A01	17.1
2751	29012079	NGUYỄN VĂN THÀNH	12/08/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	17.8
2752	21016597	PHAN NHẬT THÀNH	05/08/2000	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	17.8
2753	27001685	PHẠM DUY THÀNH	04/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.2
2754	27008582	PHẠM NGỌC TIẾN THÀNH	08/12/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.4
2755	27003742	PHẠM PHÚC THÀNH	07/11/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	21.4
2756	25000437	PHẠM TIẾN THÀNH	04/04/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	23.25
2757	36002663	PHẠM TIẾN THÀNH	23/09/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	18.6
2758	27006009	PHẠM TUẤN THÀNH	07/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.25
2759	27008583	TỔNG XUÂN THÀNH	23/12/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	21.2
2760	29006164	TRẦN HỮU THÀNH	01/09/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	18.5
2761	24001283	TRẦN NGỌC THÀNH	13/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.05
2762	03009636	TRẦN NGHĨA THÀNH	13/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22
2763	29029465	TRẦN NGUYỄN THÀNH	12/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.5
2764	26010248	TRẦN QUỐC THÀNH	22/02/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	19.25
2765	01051784	VŨ ĐẠT THÀNH	16/01/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	19.25
2766	01020843	VŨ MINH THÀNH	22/05/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	D07	17.2
2767	22006434	VŨ VĂN THÀNH	03/01/2001	Nam	Kiến trúc	V00	20.45
2768	01039941	VƯƠNG CHÍ THÀNH	29/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.65
2769	01020844	VƯƠNG TRUNG THÀNH	23/05/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	20.7
2770	01047016	ĐỖ VĂN THAO	09/09/2001	Nam	Kiến trúc	V00	20.95

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
2771	07003195	VÌ VĂN THAO	01/09/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	20.25
2772	15007469	CHU NGỌC THẢO	24/03/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	23.15
2773	24006597	ĐÌNH XUÂN THẢO	11/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.8
2774	28003789	HÀ HƯƠNG THẢO	25/11/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	22.45
2775	16010125	HOÀNG THU THẢO	08/11/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.7
2776	22011903	LÊ PHƯƠNG THẢO	28/10/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.35
2777	28001354	LÊ THỊ THẢO	04/05/2000	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	19.75
2778	24004833	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	30/04/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	19.2
2779	03007747	NGUYỄN THẠCH THẢO	17/03/2001	Nữ	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.6
2780	24006600	NGUYỄN THU THẢO	15/12/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	18.95
2781	01044949	PHAN PHƯƠNG THẢO	13/09/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18.35
2782	29013838	PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO	06/01/2000	Nữ	Công nghệ thông tin	A01	21.4
2783	01026570	PHẠM VĂN THẢO	23/07/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	17.65
2784	24006602	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	21/04/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.85
2785	26002074	VŨ THỊ THẢO	17/02/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	21.55
2786	29029992	LÊ THỊ THẨM	25/01/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	21.65
2787	03014306	BÙI VIỆT THẮNG	10/01/2000	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.9
2788	08000388	PHẠM TIẾN THẮNG	21/02/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	17.05
2789	29005544	TRẦN ĐỨC THẮNG	29/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.15
2790	01009931	BÙI QUANG THẮNG	26/09/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.6
2791	27005608	BÙI TRỌNG THẮNG	09/09/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18
2792	25015218	CAO QUANG THẮNG	13/11/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.45
2793	16011021	ĐƯƠNG XUÂN THẮNG	26/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.9
2794	01009932	ĐỖ CHIẾN THẮNG	24/01/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.85
2795	01047025	ĐỖ MẠNH THẮNG	14/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.45
2796	30013620	ĐÌNH QUỐC THẮNG	26/10/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.75
2797	29030984	HỒ SỸ THẮNG	25/09/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.35
2798	25006820	HÀ QUANG THẮNG	14/09/2001	Nam	Cơ giới hóa xây dựng	A00	19.85
2799	01063039	HOÀNG VĂN THẮNG	12/01/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	21.8
2800	25005363	HOÀNG VĂN THẮNG	01/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.45
2801	28023526	LÊ ĐỨC THẮNG	31/05/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	17.9
2802	01020902	LÊ HỮU THẮNG	04/12/2001	Nam	Kiến trúc	V00	22.95
2803	08004511	LÊ QUYẾT THẮNG	15/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.05
2804	26002760	LƯƠNG VĂN THẮNG	25/01/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	15.4
2805	18016953	LƯU XUÂN THẮNG	21/08/2001	Nam	Kiến trúc	V00	22.2
2806	12005103	NGUYỄN CHIẾN THẮNG	20/05/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	18.05
2807	12005712	NGUYỄN ĐĂNG THẮNG	02/07/2001	Nam	Máy xây dựng	A00	16.25
2808	01074635	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	06/05/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	19.95
2809	01063047	NGUYỄN HÀ VIỆT THẮNG	02/05/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.6
2810	17005288	NGUYỄN HỮU THẮNG	26/09/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	17.2
2811	26010840	NGUYỄN NGỌC THẮNG	17/09/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A01	16.35
2812	29004399	NGUYỄN NGỌC THẮNG	01/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.5
2813	26018582	NGUYỄN NHƯ THẮNG	27/02/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.4
2814	27004806	NGUYỄN THỂ THẮNG	06/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.95
2815	01049359	NGUYỄN VĂN THẮNG	07/03/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	17.95
2816	26007763	NGUYỄN VĂN THẮNG	30/06/2001	Nam	Kiến trúc	V00	23.68
2817	18010029	NGUYỄN VĂN THẮNG	01/02/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	21.6
2818	27003754	NHIỆP ANH THẮNG	26/04/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.4
2819	25001660	PHẠM ĐỨC THẮNG	21/09/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	19.1
2820	03003657	PHẠM THANH THẮNG	17/10/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	17.9
2821	22009091	PHẠM TOÀN THẮNG	13/06/2000	Nam	Kiến trúc	V00	20.26
2822	25009460	TẠ CHIẾN THẮNG	16/02/2001	Nam	Cấp thoát nước - Môi trường nước	B00	15.1
2823	26015450	TRẦN ĐỨC THẮNG	10/10/2001	Nam	Kiến trúc	V00	20.9
2824	01065037	TRẦN HỮU THẮNG	10/06/2001	Nam	Quy hoạch vùng và đô thị	V00	17.61
2825	21015125	TRẦN KIM THẮNG	31/10/2001	Nam	Kiến trúc	V00	22.85
2826	03010189	TRẦN MẠNH THẮNG	17/08/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	19.75
2827	19012972	TRỊNH ĐỨC THẮNG	18/07/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.6
2828	03008141	VŨ ĐỨC THẮNG	31/12/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.05
2829	16001403	VŨ TRẦN TOÀN THẮNG	05/10/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.48
2830	19014253	VŨ VĂN THẮNG	14/04/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.85
2831	29004407	NGUYỄN VĂN THÂN	23/12/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	19.95
2832	25004761	NGUYỄN ĐỨC THẬN	25/07/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.35
2833	27005610	LÊ DUY THỂ	11/08/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A01	19.45

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
2834	25008000	PHẠM VĂN THẾ	21/01/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	16.55
2835	25010058	NGUYỄN THỊ HỒNG THÊU	08/08/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.15
2836	15008690	ĐINH QUÝ THI	28/07/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	D07	21.5
2837	25017148	HÀ ĐÌNH THI	11/12/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	16.95
2838	30013625	VÕ TÁ THI	28/11/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A01	17.75
2839	01065723	VŨ ĐỨC THI	07/09/2000	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	16.55
2840	29017737	ĐẬU VĂN THIÊN	20/07/2000	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.9
2841	28031540	HỒ XUÂN THIÊN	29/01/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	16.45
2842	12005106	HỒ ĐỨC THIỆN	08/08/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.8
2843	01023096	NGUYỄN ĐÌNH THIỆN	09/12/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A01	16.9
2844	28003801	NGUYỄN HỮU THIỆN	12/08/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	20.5
2845	25018260	PHẠM NGỌC THIỆN	19/12/2001	Nam	Kiến trúc nội thất	V00	19.18
2846	27005613	TẠ VĂN THIỆN	21/03/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	18.45
2847	25017770	TRẦN ĐỨC THIỆN	29/12/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	20.3
2848	18007499	LÊ TIẾN QUANG THIỀU	08/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.95
2849	25005368	NGUYỄN XUÂN THIỀU	08/08/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	18.6
2850	24003493	ĐINH VĂN THÌN	06/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.85
2851	18007500	ĐẶNG ĐÌNH THÌN	05/12/2000	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.2
2852	31008051	NGUYỄN VĂN THÌN	26/01/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	18.6
2853	01005021	HOÀNG TIẾN THỊNH	10/12/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.4
2854	17005960	LÊ QUANG THỊNH	17/11/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	21
2855	01005022	NGÔ ĐỨC THỊNH	11/01/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	19.9
2856	08002937	NGÔ PHÚC THỊNH	08/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.5
2857	26010289	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	03/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.7
2858	01005391	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	14/11/2001	Nam	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	D07	19.25
2859	25008003	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	03/10/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	19
2860	03008780	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	11/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	20.05
2861	25003651	NGUYỄN ĐÌNH THỊNH	14/11/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.2
2862	03002282	NGUYỄN PHÚ THỊNH	04/04/2001	Nam	Kiến trúc	V00	19.83
2863	29016690	NGUYỄN VĂN THỊNH	26/10/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.35
2864	30012964	TRẦN ĐỨC THỊNH	26/07/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	22.4
2865	28001372	LÊ VẠN THỌ	26/10/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	20.8
2866	01041778	LŨƠNG ĐỨC THỌ	30/05/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	18.9
2867	12013240	PHẠM NGỌC THỌ	27/12/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A01	19.15
2868	28022374	PHÙNG QUANG THỌ	03/09/2000	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.25
2869	25017152	PHAN VĂN THỎA	27/03/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20
2870	37000883	NGUYỄN HỮU THOẠI	10/12/1998	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.35
2871	25017153	VŨ QUANG THOÀN	03/11/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	19.55
2872	28026210	ĐƯƠNG VĂN THÔNG	24/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.9
2873	29020624	TRẦN VĂN THÔNG	05/01/2000	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.4
2874	30013634	TRẦN VĂN THÔNG	06/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.55
2875	26018587	TRẦN VĂN THÔNG	17/02/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	19.15
2876	29029514	NGUYỄN THỊ THƠ	08/02/2001	Nữ	Tin học xây dựng	A00	19.25
2877	27002385	VŨ THỊ THƠ	17/06/2001	Nữ	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A01	15.85
2878	28024092	LÊ QUANG THU	19/05/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	19.1
2879	27004813	LẠI THỊ THU	14/02/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	D07	19.75
2880	25006832	NGUYỄN THỊ HOÀI THU	17/04/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	19.55
2881	25013943	ROÃN THỊ HOÀI THU	17/05/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	21.5
2882	18009026	ĐƯƠNG NGỌC THỤ	21/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.7
2883	26005250	KHÚC DUY THUẦN	04/11/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A01	15.35
2884	27006438	NGUYỄN VĂN THUẦN	15/09/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	23
2885	25013395	PHẠM THANH THUẦN	28/06/2001	Nam	Quy hoạch vùng và đô thị	V00	18.54
2886	25015239	BÙI ĐỨC THUẬN	28/11/2001	Nam	Kiến trúc	V00	23.86
2887	29004439	HOÀNG ĐỨC THUẬN	14/03/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.8
2888	28004693	HOÀNG TRỌNG THUẬN	29/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.45
2889	17012973	LÃ ĐỨC THUẬN	25/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.4
2890	18009028	NGUYỄN ĐĂNG THUẬN	18/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.15
2891	26008996	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	12/08/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.5
2892	01068548	NGUYỄN ĐÌNH THUẬN	19/09/1996	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	17.2
2893	25013947	VŨ MINH THUẬN	20/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.2
2894	18004466	NGUYỄN KHÁNH THUẬT	10/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.7
2895	30015171	PHAN ĐÌNH THỤC	16/01/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A00	17.6
2896	01049374	NGUYỄN THỊ THUỶ	30/09/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	20.35

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
2897	17013504	ĐỖ THU THỦY	18/09/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý đô thị	A01	18.7
2898	25012350	PHAN THỊ THU THỦY	25/05/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	21.65
2899	26005257	TRẦN QUANG THỦY	19/12/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A01	18.15
2900	28028076	LA THỊ THÚY	29/04/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	21.1
2901	03001045	LÂM THU THÚY	21/05/2001	Nữ	Quy hoạch - Kiến trúc	V01	20.65
2902	01060957	NGUYỄN THANH THÚY	08/11/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.55
2903	25015250	TẠ THỊ THÚY	20/09/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.05
2904	10006601	TẠ MINH THƯ	12/06/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18.5
2905	24006257	VŨ ĐÌNH THỨ	30/11/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.75
2906	01069952	NGHIÊM CÔNG THỨC	09/05/2001	Nam	Cấp thoát nước - Môi trường nước	A00	18.35
2907	01060970	CAO MINH THỰC	01/05/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.2
2908	26006065	BÙI THỊ THƯƠNG	04/10/2001	Nữ	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.9
2909	27000859	BÙI VĂN THƯƠNG	28/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.45
2910	21003977	ĐỖ THỊ HOÀI THƯƠNG	04/08/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.7
2911	25015955	ĐỖ THỊ THƯƠNG	28/01/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	22.65
2912	29019259	HỒ QUỲNH THƯƠNG	05/10/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	19.55
2913	28031591	LÊ THỊ THƯƠNG	20/08/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	19.1
2914	27008936	PHẠM THỊ HUYỀN THƯƠNG	13/10/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	D07	23.45
2915	29025189	PHẠM THỊ THƯƠNG	06/06/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.95
2916	19006324	NGUYỄN HỮU THƯỜNG	11/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.15
2917	21012813	LÊ QUANG THƯỜNG	01/12/2000	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21
2918	29002112	LÊ VĂN THƯỜNG	06/05/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18.55
2919	21003980	VŨ QUÝ THƯỜNG	22/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.65
2920	28008469	NGUYỄN ANH TIỀN	23/12/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.9
2921	26004304	PHẠM HẢI TIỀN	18/10/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	19.75
2922	26002798	VŨ VĂN TIỀN	01/03/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.55
2923	01005413	ĐỖ ĐỨC TIỀN	27/12/2001	Nam	Khoa học Máy tính	D07	19.25
2924	01059798	ĐÀO QUANG TIỀN	23/08/2000	Nam	Kiến trúc nội thất	V00	19.8
2925	18007529	ĐẶNG THẮNG TIỀN	16/06/2001	Nam	Kiến trúc công nghệ	V00	18.98
2926	25017821	ĐẶNG VĂN TIỀN	01/04/2001	Nam	Kiến trúc	V00	19.93
2927	10000479	HOÀNG MINH TIỀN	01/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	22.8
2928	28001845	LÊ ĐÌNH TIỀN	15/07/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.5
2929	01056959	LÊ VĂN TIỀN	15/06/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.15
2930	01061584	NGUYỄN ĐỨC TIỀN	21/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.55
2931	01049920	NGUYỄN ĐÌNH TIỀN	18/02/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A01	20.75
2932	26014828	NGUYỄN MINH TIỀN	14/11/2001	Nam	Kiến trúc nội thất	V00	19.14
2933	01020971	NGUYỄN MINH TIỀN	24/03/2001	Nam	Kiến trúc	V02	20.63
2934	25012954	NGUYỄN MINH TIỀN	31/10/2001	Nam	Kiến trúc	V02	22.25
2935	21006631	NGUYỄN MẠNH TIỀN	11/10/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.75
2936	01043697	NGUYỄN MẠNH TIỀN	13/07/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.55
2937	22007852	NGUYỄN NGỌC TIỀN	07/12/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18.2
2938	16008323	NGUYỄN NHẬT TIỀN	14/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.9
2939	01020973	NGUYỄN QUYẾT TIỀN	14/10/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	18.95
2940	27008939	NGUYỄN TRUNG TIỀN	17/06/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.49
2941	05000390	NGUYỄN VĂN TIỀN	13/10/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.55
2942	01074659	NGUYỄN VIỆT TIỀN	04/01/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	22
2943	27004831	NGUYỄN VIỆT TIỀN	05/01/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A01	19.4
2944	29031038	PHAN QUỐC TIỀN	03/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.45
2945	26018606	PHẠM XUÂN TIỀN	23/07/2001	Nam	Máy xây dựng	A00	20.15
2946	25010708	SÁI HỒNG TIỀN	25/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.2
2947	25008632	TRẦN MINH TIỀN	29/12/2001	Nam	Kiến trúc	V00	23.75
2948	25002846	TRẦN THẾ TIỀN	02/11/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	16.8
2949	26005267	TRẦN VĂN TIỀN	23/01/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A01	17.5
2950	25005844	TRẦN VIỆT TIỀN	27/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.95
2951	12005741	TRƯƠNG MẠNH TIỀN	21/12/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	19.2
2952	01011736	TRƯƠNG QUYẾT TIỀN	01/04/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.9
2953	22005009	VŨ DUY TIỀN	28/10/2001	Nam	Quy hoạch vùng và đô thị	V00	18.28
2954	01029450	VŨ HOÀNG TIỀN	30/11/2001	Nam	Kiến trúc nội thất	V00	21.85
2955	25001678	VŨ MẠNH TIỀN	22/06/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.7
2956	08005051	VÀNG VĂN TIỀNG	22/07/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	21.05
2957	22002786	BỖ TRỊNH TIỆP	22/12/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A01	16.15
2958	30009763	NGUYỄN HUY TIỆP	05/05/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.5
2959	26010337	PHẠM DUY TIỆP	02/10/2001	Nam	Kiến trúc	V00	20.94

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
2960	19012433	VŨ VĂN TIẾP	16/03/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.4
2961	29023033	PHẠM ĐÌNH TÌNH	08/08/1997	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18.05
2962	13004082	PHẠM TUẤN TÌNH	11/10/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	18.45
2963	01061598	TRẦN ANH TÌNH	25/06/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.45
2964	25013969	CAO HÀ TÌNH	20/03/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.3
2965	25015961	VŨ VĂN TỈNH	24/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	21.1
2966	22005013	LÊ HỮU TÍNH	10/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.1
2967	37002390	NGUYỄN HỮU TÍNH	10/09/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	16.65
2968	28026240	BÙI VĂN TOÀN	01/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.85
2969	03001915	BÙI KHÁNH TOÀN	15/12/2001	Nam	Kiến trúc	V00	20.31
2970	27002119	DƯƠNG VĂN TOÀN	09/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.95
2971	25012959	ĐỖ TIẾN TOÀN	15/09/2001	Nam	Kiến trúc	V00	20.56
2972	21009537	ĐINH VĂN TOÀN	14/01/2001	Nam	Kiến trúc nội thất	V00	21.14
2973	22009789	ĐẶNG VĂN TOÀN	27/06/2001	Nam	Kiến trúc	V00	20.83
2974	01041803	HOÀNG VĂN TOÀN	01/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.35
2975	28004719	LÂM THANH TOÀN	25/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20
2976	30011856	LÊ DUY TOÀN	08/05/2000	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.3
2977	01069972	LƯƠNG VĂN TOÀN	01/09/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	17.35
2978	01023155	MAI ĐỨC TOÀN	27/02/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.45
2979	29002128	NGUYỄN CHƯƠNG TOÀN	02/09/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.35
2980	62000554	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	09/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.15
2981	26009399	NGUYỄN KHÁNH TOÀN	21/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.5
2982	01003955	NGUYỄN THỂ KHÁNH TOÀN	30/08/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	21.95
2983	28026819	NGUYỄN THỊ TOÀN	20/08/2001	Nữ	Khoa học Máy tính	A01	20.8
2984	26003562	NGUYỄN TRỌNG TOÀN	23/12/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	17.6
2985	01072292	NGUYỄN VĂN TOÀN	13/02/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	18.45
2986	28026244	NGUYỄN VĂN TOÀN	16/11/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.7
2987	09002146	NGUYỄN VĂN TOÀN	24/04/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	17.65
2988	11001288	NÔNG QUANG TOÀN	08/02/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	19.4
2989	30008475	PHAN TRỌNG TOÀN	02/04/2000	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.75
2990	08003442	PHẠM QUANG TOÀN	15/05/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	17.3
2991	01005421	PHẠM QUANG TOÀN	23/07/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A01	18
2992	25011782	PHẠM VĂN TOÀN	08/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.4
2993	01019652	TRẦN MINH TOÀN	23/03/2001	Nam	Kiến trúc	V00	19.8
2994	22005014	TRẦN NGỌC TOÀN	29/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20
2995	30000591	TRẦN QUỐC TOÀN	02/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.3
2996	01009412	TRƯƠNG KHÁNH TOÀN	06/08/2001	Nam	Kiến trúc	V02	20.85
2997	16007868	VĂN MINH TOÀN	11/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.05
2998	28028100	VŨ ĐỨC TOÀN	25/03/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	20.7
2999	27002396	NGUYỄN VĂN TOÀN	15/08/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.3
3000	01047110	KHUẤT VĂN TOÁN	25/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.1
3001	06000857	MÔNG ĐÀM TÔN	06/05/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	19.25
3002	21017889	ĐẶNG VĂN TỐI	15/12/2001	Nam	Cơ giới hóa xây dựng	A01	18.75
3003	01056977	NGUYỄN VĂN TỐI	07/10/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	21.25
3004	30007394	DƯƠNG KIM TRÀ	17/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.05
3005	27003329	AN THỊ MINH TRANG	07/09/2001	Nữ	Công nghệ thông tin	A00	21.65
3006	19010515	BẠCH THỊ TRANG	29/09/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	21.95
3007	15001845	ĐỖ HUYỀN TRANG	12/02/1998	Nữ	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.75
3008	22006073	ĐỖ LÊ THÙY TRANG	30/06/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	22.44
3009	01036772	ĐỖ THỊ HUYỀN TRANG	18/01/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.95
3010	01026654	ĐỖ THỊ THÙY TRANG	26/11/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	16.95
3011	25012375	ĐINH THỊ HÀ TRANG	17/05/2001	Nữ	Kiến trúc nội thất	V00	21.76
3012	01055026	HOÀNG THU TRANG	09/08/2001	Nữ	Tin học xây dựng	A00	17.2
3013	01022016	LÊ THỊ THÙY TRANG	22/02/2001	Nữ	Khoa học Máy tính	A00	19.6
3014	22011416	LÊ THỊ THÙY TRANG	22/07/2001	Nữ	Công nghệ thông tin	A00	21.6
3015	25001684	LẠI HUYỀN TRANG	23/11/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	19.85
3016	28014470	LƯU THỊ TRANG	01/11/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	19.7
3017	03017173	NGUYỄN HÀ TRANG	25/05/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	22.15
3018	03017176	NGUYỄN KIỀU TRANG	25/04/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.65
3019	01011765	NGUYỄN NGỌC TRANG	03/01/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	21.6
3020	01024020	NGUYỄN QUỲNH TRANG	06/10/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	19.45
3021	01047153	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	18/10/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.8
3022	28025270	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	12/01/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	17.35

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
3023	24004921	NGUYỄN THỊ KIM TRANG	12/11/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	22.1
3024	26012581	NGUYỄN THỊ THU TRANG	25/08/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý bất động sản	A01	20.35
3025	01009991	NGUYỄN THỊ THU TRANG	31/12/2001	Nữ	Công nghệ thông tin	A00	21.45
3026	24002460	NGUYỄN THỊ THU TRANG	19/09/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	21.69
3027	01036832	NGUYỄN THỊ TRANG	25/12/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	21.5
3028	22007863	NGUYỄN THỊ TRANG	09/05/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	17.4
3029	01019703	NGUYỄN THÙY TRANG	16/03/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	D07	23.45
3030	38012268	PHẠM HUYỀN TRANG	23/10/2001	Nữ	Xây dựng Cầu đường	A00	18.25
3031	03001927	TRẦN THỊ HUYỀN TRANG	03/03/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	22.98
3032	25017846	VŨ HUYỀN TRANG	02/09/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	21.05
3033	08002976	VŨ THỊ HỒNG TRANG	08/05/2001	Nữ	Quy hoạch vùng và đô thị	V01	19.16
3034	19008088	ĐƯƠNG VĂN TRẮNG	11/08/2000	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.65
3035	28026265	ĐÀO TRỌNG TRẮNG	13/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.2
3036	25007543	NGUYỄN MINH TRẮNG	11/05/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.45
3037	25015990	PHẠM XUÂN TRẮNG	21/03/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	23.6
3038	26001378	NGUYỄN VĂN TRÍ	13/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.3
3039	01014402	TRẦN HỮU TRÍ	21/04/2001	Nam	Kiến trúc công nghệ	V02	22.35
3040	29002169	VÕ MINH TRÍ	05/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.15
3041	29004969	BÙI VĂN TRIỀU	13/09/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	21.3
3042	29031082	NGUYỄN HỒNG TRIỀU	28/12/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.1
3043	26010379	BÙI ĐỨC TRIỆU	04/11/2001	Nam	Cấp thoát nước - Môi trường nước	A01	15.25
3044	25015997	LÊ ĐỨC TRIỆU	05/09/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.35
3045	25008669	ĐỖ THỊ PHƯƠNG TRINH	19/09/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	19.9
3046	28000751	NGUYỄN THỊ KIỀU TRINH	30/12/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.25
3047	26006110	NGUYỄN THỊ TỔ TRINH	27/06/2001	Nữ	Kỹ thuật cơ điện	D07	21.9
3048	19008789	NGUYỄN THỊ TRINH	17/02/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.1
3049	21007719	PHẠM VĂN TRỊNH	05/05/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	22.7
3050	03009185	ĐẶNG ĐỨC TRỌNG	22/12/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.55
3051	01014409	NGUYỄN ĐỖ PHÚ TRỌNG	19/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	20.75
3052	25011803	PHẠM ĐỨC TRỌNG	20/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.15
3053	29030082	VÕ ĐÌNH TRỌNG	26/11/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.95
3054	12002449	VŨ ĐỨC TRỌNG	15/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.4
3055	01004025	VŨ TRỌNG	26/12/2001	Nam	Kiến trúc	V00	22.91
3056	25005864	LÊ VĂN TRỤ	27/05/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	17.65
3057	01057062	CÙ ĐÌNH TRUNG	31/10/2001	Nam	Kiến trúc	V00	23.39
3058	26017074	ĐỖ QUANG TRUNG	20/05/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A01	21.75
3059	01063768	ĐỖ THÊ TRUNG	29/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.05
3060	25014005	ĐÌNH VĂN TRUNG	08/10/2000	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A00	18.5
3061	22007877	ĐẶNG THÀNH TRUNG	02/09/2001	Nam	Máy xây dựng	A00	16.3
3062	29014366	HỒ QUANG TRUNG	19/10/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.25
3063	27002873	HOÀNG HỮU TRUNG	18/11/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	20.35
3064	26015536	HOÀNG QUỐC TRUNG	22/08/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	17
3065	28006978	KHƯƠNG QUỐC TRUNG	16/08/2001	Nam	Kiến trúc	V00	22.21
3066	03014438	LÊ ĐỨC TRUNG	10/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	22.35
3067	27003803	NGÔ ĐỨC TRUNG	30/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.7
3068	21006666	NGUYỄN ANH TRUNG	04/05/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A00	18.5
3069	01024049	NGUYỄN BÁ ANH TRUNG	16/02/2001	Nam	Kiến trúc	V02	19.5
3070	01010011	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	02/08/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	21.5
3071	30002732	NGUYỄN ĐÌNH TRUNG	01/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.8
3072	29028446	NGUYỄN HỮU TRUNG	27/10/2001	Nam	Kiến trúc	V00	20.69
3073	01019731	NGUYỄN HUY TRUNG	06/10/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	21.35
3074	12005175	NGUYỄN KIÊN TRUNG	02/09/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	19.5
3075	01061702	NGUYỄN QUANG TRUNG	13/07/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19
3076	01019732	NGUYỄN QUANG TRUNG	17/10/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	19.85
3077	10008317	NGUYỄN QUỐC TRUNG	03/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.25
3078	19008094	NGUYỄN QUỐC TRUNG	05/06/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	21.1
3079	25008676	NGUYỄN QUỐC TRUNG	06/01/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	19.75
3080	21006668	NGUYỄN QUỐC TRUNG	09/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.25
3081	16003546	NGUYỄN THÀNH TRUNG	18/09/2001	Nam	Kiến trúc	V00	20.41
3082	25010127	NGUYỄN THÀNH TRUNG	11/04/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.75
3083	01026711	NGUYỄN TIẾN TRUNG	15/05/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A01	21.9
3084	01066970	PHAN THÀNH TRUNG	25/03/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.7
3085	01010451	PHẠM ĐỨC TRUNG	13/09/2001	Nam	Cấp thoát nước - Môi trường nước	A00	18.85

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
3086	01028513	PHẠM HẢI LÊ TRUNG	01/02/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	19.9
3087	01005941	PHẠM HIẾU TRUNG	23/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	19.75
3088	01010452	PHẠM HOÀNG ĐĂNG TRUNG	22/04/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A01	20
3089	29005629	TRẦN ĐỨC TRUNG	13/07/2001	Nam	Máy xây dựng	A00	17.15
3090	03007827	TRẦN HUY TRUNG	19/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.2
3091	19008095	TRẦN LÊ ANH TRUNG	08/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.55
3092	03010234	TRẦN QUỐC TRUNG	11/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	20.65
3093	01004039	TRẦN QUỐC TRUNG	01/04/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A01	21.8
3094	28029210	TRẦN VIỆT TRUNG	13/08/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	22.75
3095	31006790	TRƯƠNG TẤN TRUNG	27/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.55
3096	29026449	VÕ TRẦN MẠNH TRUNG	27/01/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.4
3097	01019738	VŨ THÀNH TRUNG	05/05/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	23.3
3098	26010393	VŨ VĂN TRUNG	02/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.3
3099	28012669	VŨ VĂN TRUNG	12/06/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	18.25
3100	19005366	NGUYỄN VĂN TRUY	24/02/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A01	17.75
3101	01027867	AN QUANG TRƯỜNG	11/12/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	21.9
3102	29018579	DƯƠNG HẢI NAM TRƯỜNG	31/10/2001	Nam	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	A00	18.1
3103	16007882	ĐÀO DUY TRƯỜNG	10/01/2001	Nam	Kiến trúc	V00	19.81
3104	15000388	ĐINH PHI TRƯỜNG	08/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	24.05
3105	16005792	ĐẶNG VĂN TRƯỜNG	19/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	19.9
3106	26002846	ĐOÀN ĐỨC TRƯỜNG	26/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.5
3107	17007628	HẠ BÁ NHẬT TRƯỜNG	12/02/2001	Nam	Quy hoạch vùng và đô thị	V01	17.13
3108	22003147	HÀ ĐÌNH TRƯỜNG	28/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.65
3109	28002425	HÀ QUANG TRƯỜNG	10/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	21.1
3110	18006897	HÀ QUANG TRƯỜNG	01/01/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	19.35
3111	31006791	HÀ VĂN TRƯỜNG	25/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	22.8
3112	28025289	LÊ KHẮC TRƯỜNG	04/01/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	20.75
3113	43006368	LÊ NHẬT TRƯỜNG	19/07/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	20.1
3114	03011157	NGUYỄN DUY TRƯỜNG	27/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.3
3115	19007529	NGUYỄN ĐỨC TRƯỜNG	14/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	20.3
3116	01019744	NGUYỄN MINH TRƯỜNG	30/08/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	21.45
3117	12002010	NGUYỄN MINH TRƯỜNG	30/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.15
3118	24000847	NGUYỄN QUANG TRƯỜNG	07/03/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.9
3119	17004620	NGUYỄN THANH TRƯỜNG	19/07/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	17.55
3120	28025789	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	12/01/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.85
3121	16007511	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	09/07/2001	Nam	Quy hoạch - Kiến trúc	V01	18.65
3122	28004751	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	12/01/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.15
3123	03006325	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	12/02/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.7
3124	22006091	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	07/02/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	18.8
3125	01047212	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	14/03/2001	Nam	Kiến trúc công nghệ	V00	18.14
3126	21006676	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	30/08/2000	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.65
3127	29007909	PHAN MINH TRƯỜNG	13/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.7
3128	18017613	PHẠM HUY TRƯỜNG	12/07/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	D07	16.15
3129	01068576	PHẠM NAM TRƯỜNG	11/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.3
3130	25017860	PHẠM VĂN TRƯỜNG	17/01/2001	Nam	Kiến trúc	V00	20.41
3131	25012400	PHẠM XUÂN TRƯỜNG	16/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.65
3132	01041901	THÀO A TRƯỜNG	10/09/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	18.75
3133	03002372	TÔ HUY TRƯỜNG	24/04/2001	Nam	Kiến trúc	V00	24.25
3134	01047214	TRẦN DUY TRƯỜNG	12/07/2001	Nam	Kiến trúc nội thất	V00	19.94
3135	01057076	TRẦN NAM TRƯỜNG	06/02/2001	Nam	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	D07	15.8
3136	28026272	TRẦN VĂN TRƯỜNG	10/01/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	25.4
3137	28033870	TRỊNH VĂN TRƯỜNG	22/10/2000	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.9
3138	24005664	PHAN QUANG TRƯỜNG	04/05/1993	Nam	Kiến trúc	V02	21.48
3139	25011303	VŨ QUỐC TRƯỜNG	13/07/2001	Nam	Kiến trúc	V00	22.48
3140	30013054	BÙI NGỌC TÚ	04/09/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	20.5
3141	30006358	DƯƠNG CÔNG TÚ	25/10/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A01	21.05
3142	06003974	DƯƠNG MINH TÚ	23/06/2001	Nam	Khoa học Máy tính	D07	18.6
3143	18010694	DƯƠNG MINH TÚ	03/03/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	18.65
3144	25016012	ĐỖ QUANG TÚ	08/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.25
3145	21007723	ĐÀO ANH TÚ	22/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.25
3146	15005732	ĐÀO ANH TÚ	18/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.55
3147	01027889	HÀ ANH TÚ	29/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	20.5
3148	21004755	HÀ DUY TÚ	01/01/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	16

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
3149	12008694	HOÀNG ANH TÚ	20/09/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	19
3150	29012376	HOÀNG THỊ THANH TÚ	17/10/2001	Nữ	Khoa học Máy tính	A00	22
3151	01059124	HOÀNG VĂN TÚ	08/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.45
3152	15000772	KIỀU ĐỨC ANH TÚ	08/10/2001	Nam	Kiến trúc	V00	20.99
3153	29011250	LÊ ANH TÚ	12/01/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	18.3
3154	21016692	LÊ ANH TÚ	10/10/2001	Nam	Kiến trúc	V00	20.45
3155	25011813	NGÔ VĂN TÚ	27/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	D07	22.9
3156	01019755	NGUYỄN ANH TÚ	01/09/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	D07	20.5
3157	01008760	NGUYỄN ANH TÚ	23/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.95
3158	16007887	NGUYỄN HỮU TÚ	07/10/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.6
3159	29026455	NGUYỄN HỮU TÚ	01/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.85
3160	01064394	NGUYỄN KHẮC TÚ	10/07/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A00	19.3
3161	19001472	NGUYỄN MINH TÚ	11/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.9
3162	28017645	NGUYỄN THỊ CẨM TÚ	08/05/2000	Nữ	Kiến trúc	V02	21.95
3163	26005320	NGUYỄN XUÂN TÚ	03/05/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18.15
3164	29018599	PHAN ANH TÚ	27/07/2001	Nam	Kiến trúc công nghệ	V00	17.9
3165	25005873	PHẠM VĂN TÚ	26/02/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.45
3166	29005637	PHẠM XUÂN TÚ	04/02/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.95
3167	26007847	QUÁCH MINH TÚ	17/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.15
3168	01059134	TRẦN MẠNH TÚ	04/07/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	17.25
3169	24003920	TRƯƠNG VĂN TÚ	18/08/2001	Nam	Cơ giới hóa xây dựng	A00	18.5
3170	03017806	ĐỖ TRUNG TUÂN	19/01/2001	Nam	Kiến trúc	V00	22.41
3171	19001478	NGUYỄN VĂN TUÂN	09/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.25
3172	19012470	NGUYỄN VŨ TUÂN	20/05/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.5
3173	28001884	TRẦN ĐỨC TUÂN	26/11/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.25
3174	26002852	TRẦN VĂN TUÂN	09/04/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.5
3175	17011446	HOÀNG MINH TUẤN	07/08/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	19.4
3176	28033876	BÙI ANH TUẤN	07/02/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	18.55
3177	26002169	BÙI MINH TUẤN	29/08/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	20.8
3178	26012618	BÙI TRUNG TUẤN	07/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.55
3179	01061736	BÙI VĂN TUẤN	31/03/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	21.8
3180	62000598	CHU MẠNH TUẤN	24/12/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.45
3181	28008515	ĐỖ ANH TUẤN	30/10/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.05
3182	22009845	ĐỖ HOÀNG TUẤN	01/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.3
3183	12000811	ĐÀO TRIỆU TUẤN	19/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	21.15
3184	01022056	ĐINH ANH TUẤN	24/10/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	20.45
3185	27008960	ĐINH QUANG TUẤN	01/10/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	19
3186	01019776	ĐINH QUỐC TUẤN	19/09/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.9
3187	28031662	ĐINH QUỐC TUẤN	04/02/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	18.5
3188	21016068	ĐỒNG VĂN TUẤN	10/03/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	22.45
3189	29027066	ĐOÀN ANH TUẤN	16/07/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A01	18.15
3190	29006450	ĐẬU CÔNG TUẤN	16/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.35
3191	28002431	HÀ MINH TUẤN	13/05/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	23.7
3192	25017235	HÀ THANH TUẤN	08/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.95
3193	28028155	HOÀNG HỮU TUẤN	02/02/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.45
3194	25011815	HOÀNG MẠNH TUẤN	24/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.95
3195	25017868	LÂM VŨ ANH TUẤN	16/09/2001	Nam	Kiến trúc nội thất	V00	19.48
3196	01008773	LÊ ANH TUẤN	19/04/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	22.55
3197	33002496	LÊ ANH TUẤN	24/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.85
3198	28029840	LÊ ANH TUẤN	13/07/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.1
3199	28002433	LÊ VĂN TUẤN	01/01/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	21.55
3200	28032479	LƯỜNG QUỐC TUẤN	05/04/2001	Nam	Kiến trúc công nghệ	V02	18.73
3201	27006097	MAI QUỐC TUẤN	01/03/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	18.7
3202	21013644	MẠC VĂN TUẤN	11/08/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.81
3203	28019695	NGÔ XUÂN TUẤN	20/12/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.5
3204	26010408	NGUYỄN ANH TUẤN	10/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	24.15
3205	01049995	NGUYỄN ANH TUẤN	17/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21
3206	25001729	NGUYỄN ANH TUẤN	27/01/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.95
3207	16001013	NGUYỄN ANH TUẤN	30/08/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	17.9
3208	27004857	NGUYỄN ANH TUẤN	16/09/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.55
3209	01020238	NGUYỄN ANH TUẤN	10/10/2001	Nam	Kỹ thuật Môi trường	A00	21
3210	29004472	NGUYỄN ANH TUẤN	04/05/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.85
3211	29000573	NGUYỄN DOÃN TUẤN	15/08/2001	Nam	Kiến trúc	V00	20.3

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
3212	30006920	NGUYỄN ĐỨC TUẤN	11/02/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	22.95
3213	01020239	NGUYỄN HẢI TUẤN	08/12/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	20.35
3214	18018339	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	28/04/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A01	18
3215	24006295	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	05/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.15
3216	19011923	NGUYỄN HỮU TUẤN	28/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.6
3217	01059148	NGUYỄN MINH TUẤN	28/08/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	19.25
3218	22009847	NGUYỄN MINH TUẤN	18/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.85
3219	12005789	NGUYỄN MINH TUẤN	05/09/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	22.15
3220	16002562	NGUYỄN MINH TUẤN	12/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.75
3221	01049999	NGUYỄN MẠNH TUẤN	18/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.65
3222	03009211	NGUYỄN QUỐC TUẤN	02/11/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	16.45
3223	12005191	NGUYỄN QUỐC TUẤN	19/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.5
3224	01028519	NGUYỄN THÁI TUẤN	01/11/2001	Nam	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	D07	15.5
3225	01038152	NGUYỄN TRẦN LÊ TUẤN	15/09/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A01	21.2
3226	19010546	NGUYỄN VĂN TUẤN	23/01/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	20
3227	18004549	NGUYỄN VĂN TUẤN	29/01/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A00	21.8
3228	25015316	NGUYỄN VĂN TUẤN	26/10/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	19.6
3229	21018647	NGUYỄN VĂN TUẤN	11/10/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	19.65
3230	01033179	NGUYỄN VIỆT TUẤN	23/01/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	16.45
3231	01051167	NGUYỄN VƯƠNG TUẤN	12/10/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.55
3232	01038135	NGUY ĐÌNH ANH TUẤN	05/01/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.7
3233	25005443	NINH ĐÌNH NGỌC TUẤN	12/09/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	16.6
3234	26006149	PHAN LÊ QUANG TUẤN	07/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20
3235	30004995	PHAN VĂN TUẤN	11/07/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	17.9
3236	31007348	PHẠM ANH TUẤN	26/09/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	20.85
3237	08004557	PHẠM ANH TUẤN	22/12/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	22.25
3238	30009815	PHẠM CÔNG TUẤN	24/12/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.7
3239	25011307	PHẠM VĂN TUẤN	30/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	19.65
3240	17001980	TÔ THANH TUẤN	20/02/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	19.3
3241	16005815	TRIỆU THANH TUẤN	18/10/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	21.85
3242	27006479	TRẦN ANH TUẤN	22/05/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.65
3243	25001730	TRẦN ANH TUẤN	18/05/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	19.15
3244	26007853	TRẦN ANH TUẤN	14/03/2001	Nam	Kiến trúc	V00	22.55
3245	25016646	TRẦN ANH TUẤN	22/11/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.65
3246	28018784	TRẦN NGỌC TUẤN	30/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.4
3247	19001484	TRẦN VĂN TUẤN	13/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	24.5
3248	28020685	TRƯƠNG QUỐC TUẤN	01/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.05
3249	01022073	VŨ ANH TUẤN	17/06/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	21.5
3250	01008790	VŨ NGỌC TUẤN	10/03/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	18.65
3251	29028485	VŨ THANH TUẤN	03/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	20.05
3252	21008081	VŨ THÀNH TUẤN	27/08/2001	Nam	Cơ giới hóa xây dựng	A01	15.25
3253	01035720	VŨ VĂN TUẤN	01/04/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.3
3254	11000996	HÀ THỊ TÚC	20/05/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.45
3255	22011448	BÙI DUY TÙNG	22/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.05
3256	27004859	BÙI ĐỨC TÙNG	14/10/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.45
3257	29017394	BÙI THANH TÙNG	04/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.8
3258	15008012	BÙI THANH TÙNG	16/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	24.4
3259	26013689	BÙI THANH TÙNG	20/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	20.65
3260	23001345	BÙI XUÂN TÙNG	07/08/2001	Nam	Cấp thoát nước - Môi trường nước	A00	21.2
3261	28007012	CÀM BÁ TÙNG	16/07/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	23.2
3262	01001075	ĐỖ HOÀNG TÙNG	20/09/2000	Nam	Kiến trúc công nghệ	V02	17.93
3263	22011449	ĐỖ THANH TÙNG	05/02/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.43
3264	25008689	ĐẶNG VĂN TÙNG	16/01/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.4
3265	27005228	ĐOÀN MẠNH TÙNG	26/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.05
3266	01012768	HÀ SƠN TÙNG	25/03/2000	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	19.6
3267	16001020	HOÀNG NGUYỄN TÙNG	19/08/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.3
3268	28020073	LÊ DUY TÙNG	07/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.25
3269	26018210	LÊ ĐỨC TÙNG	08/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.95
3270	17004645	LÊ XUÂN TÙNG	12/10/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	20.45
3271	01020244	LƯU BÁCH TÙNG	27/08/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	22.5
3272	19005386	NGÔ MINH TÙNG	30/07/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.1
3273	19001488	NGÔ XUÂN TÙNG	18/04/2001	Nam	Tin học xây dựng	A01	19.4
3274	14003190	NGUYỄN ANH TÙNG	21/08/2001	Nam	Tin học xây dựng	A01	17.1

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
3275	01003429	NGUYỄN CẢNH TÙNG	18/03/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A01	19.95
3276	01022085	NGUYỄN ĐẮNG TÙNG	09/10/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.4
3277	01026764	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	29/12/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	18.9
3278	03014486	NGUYỄN ĐÌNH TÙNG	17/01/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.6
3279	22007461	NGUYỄN MINH TÙNG	11/07/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.65
3280	26006152	NGUYỄN MINH TÙNG	29/03/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	20.8
3281	19013874	NGUYỄN QUANG TÙNG	15/11/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	18.2
3282	01074124	NGUYỄN SƠN TÙNG	29/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	D07	23.05
3283	03000601	NGUYỄN SƠN TÙNG	23/12/2001	Nam	Kiến trúc	V00	22.04
3284	03001948	NGUYỄN THẾ TÙNG	20/09/2001	Nam	Kiến trúc	V00	23.26
3285	24004954	NGUYỄN THANH TÙNG	31/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.4
3286	28012686	NGUYỄN THANH TÙNG	03/10/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	20.85
3287	29029165	NGUYỄN THANH TÙNG	20/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20
3288	01041960	NGUYỄN THANH TÙNG	29/03/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A00	16.55
3289	24002116	NGUYỄN THANH TÙNG	06/04/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	D07	17.9
3290	18016026	NGUYỄN THANH TÙNG	09/05/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	15.3
3291	28018202	NGUYỄN TRÍ TÙNG	24/04/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.6
3292	27000371	NGUYỄN TRỌNG TÙNG	08/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	19.65
3293	19005390	NGUYỄN VĂN TÙNG	29/11/2001	Nam	Máy xây dựng	A01	19.35
3294	01022091	NGUYỄN XUÂN TÙNG	21/07/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A01	19.9
3295	28028165	PHAN HOÀNG TÙNG	19/09/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.95
3296	19008115	QUÁCH ĐĂNG TÙNG	24/11/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	22.3
3297	01020249	TRIỆU KHÁNH TÙNG	16/02/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	20.35
3298	14010334	TRẦN HUY TÙNG	05/04/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A00	17.4
3299	22003730	TRẦN THANH TÙNG	23/04/2001	Nam	Máy xây dựng	A01	16.35
3300	25014646	TRẦN THANH TÙNG	23/07/2000	Nam	Kiến trúc	V00	23.86
3301	30003346	TRƯƠNG KHÁNH TÙNG	03/02/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	20.3
3302	28029852	VIÊN ĐÌNH TÙNG	06/06/2001	Nam	Quy hoạch vùng và đô thị	V00	18.61
3303	25001739	VŨ THANH TÙNG	11/07/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	21.45
3304	25013462	VŨ THANH TÙNG	23/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.45
3305	17007277	VŨ VĂN TÙNG	21/09/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A01	20.75
3306	25016653	ĐỖ MINH TUYỀN	06/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.3
3307	28026279	NGHIÊM VĂN TUYỀN	06/01/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	22.5
3308	03017210	NGUYỄN ĐỨC TUYỀN	11/08/2000	Nam	Công nghệ thông tin	A00	21.45
3309	21019301	NGUYỄN KHẮC TUYỀN	09/04/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.75
3310	24005917	NGUYỄN NGỌC TUYỀN	09/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	24.1
3311	01057122	NGUYỄN VĂN TUYỀN	04/02/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.51
3312	05003857	PHẠM NGỌC TUYỀN	18/07/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	17.7
3313	25008068	PHẠM VĂN TUYỀN	24/02/2001	Nam	Máy xây dựng	A01	17.9
3314	21006038	BÙI CÔNG TUYỀN	18/10/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	18.95
3315	26007859	NGUYỄN PHÚ TUYỀN	20/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.8
3316	12009678	NGUYỄN THANH TUYỀN	01/03/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	21.45
3317	25017248	NGUYỄN VĂN TUYỀN	11/08/2001	Nam	Kiến trúc	V00	20.9
3318	22011456	PHAN THANH TUYỀN	10/10/2000	Nam	Quy hoạch vùng và đô thị	V00	18.46
3319	01041973	TRẦN CÔNG TUYỀN	26/08/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.2
3320	24003928	NGUYỄN VĂN TUYỀN	17/02/2000	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	15.25
3321	22009859	NGUYỄN XUÂN TUYỀN	03/07/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A00	20.45
3322	25008694	BÙI DUY TUYỀN	05/11/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.15
3323	25016027	PHẠM VĂN TUYỀN	02/02/2000	Nam	Kiến trúc công nghệ	V00	18.65
3324	25017876	TRẦN VĂN TUYỀN	30/08/2001	Nam	Kiến trúc	V00	22.36
3325	25014025	NGUYỄN THỊ KIM TUYẾT	19/07/2001	Nữ	Công nghệ thông tin	A01	22.6
3326	08003483	NGUYỄN THANH TUYẾT	19/05/2001	Nữ	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.2
3327	01027965	ĐOÀN VĂN TỰ	20/09/2001	Nam	Cơ giới hóa xây dựng	A00	16.35
3328	29030683	ĐOÀN VĂN TƯỜNG	06/01/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	17.85
3329	25013010	BÙI VĂN TƯỜNG	25/03/2001	Nam	Kiến trúc	V00	21.5
3330	19013065	ĐỖ ĐỨC TUỒNG	05/05/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.6
3331	21013666	MAI NGỌC UY	07/03/2001	Nam	Kỹ thuật cơ khí	A00	19.1
3332	18008627	DƯƠNG THỊ UYÊN	17/06/2001	Nữ	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	23.55
3333	40008454	NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN	18/01/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	21.85
3334	28028177	NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN	12/02/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.95
3335	29000598	NGUYỄN THỊ THU UYÊN	15/10/2001	Nữ	Kiến trúc nội thất	V00	20.79
3336	21015230	NGUYỄN THỊ UYÊN	28/10/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	22.63
3337	01041291	QUÁCH THẢO UYÊN	17/06/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A01	21.75

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
3338	24004969	TRẦN THỊ THU UYÊN	24/01/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	19.85
3339	17003967	VŨ THỊ UYÊN	24/09/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	20.61
3340	01020252	ĐỖ THÁI VĂN	24/09/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A01	18.2
3341	26006169	ĐẶNG ANH VĂN	01/12/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.15
3342	25010166	HOÀNG QUANG VĂN	03/04/2000	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20
3343	28001907	LÊ TIỀN VĂN	20/05/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	17.9
3344	19009699	NGUYỄN VĂN VĂN	02/02/2000	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	17.65
3345	25012420	PHẠM ĐÌNH VĂN	25/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.55
3346	27007562	PHẠM THẾ VĂN	05/05/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.9
3347	22006839	LÊ HẢI VÂN	27/04/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.95
3348	21016096	NGUYỄN THỊ THANH VÂN	04/03/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	19.96
3349	01048967	NGUYỄN THỊ THẢO VÂN	03/02/2001	Nữ	Kiến trúc nội thất	V02	19
3350	03003740	PHẠM THU VÂN	01/01/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.35
3351	26012646	TRẦN THỊ THẢO VÂN	28/11/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	20.6
3352	25014667	TRẦN THỊ TRIỆU VI	20/08/2001	Nữ	Kinh tế và quản lý đô thị	D07	20.2
3353	01048975	CẦN THANH VĨ	28/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.95
3354	03001967	NGUYỄN THẾ VĨ	17/08/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	16.1
3355	25009101	NGUYỄN VĂN VĨ	12/03/2000	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	20.2
3356	23001353	BÙI HỮU VIỆT	13/10/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A01	21.6
3357	01006001	BÙI QUỐC VIỆT	27/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.6
3358	26007884	BÙI QUỐC VIỆT	04/01/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	19.7
3359	28001470	ĐƯƠNG QUỐC VIỆT	12/04/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	21.35
3360	28020087	ĐÀO HOÀNG QUỐC VIỆT	01/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.25
3361	01006002	ĐINH BÁ VIỆT	06/01/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A01	19.5
3362	24000295	ĐẶNG QUỐC VIỆT	04/07/2000	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.45
3363	26010921	HOÀNG ĐỨC VIỆT	02/02/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	20.3
3364	21018663	HOÀNG VĂN VIỆT	14/10/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	21.4
3365	01022136	KHUỖNG MẠNH VIỆT	16/11/2001	Nam	Máy xây dựng	A00	17.2
3366	01045072	LÊ HOÀNG VIỆT	02/08/2001	Nam	Kỹ thuật cơ điện	A00	19.85
3367	01006006	LÊ HOÀNG VIỆT	22/09/2001	Nam	Cơ giới hóa xây dựng	A01	20.55
3368	03014520	LÊ MINH VIỆT	12/01/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A01	19.45
3369	01064462	LÊ QUỐC VIỆT	22/03/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	18.85
3370	25017887	LẠI QUỐC VIỆT	23/03/2001	Nam	Kiến trúc công nghệ	V00	18.99
3371	29030705	NGUYỄN DUY VIỆT	01/04/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.6
3372	01006007	NGUYỄN ĐĂNG VIỆT	05/10/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	19.8
3373	29004483	NGUYỄN ĐỨC VIỆT	23/05/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	20.6
3374	28001909	NGUYỄN ĐÌNH VIỆT	06/10/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	18.15
3375	27006124	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	10/02/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.15
3376	01060427	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	21/10/2001	Nam	Máy xây dựng	A00	16.4
3377	01069298	NGUYỄN QUANG VIỆT	01/10/2001	Nam	Quy hoạch vùng và đô thị	V00	17.58
3378	01035741	NGUYỄN QUỐC VIỆT	24/07/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.55
3379	19011221	NGUYỄN XUÂN VIỆT	13/07/2001	Nam	Kiến trúc	V02	20.6
3380	21013689	PHẠM HỒNG VIỆT	22/10/2001	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	19.15
3381	22005060	PHÙNG ĐỨC VIỆT	26/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21
3382	17006877	TÔ TIỀN VIỆT	04/05/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.7
3383	25001748	VŨ ĐỨC VIỆT	05/03/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	21
3384	26012651	VŨ HOÀNG VIỆT	16/07/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	22.2
3385	21011144	VŨ TRỌNG VIỆT	05/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	21.1
3386	08004287	BÙI QUANG VINH	02/09/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	24
3387	15005239	ĐỖ QUANG VINH	28/07/2000	Nam	Kiến trúc	V00	19.65
3388	29022575	ĐẶNG THÀNH VINH	27/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.2
3389	24003944	NGÔ THẾ VINH	05/06/2001	Nam	Khoa học Máy tính	A00	21.4
3390	29027879	NGUYỄN THẾ VINH	25/06/2001	Nam	Kiến trúc	V00	20.91
3391	19005414	NGUYỄN THẠC VINH	05/08/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.7
3392	25015357	NGUYỄN VĂN VINH	17/06/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	19.9
3393	15008792	NGUYỄN VĂN VINH	02/03/2000	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.15
3394	29027880	NGUYỄN XUÂN VINH	24/03/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	22.5
3395	27006125	PHẠM QUANG VINH	14/11/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.5
3396	21006717	PHẠM THÀNH VINH	06/11/2001	Nam	Kiến trúc	V00	19.59
3397	15011781	TRẦN ĐỨC VINH	19/06/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	21.25
3398	29026041	TRẦN QUANG VINH	06/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.15
3399	28028203	TRẦN QUANG VINH	23/05/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	19.35
3400	01020275	TRƯƠNG TUẤN VINH	09/07/2001	Nam	Khoa học Máy tính	D07	20.45

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành/ chuyên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
3401	02052608	NGUYỄN XUÂN VỊNH	13/09/1997	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	18.5
3402	01006018	BỒ XUÂN ANH VŨ	17/02/2001	Nam	Tin học xây dựng	D07	17.9
3403	21017964	ĐẶNG VĂN VŨ	23/09/2001	Nam	Kiến trúc công nghệ	V00	17.98
3404	01003483	ĐOÀN MINH VŨ	03/07/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	D07	18
3405	01049559	KIỀU QUANG VŨ	20/10/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.75
3406	28025340	LÊ TRẦN VŨ	02/07/2001	Nam	Máy xây dựng	A00	17.8
3407	01067623	LÊ TUẤN VŨ	13/02/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	18.9
3408	01006021	LÊ XUÂN VŨ	01/07/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A01	18.35
3409	01008862	LƯƠNG MINH VŨ	18/07/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng (*) (gồm 8 chuyên ngành)	A00	17.7
3410	01003485	NGÔ LONG VŨ	03/10/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A01	22.1
3411	17011488	NGUYỄN HOÀNG VŨ	07/11/2001	Nam	Kiến trúc	V00	20.65
3412	01057190	NGUYỄN MINH VŨ	09/07/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.1
3413	26002888	NGUYỄN TRƯỜNG VŨ	07/12/2001	Nam	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	A00	15.55
3414	26014920	PHẠM ĐỖ LONG VŨ	12/12/2001	Nam	Kiến trúc	V00	20.08
3415	01020285	TRẦN LÊ VŨ	02/12/2001	Nam	Quy hoạch vùng và đô thị	V02	18.38
3416	01026822	TRẦN QUANG VŨ	22/06/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A01	21.55
3417	01013640	TRƯƠNG TUẤN VŨ	25/07/2001	Nam	Kiến trúc nội thất	V02	19.35
3418	29009028	ĐỀNH BÁ VŨA	01/02/2000	Nam	Xây dựng Cầu đường	A00	22.4
3419	01008869	LÊ THÀNH VƯƠNG	08/10/2001	Nam	Khoa học Máy tính	D07	20.55
3420	01064477	NGUYỄN QUỐC VƯƠNG	30/01/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.45
3421	27007939	PHẠM MINH VƯƠNG	24/01/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.25
3422	25005464	VŨ DUY VƯƠNG	20/02/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	22.65
3423	29004486	CHU VĂN VƯƠNG	04/04/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.95
3424	28031713	LÊ VĂN VƯỢNG	13/08/2001	Nam	Kinh tế và quản lý đô thị	A00	17.5
3425	26002893	NGUYỄN BÁ VƯỢNG	19/10/2001	Nam	Công nghệ thông tin	A00	23
3426	27006127	VŨ TIẾN VƯỢNG	09/11/2001	Nam	Tin học xây dựng	A00	17.75
3427	01003500	LÊ KHÁNH VY	14/08/2001	Nữ	Kiến trúc	V02	21.83
3428	49009551	ĐÌNH THANH XUÂN	03/12/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	20.5
3429	12003443	PHẠM PHÚ XUÂN	21/03/2001	Nam	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	21.65
3430	03012735	TRẦN THỊ XUÂN	07/02/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	20.58
3431	16007141	VŨ VĂN XUÂN	30/01/2001	Nam	Máy xây dựng	A00	19.5
3432	18013154	LÊ XUÂN Ý	12/07/2000	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	20.8
3433	28029885	NGUYỄN XUÂN Ý	26/06/2001	Nam	Kinh tế và quản lý bất động sản	A00	16.5
3434	16005095	ĐẶNG VĂN YÊN	08/04/2001	Nam	Kinh tế xây dựng	A00	19.75
3435	21007765	VŨ HẢI YÊN	10/10/2001	Nam	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	A00	19.45
3436	01039448	ĐẶNG HẢI YÊN	16/12/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	19.8
3437	30016274	KIỀU THỊ HOÀNG YÊN	14/12/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.3
3438	01007730	LÝ HẢI YÊN	22/09/2000	Nữ	Khoa học Máy tính	A01	20.3
3439	22009208	NGÔ THỊ YẾN	21/05/2001	Nữ	Kiến trúc nội thất	V00	23.6
3440	24003583	NGUYỄN HOÀNG YẾN	15/09/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	19.8
3441	27008637	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	19/01/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	20.3
3442	27006865	NGUYỄN THỊ YẾN	11/01/2001	Nữ	Kinh tế xây dựng	A00	22.55
3443	27007582	NGUYỄN VŨ HẢI YẾN	22/11/2001	Nữ	Công nghệ thông tin	A00	21.45
3444	22006136	TRẦN THỊ HẢI YẾN	19/02/2001	Nữ	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	A00	23.5
3445	01022692	VŨ HẢI YẾN	16/09/2001	Nữ	Kiến trúc	V00	20.74